

Số: **5582/QĐ-UBND**

Hà Nội, ngày **06** tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC ngày 11/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 201/TTr-SNN ngày 23/9/2016 và ý kiến của Sở Tư pháp tại công văn số 1766/STP-KSTTHC ngày 15/9/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 75 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:

Thủ tục hành chính cấp Thành phố: 02 thủ tục.

Thủ tục hành chính cấp sở: 63 thủ tục.

Thủ tục hành chính cấp quận, huyện, thị xã: 07 thủ tục.

Thủ tục hành chính cấp xã, phường, thị trấn: 03 thủ tục.

*(có phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quyết định: Quyết định số: 1865/QĐ-UBND ngày 22/4/2011, Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 18/4/2012, Quyết định số 4277/QĐ-UBND ngày 26/9/2012, Quyết định số 5408/QĐ-UBND ngày 21/11/2012; Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 02/4/2013, Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 08/5/2013, Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 08/01/2014, Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 03/9/2014, Quyết định số 7088/QĐ-UBND ngày

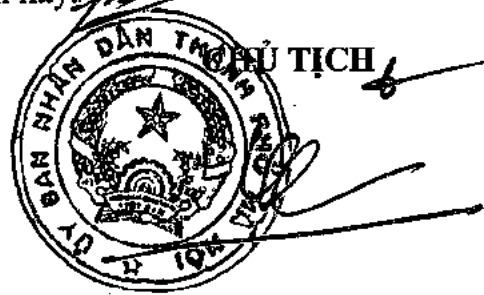
26/12/2014, Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 08/4/2015, Quyết định số 4381/QĐ-UBND ngày 01/9/2015, Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội .

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC- Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- VPUBTP: CVP, các PVP P.C. Công, N.N.Kỹ;
- Các phòng: NC, KT, TKBT, TH; *VL*
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Công giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, NC<sup>(b)</sup>.

*51646C1307*



**Nguyễn Đức Chung**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



Phụ lục  
**BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Trang	
1	1	Xác nhận đăng ký huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới	UBND Thành phố	6 8
2	2	Công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới		

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Trang
<b>I</b> <b>Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư và Quản lý xây dựng công trình .</b>			
3	1	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà.	36
4	2	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm C.	41
5	3	Thẩm định dự án (nhóm B, C)	45
6	4	Thỏa thuận quy hoạch chuyên ngành	49
7	5	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.	51
8	6	Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	53
9	7	Thẩm định, trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	55
10	8	Thẩm định, trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình	60
<b>II</b> <b>Lĩnh vực Chăn nuôi.</b>			
11	1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phối, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	62
12	2	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phối, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	67
13	3	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	69
14	4	Tiếp nhận Công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi	72

<b>III</b>		<b>Lĩnh vực Trồng trọt, lâm nghiệp</b>		
15	1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	76
16	2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.		80
17	3	Cấp lại giấy Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.		84
18	4	Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng		85
19	5	Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón		90
20	6	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức		94
21	7	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận cây trọt; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).		96
22	8	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con		99
23	9	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống		101
24	10	Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức		104
25	11	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.		107
<b>IV</b>		<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>		
26	1	Cấp/Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	Chi cục bảo vệ thực vật	112
27	2	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.		118
28	3	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật		122
29	4	Tiếp nhận Công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật.		125
30	5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật		129
29		<b>Lĩnh vực Đê điều và Phòng chống lụt bão</b>		
31	1	Cấp biển xe được phép đi trên đê trong mùa lũ	Chi cục Đê điều và PCLB	131
32	2	Cấp giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều		133
33	3	Gia hạn giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều		135
34	4	Hướng dẫn, cung cấp thông tin, thỏa thuận hoạt động liên quan đến đê điều		137
<b>VI</b>		<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>		
35	1	Thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Thủy lợi	139
36	2	Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho		143

		các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi		
37	3	Thẩm định hồ sơ cấp phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Chi cục Thủy lợi	146
38	4	Thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi		149
39	5	Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi		152
<b>VII</b>		<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản</b>	Chi cục QLCL NLS và thủy sản	
40	1	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu		155
41	2	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm		158
<b>VIII</b>		<b>Lĩnh vực Chế biến nông lâm sản và nghề muối</b>	Chi cục Phát triển nông thôn	
42	1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu		161
<b>IX</b>		<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>		
43	1	Cấp lần đầu/cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.	Chi cục Thủy sản	165
44	2	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.		169
45	3	Đăng ký Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.		171
46	4	Đăng ký Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.		175
47	5	Đăng ký Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.		179
48	6	Đăng ký Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.		183
49	7	Đăng ký Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống tại địa phương tiếp nhận.		187
50	8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y thủy sản (gọi chung là thuốc thú y thủy sản).		189
51	9	Cấp/cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc thú y dùng cho động vật thủy sản.		193
52	10	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.		197
53	11	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)		200

*VB* 3

54	12	Cấp giấy chứng nhận bè cá.		203
<b>X</b>		<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>		
55	1	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Chi cục Kiểm Lâm	206
56	2	Giao nộp gấu cho nhà nước		208
57	3	Cấp giấy phép vận chuyển gấu		210
58	4	Đóng dấu búa kiểm lâm		212
59	5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và phụ lục II, III của CITES.		213
60	6	Cấp mới/ cấp bổ sung/ cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại		217
61	7	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng.		220
62	8	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cô thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu.		223
<b>XI</b>		<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản (TTHC chung cho cấp sở, cấp quận, huyện, thị xã; cấp xã, phường, thị trấn)</b>		
63	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (cấp mới; cấp lại khi sắp hết hạn; cấp lại trong trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh)	Cấp sở; cấp quận huyện, thị xã; cấp xã, phường, thị trấn	225
64	2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận. Riêng trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh thì thực hiện theo trình tự thủ tục cấp mới) .		233
65	3	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.		237

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP QUẬN HUYỆN, THỊ XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Trang
66	1	Giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân và giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	242

*Vals* 4

67	2	Cải tạo rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.	UBND quận, huyện, thị xã	250
68	3	Thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.		252
69	4	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cấp huyện.		253
70	5	Thẩm định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán các công trình xây dựng trong lĩnh vực nông nghiệp.		254
71	6	Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình thủy lợi đầu tư vốn ngân sách nhà nước.		255
72	7	Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới		256

#### D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

STT	Tên thủ tục hành chính		Cơ quan thực hiện	Trang
73	1	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên (của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân).	UBND xã, phường, thị trấn	258
74	2	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.		261
75	3	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.		263

*Info*

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ .**

**1. Tên thủ tục: Xác nhận đăng ký huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới**

Trình tự thực hiện	a) UBND huyện, thị xã (sau đây gọi chung là cấp huyện) nộp văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) trước ngày 15 tháng 12 của năm liền kề trước năm đánh giá. b) UBND Thành phố xem xét, xác nhận văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới đối với huyện đã có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm đánh giá.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính). b) Số lượng: 05 bản.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND huyện, UBND Thành phố xác nhận văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; trường hợp không chấp thuận nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện TTHC	UBND cấp huyện.
Cơ quan thực hiện TTHC	UBND Thành phố
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới (xác nhận 05 bản để gửi cho các cơ quan có liên quan) Bao gồm: - Văn thư UBND Thành phố: 01 bản - Phòng Kinh tế - UBND Thành phố: 01 bản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bản - Văn phòng Điều phối Chương trình Xây dựng NTM: 01 bản - UBND huyện: 01 bản
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Mẫu số 1.2 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Huyện đã có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm đánh giá.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; - Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; - Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính

*Vh*



	<p>phù về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;</p> <p>- Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.</p> <p>- Quyết định số 5566/QĐ-BNN-VPĐP ngày 25/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Hướng dẫn số 456/HD-SNN ngày 11/12/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội;</p>
--	--

Mẫu số 1.2 - Phụ lục I (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-.....

....., ngày.... tháng ... năm ...

V/v đăng ký “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới” năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng ..... năm ....., huyện ..... có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... (tổng số) xã, đạt ..... % (so với quy định tại Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, ..... ) và có đủ điều kiện phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm .....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện ..... (tỉnh/thành phố ..... ) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm ..... để được công nhận “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới” năm .....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... xem xét, xác nhận./.

XÁC NHẬN CỦA UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...  
CHỦ TỊCH  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TM. UBND HUYỆN .....  
CHỦ TỊCH  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vab

## 2. Tên thủ tục: Công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới

Trình tự thực hiện

### a) Cấp xã:

- UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 01 tháng 9 hàng năm như sau: UBND xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Ban chỉ đạo xã, Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo UBND xã.

- UBND xã tổ chức lấy ý kiến như sau:

+ UBND xã gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã;

+ UBND xã thông báo, công bố công khai báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày; trong thời gian thông báo, công bố công khai, UBND xã giao Ban quản lý xã phối hợp với các Ban Phát triển thôn tổ chức họp các thôn để lấy ý kiến, yêu cầu cuộc họp thôn phải có từ 70% trở lên đại diện số hộ dân trong thôn tham dự và lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân đồng ý hoặc không đồng ý (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) với kết quả thực hiện các tiêu chí của xã, gửi UBND xã;

+ UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã và có từ 80% trở lên đại diện số hộ dân trong xã đã tham dự các cuộc họp thôn biểu quyết hoặc bỏ phiếu đồng ý với kết quả thực hiện các tiêu chí của xã.

- UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban chỉ đạo xã, Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện trước ngày 25 tháng 9 hàng năm, (các xã nộp hồ sơ sau ngày 25 tháng 9 hàng năm, nếu cấp huyện đảm bảo bố trí tổ chức thẩm tra, hoàn thiện xong hồ sơ trình UBND Thành phố trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, được UBND Thành phố xem xét thẩm định, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới).

### b) Cấp huyện:

- Tổ chức thẩm tra: UBND cấp huyện giao tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới của huyện để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Phòng Kinh tế (Cơ quan thường trực Chương trình cấp huyện) xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo UBND cấp huyện;

- Tổ chức lấy ý kiến:

+ UBND cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện;

+ UBND cấp huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt

*Vals* 8

	<p>từng tiêu chí cho từng xã để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.</p> <p>- UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân cấp huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, (đối với các huyện và thị xã trình sau ngày 20 tháng 10 hàng năm, nếu Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới Thành phố bố trí được thời gian tổ chức thẩm tra, trình Hội đồng thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới Thành phố thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, được UBND Thành phố xem xét thẩm định, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới).</p> <p><b>c) Cấp Thành phố:</b></p> <p>- Tổ chức thẩm định: UBND Thành phố giao Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới Thành phố thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện trên địa bàn Thành phố. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Chương trình Thành phố) xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã của từng huyện (trên cơ sở xác nhận mức độ đạt các tiêu chí của các Sở, ban, ngành được giao phụ trách), báo cáo UBND Thành phố.</p> <p>- Tổ chức xét công nhận: UBND Thành phố tổ chức họp (gồm các thành viên Hội đồng thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới Thành phố thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; Cơ quan thường trực Chương trình Thành phố hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định;</p> <p>- Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Hồ sơ UBND xã nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới</p> <p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>+ Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - Mẫu số 2.1 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT);</p> <p>+ Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính - Mẫu số 3.1 tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số</p>

*Vũ* 9

	<p>40/2014/TT-BNNPTNT);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính - Mẫu số 4.1 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT);</li> <li>+ Biên bản họp lấy ý kiến các thôn</li> <li>+ Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - Mẫu số 5.1 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ).</li> </ul> <p>- Số lượng: 02 bộ hồ sơ.</p> <p>- Nơi nhận: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện</p> <p>b) Hồ sơ UBND cấp huyện nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ:</li> <li>+ Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - Mẫu số 2.2 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT);</li> <li>+ Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã (bản chính - Mẫu số 6.1 tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT);</li> <li>+ Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã (bản chính - Mẫu số 7.1 tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT);</li> <li>+ Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - Mẫu số 5.2 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT).</li> </ul> <p>(Kèm theo hồ sơ UBND xã nộp để thẩm tra)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng: 01 bộ hồ sơ.</li> <li>- Nơi nhận: Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố.</li> </ul>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>a) Thời gian UBND cấp huyện hoàn thành thẩm tra, nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 10 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND xã, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí; trường hợp xã chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.</p> <p>b) Thời gian UBND Thành phố hoàn thành thẩm định, Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện, UBND Thành phố trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện; trường hợp xã chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.</p>

*V.B.* 10

Đối tượng thực hiện TTHC	- UBND xã. - UBND cấp huyện.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND Thành phố b) Cơ quan thực hiện : UBND Thành phố
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Thời hạn 05 năm kể từ ngày ký
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu kèm theo hồ sơ cấp xã. - Biên bản họp thôn - Tờ trình về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới mẫu số 2.1 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT); - Báo cáo Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới Mẫu số 3.1 tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT); - Báo cáo Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới Mẫu số 4.1 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT); - Biên bản họp đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới Mẫu số 5.1 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ). 2. Mẫu kèm theo hồ sơ cấp huyện. - Tờ trình về việc thẩm định, đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới Mẫu số 2.2 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT - Báo cáo Thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Mẫu số 6.1 tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT); - Báo cáo Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới của xã Mẫu số 7.1 tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT); - Biên bản Họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới mẫu số 5.2 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Đảm bảo các điều kiện theo Mục a khoản 4 điều 1 tại Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; - Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; - Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; - Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; - Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông

*Vsh* 11

ngành và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.  
- Quyết định số 5566/QĐ-BNN-VPĐP ngày 25/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

\* Ghi chú: Việc đánh giá, xét công nhận lại đối với xã đạt chuẩn NTM thực hiện sau 5 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của UBND thành phố Hà Nội (quy định tại khoản 2, Điều 2 của Thông tư 40/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

V.B

www.LuatVietnam.vn

Mẫu kèm theo hồ sơ cấp xã  
(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT)

Mẫu số 2.1 - Phụ lục II  
ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TT-UBND

....., ngày .... tháng ... năm 20...

### TỜ TRÌNH

Về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....., tỉnh .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Quyết định ..... phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới của xã .....

và Báo cáo số ...../BC-UBND ngày .../.../20..... của UBND xã ..... về kết quả

thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã .....

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày .../.../20..... của UBND xã ..... đề nghị xét  
công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới .....

UBND xã ..... kính trình UBND huyện ..... thẩm tra, đề nghị xét công  
nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo ..... kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính - kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới).
2. Báo cáo ..... tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính).
3. Biên bản cuộc họp ..... đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

Kính đề nghị UBND huyện ..... (tỉnh ..... ) xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

TM. UBND XÃ .....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

### BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm .....  
của xã ....., huyện ....., Thành phố Hà Nội

#### I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

#### II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

#### III. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

#### IV. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

##### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành

##### 2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

##### 3. Công tác phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

##### 4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách xã ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Vốn vay tín dụng ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;

- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

#### V. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../

..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể

##### 1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

.....;

*Handwritten signature* 14



- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

.....

- Khối lượng thực hiện: .....

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**n. Tiêu chí số ..... về .....**

.....

**VI. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Đề xuất, kiến nghị

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND XÃ .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Xã ....., huyện ....., Thành phố Hà Nội  
 (Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.... của UBND xã .....

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện các tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã
<b>I. QUY HOẠCH:</b>					4	
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Có quy hoạch nông thôn mới được lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quy hoạch điểm dân cư nông thôn trước đây không còn phù hợp với quy định tại Thông tư 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT của liên Bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và được công bố rộng rãi tới các thôn.	Đạt		1	
		Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai để người dân biết và thực hiện; hoàn thành việc cắm mốc chi giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.	Đạt		1	
		Có Quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt		2	
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI:</b>					36	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%		3	
		a) Đã xây dựng xong phần nền, móng đường, hệ thống phụ trợ của đường (thoát nước, kê, biển báo hiệu GT...) đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		1	
		b) Đã xây dựng xong đến lớp mặt đường, hệ thống phụ trợ của đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		2,5	

*Valb* 16

		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%		2	
		a) Đã xây dựng xong hệ thống nền, móng đường, hệ thống phụ trợ của đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		1	
		b) Đã xây dựng xong đến lớp mặt đường, hệ thống phụ trợ của đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		1,5	
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100%		2	
			80% - < 100%		1,5	
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%		3	
			80% - < 100%		2	
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt		2	
		3.2. Tỷ lệ km trên mương do xã quản lý được kiên cố hóa	85%		2	
			60 - < 85%		1	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		2	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	99%		1	
5	Trường học	Xã có đủ trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		4	
		a) Xã có trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		1,25	
		b) Xã có Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		1,25	
		c) Xã có trường Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		1,25	
6	Cơ sở vật chất	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt		2	

*Handwritten signature*

	văn hoá		Nếu chỉ có nhà văn hóa hoặc khu thể thao xã đạt chuẩn		1	
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%		2	
			80% - < 100%		1	
7	Chợ nông thôn	Đối với các xã được quy hoạch xây dựng chợ nông thôn phải đạt chuẩn theo quy định	Đạt		2	
		Đối với các xã không có chợ theo quy hoạch, có các điểm họp chợ đủ điều kiện theo quy định	Đạt		2	
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt		1	
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt		2	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không		3	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	> 90%		3	
			80% - 90%		2	
<b>III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:</b>					18	
10	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Năm 2015	> 29 triệu đồng		5	
			26-29 triệu đồng		2	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 3%		5	
			> 3% - 5%		3	
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	≥ 90%		4	
			80% - < 90%		2	
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.	Có		4	

Vhb 18

IV. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:				30	
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	3	
			Đạt 1 trong 2 tiêu chuẩn	1	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	90%	3	
			80% - < 90%	1	
			14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 40 %	4
		> 35% - 40%		2	
		30% - 35%		1	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	$\geq 70\%$	3	
			60% - < 70%	2	
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo	Chuẩn mới	3	
			Chuẩn cũ	2	
16	Văn hoá	Số thôn, làng, cụm dân cư trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	$\geq 70\%$	4	
			50% - < 70%	2	
17		17.1. Tỷ lệ xã có từ 90% hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia, trong đó:	$\geq 50\%$ hộ sử dụng nước sạch	2	
			30% - < 50% hộ sử dụng nước sạch	1	
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	2	

*Nh*

Môi trường	a) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt có một trong các văn bản sau: quyết định phê duyệt đô thị mới, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, thông báo xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, giấy xác nhận bản cam kết đạt tiêu chuẩn môi trường:	Đạt	0,5	
	b) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh có nước thải sinh hoạt và công nghiệp đảm bảo đủ các điều kiện: Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường; Có giấy phép xả thải; Có giấy xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải/Giấy xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Đạt	0,5	
	c) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh có chất thải rắn đảm bảo đủ các điều kiện: Có biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải thông thường; Có biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải thông thường đúng quy định, có hợp đồng thu gom với đơn vị xử lý chất thải thông thường, có sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Đạt	0,5	
	d) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh có hệ thống thu gom và xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường	Đạt	0,5	
	17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	2	
Môi trường	a) Không có các hoạt động suy giảm môi trường	Đạt	1	
	b) Có hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	1	
	17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	2	
	a) Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường	Đạt	1	
	b) Có chuyển đổi hình thức mai táng (từ hung táng sang hỏa táng)	Đạt	1	
	17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	2	
	a) Nước thải đảm bảo chỉ tiêu: 100% hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại; Chất thải chăn nuôi của các hộ gia đình được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.	Đạt	1	

*Valy* 20

		b) Rác thải: 100% rác thải được thu gom và xử lý đúng nơi quy định	Đạt		1	
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ:</b>					12	
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt		2	
		18.2. Công chức xã đạt chuẩn	Đạt		2	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt		3	
		a) Đảng bộ xã đạt “trong sạch, vững mạnh”	Đạt		1,5	
		b) Chính quyền xã đạt “trong sạch, vững mạnh”	Đạt		1,5	
		18.4. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		2	
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững, ổn định	Đạt		3	
		a) Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết-UBND Xã có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT, có bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”	Đạt		0,5	
		b) Triển khai, thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước - Có mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư. Không để xảy ra các hoạt động theo hướng dẫn và Thực hiện các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác	Đạt		1	
		c) Công an Xã phải đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên - không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên	Đạt		0,5	
		d) Có 70% số khu dân cư trở lên được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”	Đạt		1	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>100</b>	

*Vib*

Mẫu số 4.1 - Phụ lục IV

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

### BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới  
năm ..... của xã ....., huyện ....., Thành phố Hà Nội

#### I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

.....  
.....

#### II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tính đến  
năm ..... là ..... / ..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%.

#### III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (doanh nghiệp, hợp tác xã, ....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Số thôn đã tổ chức họp dân để lấy ý kiến nhân dân là ...../tổng số thôn trên địa bàn xã, chiếm .....%. Đại diện số hộ dân đã dự họp tại các cuộc họp thôn/tổng số hộ dân trên địa bàn xã, chiếm .....%.

- Ý kiến tham gia: .....

- Đại diện số hộ dân trong xã đồng ý với kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã là ...../..... đại diện số hộ dân đã dự họp tại các cuộc họp thôn, chiếm .....%.

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

#### IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

.....

.....

Nơi nhận:

- .....

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

TM. UBND XÃ .....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*Vinh*



....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn  
nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND xã ..... về kết quả thực  
hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã và Báo cáo ..... ngày ...../...../  
..... của UBND xã ..... tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và  
nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã.

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại  
....., UBND xã ..... (huyện ....., tỉnh .....) tổ chức họp đề nghị xét  
công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện  
các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét công nhận xã  
..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số.....  
thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay  
chưa?) thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí  
.....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu  
..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi  
UBND huyện ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu Biên bản

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### BIÊN BẢN

Họp thôn lấy ý kiến vào Báo cáo kết quả và Biểu đánh giá các tiêu chí  
xây dựng nông thôn mới xã.....năm .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND xã ..... về kết quả thực hiện  
các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã và Biểu đánh giá các tiêu chí xây dựng nông thôn  
mới của xã.....năm.....0

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại Nhà văn hóa  
thôn....., UBND xã ..... tổ chức họp với lãnh đạo thôn, các ban thôn và nhân dân đề  
nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

#### I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

Cùng các đồng chí trong ban phát triển thôn và đại diện...../..... hộ dân trong thôn.....có  
mặt dự họp, đạt .....% số hộ trong thôn dự họp.

#### II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu  
chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

\* .....

\* .....

-Kiến nghị:.....

- Kết quả biểu quyết: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét công nhận xã  
..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số..... thành viên  
tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay chưa?)  
thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu .....  
bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện  
..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN HỘ DÂN**

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN HỘ DÂN**

*Vhb*

**Mẫu kèm theo hồ sơ cấp huyện**

(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT)

**Mẫu số 2.2 - Phụ lục II**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TT-UBND

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, xét công nhận/công nhận lại xã .....**

**đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND huyện

..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

.....;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND huyện ..... đề nghị

xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới .....

UBND huyện ..... kính trình UBND tỉnh/thành phố ..... thẩm định,

xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo ..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho xã (bản chính - kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho xã).

2. Báo cáo ..... tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp ..... đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... xem xét, thẩm định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*VAB*

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

### Thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã ..... năm .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày  
...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới  
trên địa bàn xã, UBND huyện ..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện  
các tiêu chí nông thôn mới cho xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

### I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

#### 1. Về hồ sơ

#### 2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

##### 2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....;

- Các nội dung đã thực hiện: .....

.....;

- Khối lượng thực hiện: .....

.....;

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu  
của tiêu chí).

##### 2.2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....;

- Các nội dung đã thực hiện: .....

.....;

- Khối lượng thực hiện: .....

.....;

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu  
cầu của tiêu chí).

##### n. Tiêu chí số ..... về .....

.....

### II. KẾT LUẬN

#### 1. Về hồ sơ

#### 2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

*Vhb* 26

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã ..... đã được UBND huyện.....thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../19 tiêu chí, đạt .....%.

.....  
**III. KIẾN NGHỊ**

Nơi nhận:

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND HUYỆN .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



www.LuatVietnam.vn

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**  
 của xã ....., huyện ..... Thành phố Hà Nội  
 (Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND huyện.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện các tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Điểm phúc tra của huyện
<b>I. QUY HOẠCH:</b>					<b>4</b>		
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Có quy hoạch nông thôn mới được lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có quy hoạch điểm dân cư nông thôn trước đây không còn phù hợp với quy định tại Thông tư 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT của liên Bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và được công bố rộng rãi tới các thôn.	Đạt		1		
		Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai để người dân biết và thực hiện; hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.	Đạt		1		
		Có Quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt		2		
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI:</b>					<b>36</b>		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%		3		
		a) Đã xây dựng xong phần nền, móng đường, hệ thống phụ trợ của đường (thoát nước, kè, biển báo hiệu GT...) đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		1		
		b) Đã xây dựng xong đến lớp mặt đường, hệ thống phụ trợ của đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		2,5		

*Vinh* 28

		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%		2		
		a) Đã xây dựng xong hệ thống nền, móng đường, hệ thống phụ trợ của đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		1		
		b) Đã xây dựng xong đến lớp mặt đường, hệ thống phụ trợ của đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	80% - < 100%		1,5		
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100%		2		
			80% - < 100%		1,5		
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%		3		
			80% - < 100%		2		
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt		2		
		3.2. Tỷ lệ km trên mương do xã quản lý được kiên cố hóa	85%		2		
			60 - < 85%		1		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		2		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	99%		1		
5	Trường học	Xã có đủ trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		4		
		a) Xã có trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		1,25		
		b) Xã có Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		1,25		
		c) Xã có trường Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	Đạt		1,25		
6	Cơ sở vật chất	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt		2		

*Handwritten signature*

	văn hoá		Nếu chỉ có nhà văn hóa hoặc khu thể thao xã đạt chuẩn		1		
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%		2		
			80% - < 100%		1		
7	Chợ nông thôn	Đối với các xã được quy hoạch xây dựng chợ nông thôn phải đạt chuẩn theo quy định	Đạt		2		
		Đối với các xã không có chợ theo quy hoạch, có các điểm họp chợ đủ điều kiện theo quy định	Đạt		2		
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt		1		
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt		2		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không		3		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	> 90%		3		
			80% - 90%		2		
<b>III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:</b>					<b>18</b>		
10	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Năm 2015	> 29 triệu đồng		5		
			26-29 triệu đồng		2		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 3%		5		
			> 3% - 5%		3		
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	≥ 90%		4		
			80% - < 90%		2		

Veh 30



13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.	Có		4		
<b>IV. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:</b>					30		
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt		3		
			Đạt 1 trong 2 tiêu chuẩn		1		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	90%		3		
			80% - < 90%		1		
			> 40 %		4		
14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 35% - 40%		2				
	30% - 35%		1				
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	$\geq 70\%$		3		
			60% - < 70%		2		
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo	Chuẩn mới		3		
			Chuẩn cũ		2		
16	Văn hoá	Số thôn, làng, cụm dân cư trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	$\geq 70\%$		4		
			50% - < 70%		2		
17		17.1. Tỷ lệ xã có từ 90% hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia, trong đó:	$\geq 50\%$ hộ sử dụng nước sạch		2		
			30% - < 50% hộ sử dụng nước sạch		1		
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt		2		

*Vhb*

Môi trường

a) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt có một trong các văn bản sau: quyết định phê duyệt đô thị mới, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, thông báo xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, giấy xác nhận bản cam kết đạt tiêu chuẩn môi trường;	Đạt		0,5		
b) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh có nước thải sinh hoạt và công nghiệp đảm bảo đủ các điều kiện: Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường; Có giấy phép xả thải; Có giấy xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải/Giấy xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Đạt		0,5		
c) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh có chất thải rắn đảm bảo đủ các điều kiện: Có biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải thông thường; Có biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải thông thường đúng quy định, có hợp đồng thu gom với đơn vị xử lý chất thải thông thường, có sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Đạt		0,5		
d) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh có hệ thống thu gom và xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường	Đạt		0,5		
17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt		2		
a) Không có các hoạt động suy giảm môi trường	Đạt		1		
b) Có hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt		1		
17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt		2		
a) Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường	Đạt		1		
b) Có chuyển đổi hình thức mai táng (từ hung táng sang hỏa táng)	Đạt		1		
17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt		2		

Môi trường

*Vals*

		a) Nước thải đảm bảo chỉ tiêu: 100% hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại; Chất thải chăn nuôi của các hộ gia đình được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.	Đạt		1		
		b) Rác thải: 100% rác thải được thu gom và xử lý đúng nơi quy định	Đạt		1		
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ:</b>					<b>12</b>		
18	<b>Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh</b>	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt		2		
		18.2. Công chức xã đạt chuẩn	Đạt		2		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt		3		
		a) Đảng bộ xã đạt "trong sạch, vững mạnh"	Đạt		1,5		
		b) Chính quyền xã đạt "trong sạch, vững mạnh"	Đạt		1,5		
		18.4. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		2		
19	<b>An ninh, trật tự xã hội</b>	<b>An ninh, trật tự xã hội được giữ vững, ổn định</b>	Đạt		3		
		a) Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết-UBND Xã có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT, có bản đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT"	Đạt		0,5		
		b) Triển khai, thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước - Có mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư. Không để xảy ra các hoạt động theo hướng dẫn và Thực hiện các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác	Đạt		1		
		c) Công an Xã phải đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" trở lên - không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên	Đạt		0,5		
		d) Có 70% số khu dân cư trở lên được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT"	Đạt		1		
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>100</b>		

*Handwritten signature*

Mẫu số 7.1 - Phụ lục VII  
ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

### BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới  
đến năm ..... cho xã ....., huyện ....., Thành phố Hà Nội

#### I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia

#### II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới cho xã

##### 1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

##### 2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

##### 3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị: .....

#### III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện

.....  
.....

Nơi nhận:

- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND HUYỆN .....  
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét công nhận/công nhận lại xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ Báo cáo số ..... ngày .../.../..... của UBND huyện ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã ..... năm ..... và Báo cáo ..... ngày .../.../..... của UBND huyện ..... tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm ..... cho xã .....  
Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại ....., UBND huyện ..... (tỉnh ..... ) tổ chức họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới.

- .....

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số.....thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay chưa?) thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND tỉnh ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*Lab*

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ

### I. Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư và Quản lý xây dựng công trình .

#### 1. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ theo quy định, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li><li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội:</li><li>+ Bộ phận một cửa nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li><li>+ Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở ký duyệt.</li></ul>
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li><li>- Tài liệu kèm theo (<i>Bản chụp đóng dấu giáp lai của Chủ đầu tư</i>) gồm:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Quyết định về chủ trương đầu tư dự án (đối với các công việc chuẩn bị dự án), Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (đối với dự án hai bước và ba bước) hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án một bước).</li><li>+ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư.</li><li>+ Các Quyết định, hồ sơ có liên quan đến các phần công việc đã thực hiện.</li><li>+ Điều ước quốc tế hoặc văn bản thoả thuận Quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA.</li><li>+ Ý kiến của các tổ chức tài trợ nước ngoài (đối với các dự án sử dụng vốn ODA)</li><li>+ Thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt (nếu có).</li><li>+ Nguồn vốn cho dự án: Kế hoạch vốn của Thành phố; các văn bản có liên quan về nguồn vốn thực hiện dự án.</li><li>- Các văn bản liên quan khác (nếu có).</li></ul></li></ul></li><li>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</li></ol>
Thời hạn giải quyết	25 ngày kể từ khi hồ sơ hợp lệ, Trong đó: <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li><li>- Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.</li></ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;</li><li>2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch đầu tư .</li><li>3. Cơ quan phối hợp (nếu có).</li></ol>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
Phí, lệ phí	Không

Vinh 36

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Mẫu số 1 phụ lục tại thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và đầu tư.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;</li> <li>- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu</li> <li>- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.</li> </ul>

*Vũ*

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 1 Phụ lục.  
(kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và đầu tư)

[TÊN CƠ QUAN  
CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

### TỜ TRÌNH

#### Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ \_\_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ \_\_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ \_\_\_\_\_ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

#### I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

#### II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu <sup>(1)</sup>	Đơn vị thực hiện <sup>(2)</sup>	Giá trị <sup>(3)</sup>	Văn bản phê duyệt <sup>(4)</sup>
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.





(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

**III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu**

**Bảng số 2**

STT	Nội dung công việc <sup>(1)</sup>	Đơn vị thực hiện <sup>(2)</sup>	Giá trị <sup>(3)</sup>
1			
2			
...			
<b>Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

**IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

[Chú đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong Bảng số 3 theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

**Bảng số 3**

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
....								
<b>Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>								

**2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại Bảng số 3, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: [giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

*Vanb*

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- e) Loại hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

**V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)**

**Bảng số 4**

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
<b>Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]</b>		

**VI. Tổng giá trị các phần công việc**

**Bảng số 5**

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
<b>Tổng giá trị các phần công việc</b>		
<b>Tổng mức đầu tư của dự án</b>		[ghi tổng mức đầu tư của dự án]

**VII. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [ghi tên chủ đầu tư] đề nghị \_\_\_ [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: \_\_\_ [ghi tên dự án].

Kính trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

*Ths*

**2. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm C.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</li> <li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li> <li>+ Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư;</li> <li>- Quyết định ủy quyền phê duyệt đầu tư (nếu có);</li> <li>- Quyết định về chủ trương đầu tư;</li> <li>- Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có);</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường;</li> <li>- Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư);</li> </ul> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 06 bộ sao.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>26 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian xin ý kiến các cơ quan có liên quan), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi nhận được đầy đủ hồ sơ, trong vòng 05 ngày gửi văn bản và hồ sơ lấy ý kiến đến các cơ quan liên quan lấy ý kiến (bao gồm cả thẩm định nguồn vốn và xin ý kiến tham gia);</li> <li>- Tổng hợp các ý kiến liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở: 10 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có);</li> <li>- Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 20 ngày làm việc (bao gồm lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở);</li> <li>- Xem xét phê duyệt: 06 ngày làm việc.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>1. Cơ quan thẩm định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư;</p> <p>3. Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.
Phí thẩm định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Phí thẩm định thiết kế cơ sở:</li> </ul> <p>(Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính)</p>
Tên mẫu đơn,	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Mẫu số 01 Phụ

*Vũ* 41

mẫu tờ khai	lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội;</li> <li>- Luật Đất đai số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội;</li> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc Hội;</li> <li>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc Hội;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng</li> <li>- Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí kiểm định dự án đầu tư xây dựng.</li> </ul>

*Vũ*

www.LuatVietnam.vn

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....  
(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án: .....
2. Nhóm dự án: .....
3. Loại và cấp công trình: .....
4. Người quyết định đầu tư: .....
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...): .....
6. Địa điểm xây dựng: .....
7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....
8. Nguồn vốn đầu tư: .....
9. Thời gian thực hiện: .....
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....
12. Các thông tin khác (nếu có): .....

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
  - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
  - Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
  - Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
  - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
  - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
  - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):
  - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
  - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

*Handwritten signature*

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Tên người đại diện

*VkB*

www.LuatVietnam.vn

### 3. Tên thủ tục: Thẩm định dự án (nhóm B, C)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan đầu mối thẩm định dự án).</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</li> <li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li> <li>+ Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, thẩm định, dự thảo văn bản thẩm định dự án, trình ký.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản pháp lý:</li> <li>+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;</li> <li>+ Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;</li> <li>+ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);</li> <li>+ Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);</li> <li>+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan;</li> <li>+ Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình của chủ đầu tư (mẫu số 01);</li> <li>- Tài liệu khảo sát, thiết kế tổng mức đầu tư (dự toán):</li> <li>+ Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ dự án;</li> <li>+ Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);</li> <li>+ Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.</li> <li>- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:</li> <li>+ Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;</li> <li>+ Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.</li> </ul> <p>2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 06 bộ sao (Trong trường hợp thiếu hồ sơ để lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ đề nghị bổ sung sau)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét hồ sơ và có văn bản xin ý kiến các sở ngành trong vòng 05 ngày.</li> <li>- Thẩm định dự án nhóm B: 30 ngày làm việc.</li> <li>- Thẩm định dự án nhóm C: 20 ngày làm việc.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li> <li>2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư.</li> <li>3. Cơ quan phối hợp: các sở, ngành có liên quan.</li> </ol>
Kết quả của việc	Văn bản thẩm định

*Veh* 45

thực hiện TTHC	
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (mẫu số 01 phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

*VB*

www.LuatVietnam.vn



TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng  
(Tên dự án) với các nội dung chính sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án: .....
2. Nhóm dự án: .....
3. Loại và cấp công trình: .....
4. Người quyết định đầu tư: .....
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):  
.....

6. Địa điểm xây dựng: .....
7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....
8. Nguồn vốn đầu tư: .....
9. Thời gian thực hiện: .....
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....
12. Các thông tin khác (nếu có): .....

#### II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

##### 1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

##### 2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

Vsh  
47

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.
  - 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
    - Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
    - Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.
- (Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Tên người đại diện

*VNB*

www.LuatVietnam.vn

**4. Tên thủ tục: Thỏa thuận quy hoạch chuyên ngành**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội:</li> <li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li> <li>+ Phòng Kế hoạch Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản trình Sở ký thỏa thuận.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thảo thuận quy hoạch của chủ đầu tư;</li> <li>- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định đầu tư;</li> <li>- Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư;</li> <li>- Hồ sơ xin thỏa thuận bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản đồ xác định vị trí, mối quan hệ vùng, khu vực, quan hệ với các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án xin ý kiến thỏa thuận chuyên ngành.</li> <li>+ Bản đồ vị trí chi tiết khu vực dự án xin ý kiến thỏa thuận quy hoạch;</li> <li>+ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ từ 1/500 đến 1/2000) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án (nếu có);</li> <li>+ Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, trích lục bản đồ, hồ sơ tài liệu khảo sát các loại, các tài liệu liên quan khác (nếu có);</li> <li>+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật khác (nếu có);</li> <li>+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).</li> </ul> </li> </ul> <p>2) Số lượng Hồ sơ : 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các dự án, đề xuất dự án, các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn .
Cơ quan thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan thỏa thuận: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li> <li>2. Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư .</li> <li>3. Cơ quan phối hợp: Các chi cục và trung tâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li> </ol>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản thỏa thuận quy hoạch .
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.

*VNB*  
49

Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội;</li><li>- Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội;</li><li>- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc Hội;</li><li>- Luật quản lý và bảo vệ rừng;</li><li>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc Hội;</li><li>- Luật phòng, chống thiên tai;</li><li>- Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 04/4/2001 của Quốc hội về khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;</li><li>- Các nghị định và Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật.</li></ul>
-------------------------	--

V.B

www.LuatVietnam.vn

**5. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.</li><li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li><li>+ Các phòng chuyên môn thuộc Sở (Phòng Quản lý xây dựng công trình, phòng Kế hoạch đầu tư, phòng Tài chính kế toán...): Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.</li></ul></li></ul>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Nội dung tờ trình nêu rõ căn cứ trình duyệt, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phụ lục hồ sơ mời thầu kèm theo;</li><li>- Tài liệu kèm theo (bản chụp có đóng dấu giáp lai của bên mời thầu) gồm:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Bản hồ sơ mời thầu của gói thầu;</li><li>+ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với các gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát quy hoạch đối với các dự án quy hoạch); Quyết định đầu tư dự án;</li><li>+ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt đề cương nhiệm vụ, giá gói thầu đối với các gói thầu tư vấn;</li><li>+ Tài liệu thiết kế kèm theo thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt (đối với gói thầu xây lắp);</li><li>+ Báo cáo của bên mời thầu về lựa chọn danh sách nhà thầu để mời tham gia đấu thầu (rộng rãi hoặc hạn chế) đối với gói thầu tư vấn; về kết quả sơ tuyển đối với các gói thầu phải tổ chức sơ tuyển;</li><li>+ Điều ước Quốc tế hoặc văn bản thoả thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn ODA;</li><li>+ Ý kiến của các tổ chức tài trợ nước ngoài (đối với các dự án sử dụng vốn ODA);</li><li>+ Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).</li></ul></li><li>- Phụ lục hồ sơ kèm theo tờ trình:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Quyền hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển của các gói thầu: mỗi gói thầu 2 quyền;</li><li>+ Các tài liệu trong hồ sơ mời thầu của các gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa.</li></ul></li></ul> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"><li>- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Thời gian thẩm định: 12 ngày làm việc;</li><li>+ Thời gian phê duyệt: 03 ngày làm việc.</li></ul></li><li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).</li></ul>
Đối tượng thực	Tổ chức.

*Vib* st

hiện TTHC	
Cơ quan thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thẩm định.</li> <li>2. Cơ quan thực hiện: Các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (Phòng Quản lý xây dựng công trình, phòng Kế hoạch đầu tư, phòng Tài chính kế toán...)</li> <li>3. Cơ quan phối hợp (nếu có).</li> </ol>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</li> </ul>

VNB

www.LuatVietnam.vn

**6. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</li> <li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li> <li>+ Các phòng chuyên môn thuộc Sở (Phòng Quản lý xây dựng công trình, phòng Kế hoạch đầu tư, phòng Tài chính kế toán...): Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu; Nội dung theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ;</li> <li>- Tài liệu kèm theo (quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ) gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản chụp quyết định đầu tư và các tài liệu để ra quyết định đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập, điều ước hoặc thoả thuận quốc tế (nếu có); kế hoạch lựa chọn nhà thầu;</li> <li>+ Hồ sơ mời thầu được duyệt;</li> <li>+ Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu; hợp đồng thuê tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp (nếu có);</li> <li>+ Danh sách nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, biên bản đóng thầu, biên bản mở thầu;</li> <li>+ Các hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi, bổ sung liên quan;</li> <li>+ Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia đấu thầu, tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp;</li> <li>+ Văn bản duyệt các nội dung của quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định;</li> <li>+ Biên bản thương thảo hợp đồng;</li> <li>+ Ý kiến về kết quả lựa chọn nhà thầu của tổ chức tài trợ nước ngoài (nếu có);</li> <li>+ Các tài liệu khác có liên quan.</li> </ul> </li> </ul> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian thẩm định: 12 ngày làm việc;</li> <li>+ Thời gian phê duyệt: 03 ngày làm việc.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu do Sở trực tiếp quản lý.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện: Các phòng chuyên môn thuộc Sở (Phòng Quản lý xây dựng công trình, phòng Kế hoạch đầu tư, phòng Tài chính kế</p>

*Vib*  
53

	toán...).
	3. Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt.
Phí, lệ phí	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu = 0,01% giá trị gói thầu (tối thiểu 1.000.000 đồng, tối đa 30 triệu đồng) theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

*VAB*

www.LuatVietnam.vn



**7. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</li> <li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li> <li>+ Phòng Quản lý xây dựng công trình: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Phụ lục 2, Thông tư số 03/2009/TT-BXD Bộ Xây dựng);</li> <li>- Văn bản danh mục đầu tư hoặc chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;</li> <li>- Kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (Phụ lục 1, Thông tư số 03/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng);</li> <li>- Văn bản góp ý hoặc thoả thuận của các cơ quan có liên quan (nếu có);</li> <li>- Hồ sơ khảo sát, kèm hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;</li> <li>- Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật gồm: Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán và các tài liệu có liên quan;</li> <li>- Kèm theo hồ sơ tin học lưu trong đĩa mềm CD Rom hoặc USB để chuyển dữ liệu đến phòng chuyên môn.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (trong đó 01 bộ gốc và 01 bộ chụp, trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có);</li> <li>+ Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 10 ngày làm việc;</li> <li>+ Xem xét phê duyệt: 02 ngày làm việc.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan thực hiện: Phòng Quản lý xây dựng công trình.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Phụ lục 2)</li> <li>- Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (Phụ lục 1)</li> </ul>

*Vũ 155*

	Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

*VB*

www.LuatVietnam.vn

(Tên Chủ đầu tư)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN**  
**CỦA CÔNG TRÌNH .....**  
**(Đối với công trình lập Báo cáo KTKT)**

Kính gửi : ... (Người có thẩm quyền quyết định đầu tư)...

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng ;
- Căn cứ Thông tư số... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

Sau khi thẩm định, (Tên chủ đầu tư) báo cáo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình..... như sau:

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của công trình:
  - a) Công trình:
    - Loại và cấp công trình:
  - b) Địa điểm xây dựng:
  - c) Diện tích sử dụng đất:
  - d) Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công:
  - d) Nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng:
  - e) Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu:
  - g) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:
  - h) Nội dung thiết kế:
2. Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:
  - a) Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy mô xây dựng trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
  - b) Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
  - c) Sự hợp lý của giải pháp kết cấu công trình.
  - d) Đánh giá mức độ an toàn của công trình.
  - d) Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ
  - e) Sự tuân thủ các quy định về môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an ninh, quốc phòng.
3. Kết quả thẩm định dự toán:
  - a) Tính đúng đắn của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước có liên quan đến các chi phí tính trong dự toán
  - b) Sự phù hợp khối lượng xây dựng tính từ thiết kế với khối lượng xây dựng trong dự toán

*Vinh* 57

c) Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau:

Chi phí xây dựng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí quản lý dự án:

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

Chi phí khác:

Chi phí dự phòng:

Tổng cộng:

4. Kết luận:

a) Đánh giá, nhận xét:

b) Những kiến nghị:

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Lưu:...

**Đại diện chủ đầu tư**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

*VH*

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 2 (Thông tư số 03/2009/TT-BXD)

(Tên Chủ đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH  
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH.....

Kính gửi: ... (Người có thẩm quyền quyết định đầu tư)...

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội;  
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số.. ngày ... tháng ... năm .. của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;  
- Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

(Tên Chủ đầu tư) trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Thời gian thực hiện:
11. Những kiến nghị:

(Gửi kèm theo Tờ trình này là toàn bộ hồ sơ Báo cáo KTKT và kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán)

Nơi nhận:  
- Như trên,  
- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**8. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn.</li> <li>+ Phòng Quản lý xây dựng công trình: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.</li> </ul> </li> </ul>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình;</li> <li>- Tài liệu kèm theo (bản chụp đóng dấu giáp lai của Ban quản lý dự án) gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định đầu tư, kèm theo hồ sơ dự án đầu tư;</li> <li>+ Kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán;</li> <li>+ Văn bản góp ý hoặc thoả thuận của các cơ quan có liên quan (nếu có);</li> <li>+ Hồ sơ khảo sát, kèm hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn khảo sát, lập Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán;</li> <li>+ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán gồm: Thuyết minh, thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán;</li> <li>+ Các văn bản liên quan khác (nếu có).</li> </ul> </li> <li>- Kèm theo hồ sơ tin học lưu trong đĩa mềm CD Rom hoặc USB để chuyển dữ liệu đến phòng chuyên môn.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 12 ngày làm việc;</li> <li>+ Xem xét phê duyệt: 03 ngày làm việc.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan thực hiện : Phòng Quản lý xây dựng công trình.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.

*Vals*

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.</li> </ul>

*VLS*

www.LuatVietnam.vn

## II. Lĩnh vực Chăn nuôi.

1. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi, nhận giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.</li><li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn</li></ul>
Cách thức thực hiện	- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (phụ lục II)</li><li>- Bản sao có chứng thực xác nhận công bố hợp chuẩn hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</li><li>- Yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu (nếu có).</li><li>- Giấy đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan cấp CFS lần đầu.</li></ul> Hồ sơ thương nhân gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giấy đăng ký mẫu chữ ký và con dấu của thương nhân (Phụ lục II);</li><li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân (bản sao công chứng);</li><li>+ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao công chứng);</li><li>+ Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có).</li></ul> Số lượng hồ sơ : 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	5 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức.</li><li>- Cá nhân.</li></ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"><li>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li><li>b) Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Chăn nuôi</li></ul>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận lưu hành tự do (có giá trị 02 năm kể từ ngày cấp)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục II a, Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT).</li><li>- Đăng ký mẫu chữ ký và con dấu của thương nhân (Phụ lục II, Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg).</li><li>- Mẫu Giấy chứng nhận lưu hành tự do (phụ lục III, Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT).</li></ul>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Trường hợp thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thể kiểm tra tại nơi sản xuất.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Chính phủ quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất

*VH* 62



	<p>khẩu và nhập khẩu;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li><li>- Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li></ul>
--	--

V.B.

www.LuatVietnam.vn

**Phụ lục IIa**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CFS**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ*  
*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên Tổ chức **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Địa chỉ:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Số điện thoại:.....  
Số fax:..... ngày..... tháng..... năm.....  
Email: .....

Kính gửi: [tên Cơ quan cấp CFS]

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên tổ chức/thương nhân] đề nghị [Tên cơ quan cấp CFS] cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của [Tên tổ chức] như sau:

TT	Tên sản phẩm	Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn	Thành phần, hàm lượng hoạt chất (nếu có)	Nước nhập khẩu
1				
2				

*Các giấy tờ kèm theo (đề nghị đánh dấu ✓ nếu có):*

TT	Tên loại giấy tờ	Có (✓)
1	Hồ sơ thương nhân	
2	Bản sao có chứng thực xác nhận công bố hợp chuẩn, hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	
3	Yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu/ nhà nhập khẩu (nếu có)	

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã kê khai và của các tài liệu trong hồ sơ.

**CÔNG TY .....**  
(Người đại diện theo pháp luật  
hoặc người được ủy quyền của tổ chức)  
*(ký và đóng dấu)*

*VH*

**Phụ lục II**  
**ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CFS VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2010*  
*của Chính phủ)*

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: ..... (tên của Tổ chức cấp CFS)

Công ty: ..... (tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: ..... (địa chỉ của doanh nghiệp)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của doanh nghiệp có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký trên đơn đề nghị cấp mẫu CFS.

1. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số chứng minh thư

được ủy quyền tới liên hệ cấp CFS tại ... (tên của Tổ chức cấp CFS). Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này.

**CÔNG TY** .....

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp  
 hoặc người được ủy quyền)

(Ký tên, đóng dấu)

*Kab*

Phụ lục III

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/TT-BNNPTNT ngày 01/11 /2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CƠ QUAN THẨM QUYỀN/ AUTHORITY**

Địa chỉ/Add.:

Điện thoại/Tel:

Fax:

Email:

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO**

**CERTIFICATE OF FREE SALE**

Số/Ref.Nº:

Kính gửi các bên liên quan,

*To Whom It May Concern,*

Chúng nhận sản phẩm được liệt kê trong danh mục dưới đây: / *This is to certify that the product listed below is:*

- được sản xuất bởi/ *manufactured by:*

- tại địa chỉ/ *at address:*

- điện thoại/tel: *fax:*

Danh mục sản phẩm bao gồm/ *List of the products includes:*

TT/No	Tên sản phẩm/Name of product
1.	
2.	

Các sản phẩm trên được sản xuất và lưu hành tự do tại Việt Nam/ *The referred products are manufactured and freely sold in Vietnam market.*

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày.../ *This certification is valid until...*

Hà Nội, ngày tháng năm

Hanoi, date month year

THỦ TRƯỞNG/ *DIRECTOR*



**2. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi**

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi, nhận giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần hồ sơ	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (phụ lục II b)
Thời hạn giải quyết	4 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. b) Đơn vị thực hiện TTHC: Phòng Chăn nuôi.
Kết quả thực hiện TTHC	- Cấp bản sao Giấy chứng nhận lưu hành tự do - trong trường hợp: + Giấy chứng nhận CFS gốc vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc; + Giấy chứng nhận CFS gốc vẫn còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng. - Cấp lại CFS mới đối với trường hợp phát hiện có sai sót trên CFS do lỗi của người đề nghị cấp CFS hoặc lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp CFS.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục IIb - Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Chính phủ quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu; - Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Phụ lục II b**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CFS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Tên Tổ chức**  
Địa chỉ:.....  
Số điện thoại:.....  
Số fax:.....  
Email: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: [tên Cơ quan cấp CFS]

Đề đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên tổ chức/thương nhân] đề nghị [Tên cơ quan cấp CFS] cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của [Tên tổ chức] như sau:

TT	Tên sản phẩm	Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn	Thành phần, hàm lượng hoạt chất (nếu có)	Nước nhập khẩu	Số và ngày cấp của CFS gốc
1					
2					
3					
4					

[Tên tổ chức/tôi-đôi với các nhân] đề nghị [Tên cơ quan cấp CFS] cấp lại CFS cho các sản phẩm, hàng hóa trên.

Lý do: (Đánh dấu √ vào các ô tương ứng)

Mất                       Thất lạc                       Hư hỏng                       Có sai sót

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã kê khai.

*(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của tổ chức ký và đóng dấu).*



### 3. Tên thủ tục: Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội : Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra sự phù hợp và trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	- Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội - Hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần Hồ sơ	Thành phần hồ sơ, gồm: - Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi (Phụ lục 27) - Bản sao chụp văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (riêng đối với hồ sơ gửi các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương phải là bản sao chứng thực; trường hợp nộp trực tiếp là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu). - Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất công bố, bao gồm: Tên sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên các nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, công dụng, hướng dẫn sử dụng. - Bản thuyết minh nội dung quảng cáo (nội dung quảng cáo, phương tiện quảng cáo, địa điểm quảng cáo, thời gian quảng cáo). Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	7 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức; + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Chăn nuôi.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi (Phụ lục 27) - Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi (Phụ lục 28) <i>Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT</i>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 29/2015/TT- BNN&PTNT ngày 04/9/2015 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi

*Vals*

**Phụ lục 27**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Số giấy phép hoạt động: .....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ: .....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thức ăn chăn nuôi sau:

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)





**Phụ lục 28**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên cơ quan chủ quản  
Tên cơ quan có thẩm quyền  
xác nhận nội dung quảng  
cáo thức ăn chăn nuôi  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Số: /20.../XNQ-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền)

(Tên cơ quan có thẩm quyền) .....xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ:

Số điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

có nội dung quảng cáo<sup>(1)</sup> các thức ăn chăn nuôi trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thức ăn chăn nuôi đúng nội dung đã được xác nhận./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



**4. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy thực ăn chăn nuôi**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội : Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra sự phù hợp và trả kết quả khi tới hẹn</li> </ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội</li> <li>- Hoặc qua đường Bưu điện</li> </ul>
Thành phần Hồ sơ	<p>+ Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <p>1. Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13;</li> <li>b) Bản sao có chứng thực chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;</li> <li>c) Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);</li> </ul> <p>2. Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ;</li> <li>b) Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);</li> <li>c) Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;</li> <li>d) Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008;</li> <li>đ) Kế hoạch giám sát định kỳ;</li> <li>e) Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: đối tượng được chứng nhận hợp quy; (số hiệu, tên) tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy; tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy; phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng; mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/phương thức lấy mẫu/đánh giá); kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận); thông tin bổ sung khác;</li> </ul> <p>+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	7 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức;</li> <li>+ Cá nhân.</li> </ul>

*Khb 12*

Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Chăn nuôi.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Bản công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi (Phụ lục 13). - Kế hoạch kiểm soát chất lượng (Phụ lục 14). (kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chi định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

*KB*

www.LuatVietnam.vn

**Phụ lục 13**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

Số .....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

**CÔNG BỐ :**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,... )

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...):

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

### Phụ lục 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

### KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Đại diện doanh nghiệp**

(ký tên, đóng dấu)



www.LuatVietnam.vn

### III. Lĩnh vực Trồng trọt, lâm nghiệp

#### 1. Thủ tục : Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn. + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ, bình tuyển, thẩm định công nhận nguồn giống; trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ phận một cửa - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông, Hà Nội
Thành phần Hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (theo mẫu); - Các tài liệu liên quan khác: Sơ đồ vườn cây, Báo cáo về nguồn giống phải có các nội dung: nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; các chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng (số liệu của 03 năm liên tục gần nhất); kết quả nghiên cứu hoặc hội thi trước đó (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng. - Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng bình tuyển tiến hành thẩm định cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận cây đầu dòng; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; 2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng trồng trọt; 3. Cơ quan phối hợp: Theo quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy công nhận cây đầu dòng, có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.
Lệ phí	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: 1.500.000đồng/1 lần bình tuyển, công nhận (Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội).

*Vnh* 76

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư 18/2012/TT-BNNPTNT);
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p><b>Bình tuyển cây đầu dòng:</b></p> <p>1. Hội đồng bình tuyển Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng. Hội đồng có 5-7 thành viên, gồm: đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyên gia về lĩnh vực cây trồng, bình tuyển; Chủ tịch hội đồng là chuyên gia am hiểu về cây trồng xin bình tuyển.</p> <p>2. Trình tự bình tuyển: Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa về đặc điểm, sinh trưởng, phát triển của cây đầu dòng theo yêu cầu kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng. Trường hợp cây đầu dòng đăng ký bình tuyển chưa có tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng, Hội đồng xây dựng tiêu chí bình tuyển, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt trước khi tiến hành bình tuyển. Hội đồng lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận cây đầu dòng gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>3. Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định cấp Giấy công nhận cây đầu dòng .</p>
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm

*kh*

**Phụ lục 01**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT  
Ngày 26/ 4/ 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN  
CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG  
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ẪN QUẢ LÂU NĂM**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
  2. Địa chỉ:..... Điện thoại/Fax/E-mail.....
  3. Tên giống:.....
  4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng  
Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....
  5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
    - Năm trồng:
    - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác):.....
    - Tình hình sinh trưởng (chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng):.....
    - Năng suất, chất lượng của giống (nêu những chỉ tiêu chủ yếu):
- Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
  - Diện tích vườn (m<sup>2</sup>):
  - Khoảng cách trồng (m x m):
6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:
    - Sơ đồ vườn cây;
    - Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
    - Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
    - Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị\*

(ký tên, đóng dấu)

(\*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)





**APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING  
MATERIALS  
OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS**

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City .....

1. Name of organizations/individuals.....

2. Address:.....Telephone / Fax / E-mail.....

Number of identify card (individuals):.....

3. Names of varieties:

Scientific name:.....; Vietnamese name:.....

4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:

Hamlet.....Commune.....District.....Province/ City.....

5. More details for Sources of planting materials:

- Planted years:.....

- Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia): .....

- The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growth):

- Productivity, quality of varieties (the main criteri):

For the Budwood orchards, additional informations follow:

- Codes of varieties (Elite trees):

- Garden area (m<sup>2</sup>):

- Distance in (m x m):

6. Other related documents attached

- Map orchard;

- Summary of findings or history of cultivation;

- Research results, evaluation or had contests;

- The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days ... months ... years.....)

Representative units \*

(Signature and stamp)

(\* Individuals must have a photocopy of identify card attached with)



**2. Thủ tục : Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.**

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn. + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ, bình tuyển, thẩm định công nhận nguồn giống; trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ phận một cửa - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông, Hà Nội
Thành phần Hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư này); - Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây, báo cáo về vườn cây đầu dòng. Báo cáo về vườn cây đầu dòng phải có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng; 3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành thẩm định vườn cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận vườn cây đầu dòng; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; 2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng trồng trọt 3. Cơ quan phối hợp: Theo quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy công nhận vườn cây đầu dòng, có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.
Lệ phí	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: 1.500.000 đồng/1 lần bình tuyển, công nhận (Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội)

*Handwritten signature* 80

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư 18/2012/TT-BNNPTNT);
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>Thẩm định vườn cây đầu dòng</p> <p>1. Tổ thẩm định: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng. Tổ thẩm định có từ 3 - 5 thành viên, gồm: đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyên gia về lĩnh vực cây trồng đăng ký thẩm định.</p> <p>2. Trình tự thẩm định: Tổ thẩm định kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa vườn cây đăng ký theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chí bình tuyến cây đầu dòng theo quy định tại điểm 2 mục k thủ tục hành chính công nhận cây đầu dòng; lập biên bản đánh giá, đề nghị công nhận hoặc không công nhận gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Đối với giống cây trồng mới chọn tạo trong nước hoặc nhập nội, sau khi được công nhận giống chính thức, trường hợp cần phải mở rộng nhanh vào sản xuất theo yêu cầu của địa phương, doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân có nguồn giống gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị công nhận vườn cây khảo nghiệm, vườn cây sản xuất thử là vườn cây đầu dòng. Hồ sơ theo quy định tại mục c thủ tục hành chính này, bổ sung giấy đề nghị của địa phương, doanh nghiệp có yêu cầu mở rộng nhanh giống vào sản xuất. Trình tự, thủ tục thực hiện như quy định tại mục a, b thủ tục hành chính này.</p> <p>3. Căn cứ biên bản đánh giá của Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định cấp Giấy công nhận vườn cây đầu dòng.</p>
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm

*KB*

**Phụ lục 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT  
Ngày 26/ 4/ 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN  
CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG  
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY AN QUẢ LÂU NĂM**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
  2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....
  3. Tên giống:.....
  4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng  
Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....
  5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
    - Năm trồng:
    - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác*):.....
    - Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng*):.....
    - Năng suất, chất lượng của giống ( *nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):
- Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
  - Diện tích vườn (m<sup>2</sup>):
  - Khoảng cách trồng (m x m):

6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:

- Sơ đồ vườn cây;
- Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
- Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
- Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Đại diện đơn vị\*

(ký tên, đóng dấu)

(\*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)

Annex 01  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independent – Freedom – Happiness

---

**APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING  
MATERIALS  
OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS**

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City .....

1. Name of organizations/individuals.....
2. Address:.....Telephone / Fax / E-mail.....  
Number of identify card (individuals):.....
3. Names of varieties:  
Scientific name:.....; Vietnamese name:.....
4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:  
Hamlet.....Commune.....District.....Province/ City.....
5. More details for Sources of planting materials:
  - Planted years:.....
  - Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia): .....
  - The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growth):
  - Productivity, quality of varieties (the main criteri):  
For the Budwood orchards, additional informations follow:
  - Codes of varieties (Elite trees):
  - Garden area (m<sup>2</sup>):
  - Distance in (m x m):
6. Other related documents attached
  - Map orchard;
  - Summary of findings or history of cultivation;
  - Research results, evaluation or had contests;
  - The situation of growth and development of varieties sources;

We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days ... months ... years.....)

Representative units \*

(Signature and stamp)

(\* Individuals must have a photocopy of identify card attached with)



**3. Thủ tục: Cấp lại giấy Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi hết hạn 03 tháng, nếu chủ nguồn giống có nhu cầu đăng ký công nhận lại, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra, đánh giá, trả kết quả khi đến hẹn.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ phận một cửa- Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội.
Thành phần Hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận lại nguồn giống;</li> <li>- Bản sao quyết định lần công nhận gần nhất;</li> <li>- Sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận nguồn giống gần nhất.</li> </ul> </li> <li>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</li> </ol>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ thực tế quá trình chăm sóc, sử dụng, sinh trưởng của cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cá nhân;</li> <li>+ Tổ chức.</li> </ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội</li> <li>2. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt;</li> <li>3. Cơ quan phối hợp: Theo quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển.</li> </ol>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy công nhận, có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp lại
Lệ phí	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: 1.500.000đồng/lần bình tuyển, công nhận (Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

*Vũ*

#### 4. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng

Trình tự thực hiện	<p>- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Tại Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội số 38 Tô Hiệu – Hà Đông – Hà Nội hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy lập 02 bộ hồ sơ công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ lưu tại tổ chức, cá nhân công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Bản công bố hợp quy theo nội dung tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập;</p> <p>c) Đối với giống nhập khẩu: Bản sao từ giấy chứng nhận hợp quy gốc của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;</p> <p>d) Đối với giống sản xuất trong nước: Bản sao từ giấy chứng nhận hợp quy gốc của một giống theo từng cấp giống do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.</p> <p>2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Bản công bố hợp quy theo nội dung tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập;</p> <p>c) Bản sao biên bản kiểm định đồng ruộng của một lô ruộng giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống;</p> <p>d) Bản sao 01 phiếu kết quả thử nghiệm mẫu từ bản gốc của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành phiếu kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được chỉ định đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy;</p> <p>đ) Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được chứng nhận phù hợp ISO 9001, hồ sơ công bố gồm: Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT kế hoạch giám sát hệ thống quản lý;</p> <p>e) Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy đã được chứng nhận phù hợp ISO 9001, hồ sơ công bố hợp quy có bản sao từ giấy chứng</p>

*Ph*

	<p>nhận phù hợp ISO 9001;</p> <p>g) Báo cáo đánh giá hợp quy của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành theo nội dung tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT.</p>
Thời hạn giải quyết hồ sơ	<p>1. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ công bố hợp quy nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về việc tiếp nhận bản công bố theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời gian 5 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện và thực hiện việc đăng ký lại.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt .</li> </ul>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy (Phụ lục V, Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT)</li> <li>- Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (Phụ lục 14 của Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT).</li> <li>- Báo cáo đánh giá hợp quy của một lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành (Phụ lục IV Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT).</li> </ul>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 24/3/2004 của Quốc hội.</li> <li>- Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.</li> <li>- Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>

*VNB*



Phụ lục IV

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY GIỐNG CÂY TRỒNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)  
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... ngày ... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ HỢP QUY GIỐNG CÂY TRỒNG**

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo: .....

Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email, Website

2. Tên giống cây trồng, cấp giống:

3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....

4. Mã lô giống được đánh giá hợp quy:

5. Kết quả đánh giá:

5.1. Kiểm định ruộng giống

- Ngày kiểm định:

- Địa điểm kiểm định:

- Họ và tên người kiểm định:

- Đơn vị quản lý người kiểm định:

- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm

- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống kiểm định đạt yêu cầu theo QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu

- Ngày lấy mẫu:

- Địa điểm lấy mẫu:

- Họ và tên người lấy mẫu:

- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:

- Tên phòng thử nghiệm:

- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm

- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN:

6. Các nội dung khác (nếu có): .....

7. Kết luận:

Giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số .....do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành (tên) ngày tháng năm.

**Người lập báo cáo**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của lãnh đạo tổ chức/cá nhân**  
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

*VB*

**Phụ lục V**  
**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
Số .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

**CÔNG BỐ:**

Giống cây trồng (loài, tên, cấp giống, đặc tính của giống)

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy (kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận/tự đánh giá), phương thức đánh giá sự phù hợp: phương thức 5/phương thức 7...):

.....

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của chất lượng (loài, tên, cấp giống) do mình sản xuất, nhập khẩu.

....., ngày ... tháng ... năm ....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

*VKS*

**PHỤ LỤC 14**  
**MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 55./2012/TT-BNNPTNT ngày 31/ 10/ 2012*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Đại diện doanh nghiệp  
*(ký tên, đóng dấu)*

*Vinh*

**5. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội : Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội</li> <li>- Hoặc qua đường Bưu điện</li> </ul>
Thành phần Hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy:             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012;</li> <li>- Bản sao có chứng thực chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;</li> <li>- Bản sao Giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác do Cục Trồng trọt cấp.</li> <li>- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);</li> </ul> </li> <li>2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón:             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012;</li> <li>- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);</li> <li>- Bản sao Giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác do Cục Trồng trọt cấp</li> <li>- Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;</li> <li>- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008;</li> <li>- Kế hoạch giám sát định kỳ;</li> <li>- Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: Đối tượng được chứng nhận hợp quy (số hiệu, tên), tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy, tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng, mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/ phương thức lấy mẫu/đánh giá) kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận), thông tin bổ sung khác.</li> </ul> </li> <li>3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</li> </ol>
Thời hạn giải quyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu:             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện: Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội</li> </ul> </li> </ol>

	<p>thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>- Đối với hồ sơ được gửi trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ:</p> <p>Thời gian 07 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân việc tiếp nhận công bố hợp quy.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức; + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt;
Kết quả thực hiện TTHC	Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Bản công bố hợp quy phân bón (Phụ lục 13); - Kế hoạch kiểm soát chất lượng (Phụ lục 14); (Phụ lục 13, Phụ lục 14 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số điều của Nghị định 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

*Vtk*

**Phụ lục 13**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/ 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
Số .....

Tên tổ chức, cá nhân:.....  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:..... Fax:.....  
E-mail.....

**CÔNG BỐ :**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)  
.....  
.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)  
.....  
.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...*):  
.....  
.....  
.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**  
(*Ký tên, chức vụ, đóng dấu*)

*Vhb*

**Phụ lục 14**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/ 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Đại diện doanh nghiệp**  
(ký tên, đóng dấu)

*Vinh*

**6. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</li> <li>+ Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ:</li> <li>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trong thời gian 03 ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản và gửi lại hồ sơ cho chủ rừng để hoàn thiện.</li> <li>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập hội đồng thẩm định;</li> <li>+ Phê duyệt phương án:</li> <li>Căn cứ vào ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án</li> <li>- Chủ rừng nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;</li> <li>Địa chỉ: Số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.</li> <li>- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.</li> </ul>
Thành phần Hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của Chủ rừng là tổ chức (mẫu Phụ lục VI, Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Bản thuyết minh phương án quản lý rừng bền vững (Phụ lục II (đối với rừng tự nhiên), Phụ lục III (đối với rừng trồng) của Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Hệ thống bản đồ;</li> <li>- Bản sao tài liệu, số liệu điều tra thu thập, giải trình ý kiến thẩm định</li> </ul> </li> <li>2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</li> </ul>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</li> <li>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản và gửi lại hồ sơ cho chủ rừng để hoàn thiện;</li> <li>+ Thẩm định: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phương án;</li> <li>+ Phê duyệt phương án: 03 ngày phê duyệt phương án cho chủ rừng;</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Chủ rừng là tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Trồng trọt;</li> <li>3. Cơ quan phối hợp: Chi cục kiểm lâm và cơ quan liên quan.</li> </ul>
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ trình về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Phụ lục VI Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT.



Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	Điều 10, điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Phụ lục VI

*Kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

### MẪU TỜ TRÌNH

**CƠ QUAN LÝ CẤP TRÊN**  
**TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-..

*Hà Nội, ngày tháng năm*

### TỜ TRÌNH

*Về việc thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về phương án quản lý rừng bền vững, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững với những nội dung sau:

1. Tên chủ rừng
  2. Địa chỉ:
  3. Mục tiêu phương án:
  4. Hiện trạng tài nguyên rừng, đất đai và kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng.
  5. Bố trí quy hoạch sử dụng đất, sử dụng rừng; kế hoạch sản xuất kinh doanh; nhu cầu, nguồn vốn đầu tư; hiệu quả của phương án.
  6. Hệ thống giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện phương án.
- Kính trình quy Sở xem xét thẩm định, phê duyệt phương án./.

**Nơi nhận:**

**Người đại diện chủ rừng**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Vals*

7. Tên thủ tục: Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận cây trộ; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Tiếp nhận hồ sơ, thụ lý viết phiếu hẹn + Xem xét thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường, trình kết quả + Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống, trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn đăng ký. - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống . b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Chứng chỉ
- Lệ phí	1.000.000 đồng/ 01 lần bình tuyển, công nhận (theo Quyết định 55/2014/QĐ-UBND, ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (mẫu biểu 05 Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN) - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống (Phụ lục 12 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11, ngày 24/3/2004 của Quốc hội. - Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. - Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thu phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Mẫu biểu số 05 (ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH**

**Kính gửi:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh . . . . .

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh .....thẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

**A - Phần dành cho người làm đơn**

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loài cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của  
nguồn giống xin công nhận

Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây urom từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi  
cây mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1.3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

Lâm phần tuyển chọn

Rừng giống chuyển hóa

Rừng giống trồng

Cây mẹ (cây trội)

Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 20...

Chữ ký của người làm đơn

(Con dấu của đơn vị nếu có)

*Vinh*

**B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT**

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 20...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

**Trưởng phòng Trồng trọt**

(Ký tên)

**Phụ lục 12:**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT)

**BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG**

Kính gửi :.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cự ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tía thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

**Tổ chức, cá nhân báo cáo**

(Ký tên và đóng dấu)



**8. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.**

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn. + Tiến hành thăm định qua sổ sách, cơ sở sản xuất (khi cần thiết): sổ theo dõi vật liệu giống, nguồn gốc và mã số lô giống, phẩm chất kỹ thuật của lô cây con. + Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống lô cây con và trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm. - Sổ nhật ký vườn ươm. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo kết quả sản xuất cây con của chủ nguồn giống.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
- Lệ phí	- Lệ phí 100.000 đồng.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm (phụ lục 14 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010. - Thông tư số 180/2011/TT-BTC Ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp

*Vũ*

**Phụ lục 14:**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm 200

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM CÂY LÂM NGHIỆP**

**Kính gửi:** .....

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính, chúng tôi thông báo kết quả sản xuất cây con của vụ/năm..... và đề nghị quý cơ quan thẩm định để cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loại cây con được sản xuất	<input type="checkbox"/> Cây ươm từ hạt <input type="checkbox"/> Cây giâm hom <input type="checkbox"/> Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống gốc được công nhận dùng để nhân giống	
Số lượng	<input type="checkbox"/> Khối lượng (kg) hạt được đưa vào gieo ươm <input type="checkbox"/> Số lượng hom/bình cấy <input type="checkbox"/> Số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn
Ngày ... tháng ... năm 200...	<b>Trưởng đơn vị SXKDGLN</b> (ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Thông báo này phải được gửi tới Sở Nông nghiệp và PTNT chậm nhất là 10 ngày trước khi đơn vị bán/giao cây con cho khách hàng.

*Vub*

**9. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.**

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - Cơ quan HCNN: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội tiếp nhận hồ sơ, thụ lý thẩm định các số liệu ghi trong thông báo thu hoạch giống và năng lực thực tế của nguồn giống sản xuất ra lô giống xin chứng nhận. Sau khi kiểm tra đủ các điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Số 38 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Thông báo kế hoạch thu hoạch vật liệu giống. - Giấy chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (loài xin chứng nhận nguồn gốc lô giống). - Sổ nhật ký ghi chép số liệu: + Đối với hạt giống: Khối lượng hạt thu hoạch được, khối lượng hạt nhập kho sau khi đã qua tinh chế. + Đối với giống vô tính: Số hom hoặc số bình cây (mô), số cây giống vô tính đã nhân thành công b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo thu hoạch giống của chủ nguồn giống.
- Đối tượng thực hiện	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt.
- Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
- Lệ phí	- Lệ phí 100.000 đồng.
- Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo kế hoạch thu hoạch vật liệu giống theo (Phụ lục 15 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010. - Thông tư số 180/2011/TT-BTC Ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp

**Phụ lục 15:**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 200

**THÔNG BÁO  
THU HOẠCH VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**

Kính gửi: .....

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính; căn cứ vào sản lượng hiện thời của nguồn giống của đơn vị (hoặc của chủ nguồn giống có hợp đồng kinh tế với đơn vị), chúng tôi thông kế hoạch tiến hành thu hoạch vật liệu giống theo thời gian và khối/số lượng dự kiến như sau:

<b>Phần 1: Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp</b>	
Tên chủ nguồn giống	
Địa chỉ kèm theo Tel/Fax/Email của chủ nguồn giống	
Loài cây được thu hoạch giống	
Mã số nguồn giống	
Địa điểm nguồn giống được thu hái	
Loại hình nguồn giống (theo chứng chỉ công nhận nguồn giống)	<input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyển hoá <input type="checkbox"/> Rừng giống <input type="checkbox"/> Vườn giống <input type="checkbox"/> Bình cây mô <input type="checkbox"/> Cây mẹ (Cây trội) <input type="checkbox"/> Vườn cung cấp hom
Thời gian dự kiến thu hoạch giống	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
<b>Phần 2: Kết quả thu hoạch giống và đề nghị cấp chứng nhận lự giống thu hoạch được</b>	
Thời gian thu hoạch thực tế	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Lượng thu hoạch thực tế sau khi tinh chế/xử lý	- Kg (đối với hạt giống) - Số hom (đối với vật liệu sinh dưỡng)

*Vinh* 102



	- Số bình cây (đối với vật liệu nuôi cấy mô)
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống

**Ghi chú:** Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo đề đề nghị cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.



www.LuatVietnam.vn

10. Tên thủ tục: Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức

<p>- Trình tự thực hiện</p>	<p>a) Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức có nhu cầu giao rừng, thuê rừng nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; viết xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và giấy hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>b) Bước 2: Thẩm định hồ sơ và xác định hiện trạng rừng Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật trước khi giao rừng, cho thuê rừng.</li> <li>- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức xác định và đánh giá hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao hoặc cho tổ chức thuê. Kết quả kiểm tra và đánh giá hiện trạng rừng phải lập thành biên bản xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng và có ký tên của đại diện UBND cấp huyện, đại diện UBND cấp xã, đại diện các chủ rừng liên kề.</li> <li>- Lập tờ trình kèm theo hồ sơ, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định giao, thuê rừng cho tổ chức.</li> </ul> <p>Thời gian thực hiện Bước 2 không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức.</p> <p>c) Bước 3: Quyết định giao rừng, cho thuê rừng Sau khi nhận được hồ sơ và tờ trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, UBND Thành phố xem xét, ký quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức (Phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN); ký Hợp đồng cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng (Phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN).</p> <p>Thời gian thực hiện Bước 3 không quá 3 ngày làm việc.</p> <p>d) Bước 4: Bàn giao rừng Sau khi nhận được Quyết định giao, cho thuê rừng của UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng được giao và lập thành biên bản, có sự tham gia và ký tên của đại diện UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo mẫu Biên bản tại Phụ lục 5 và 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN.</p> <p>Thời gian thực hiện Bước 4 không quá 3 ngày làm việc.</p> <p>Trong quá trình thực hiện các bước giao rừng, cho thuê rừng nêu trên, nếu tổ chức không đủ điều kiện được giao hoặc thuê rừng thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lại hồ sơ cho tổ chức và thông báo rõ lý do không được giao hoặc thuê rừng.”</p>
<p>- Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội</p>
<p>- Thành phần Hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị giao rừng, thuê rừng (Phụ lục 05);</li> <li>- Phương án quản lý, sử dụng bền vững khu rừng (bản chính).</li> </ul>

104  
*Vinh*

	b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (Phòng trồng trọt). - Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện, UBND cấp xã
- Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định giao rừng, cho thuê rừng
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đề nghị giao rừng, thuê rừng (Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn. - Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 - Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN

*VB*

**Phụ lục 05: Mẫu đề nghị giao rừng, cho thuê rừng dùng cho tổ chức**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20 /2016/TT-BNNPTNT  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (1) .....
  2. Địa chỉ trụ sở chính.....
  3. Địa chỉ liên hệ..... Điện thoại.....
  4. Địa điểm khu rừng đề nghị giao, cho thuê (2).....
  5. Diện tích đề nghị giao rừng, cho thuê (ha).....
  6. Để sử dụng vào mục đích (3).....
  7. Thời hạn sử dụng (năm).....
  8. Phương thức nộp tiền sử dụng rừng (nếu có).....
  9. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nộp tiền sử dụng rừng (nếu có) đầy đủ, đúng hạn.....
- Các cam kết khác (nếu có): .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ, tên chức danh và đóng dấu)

1. Đối với tổ chức phải ghi rõ: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tổ chức.
2. Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên xã (phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và tên tiểu khu, khoảnh, lô.
3. Mục đích để quản lý, bảo vệ, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học..



**11. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác**

Trình tự thực hiện	<p>+ Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế gửi hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.</p> <p>+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định (trường hợp Phương án trồng rừng thay thế có tổng diện tích dưới 50 hecta thì không nhất thiết thành lập Hội đồng thẩm định Phương án với đầy đủ phần Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định số lượng thành phần Hội đồng thẩm định phù hợp. Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án đã gửi để biết.</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi để nghị biết lý do.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, ủy ban nhân dân Thành phố phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, ủy ban nhân dân Thành phố phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi để nghị biết.</p>
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	<p>+ Thành phần: Văn bản đề nghị phê duyệt phương án (Phụ lục 01); Phương án trồng rừng thay thế (Phụ lục 02) + Số lượng: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 33 ngày làm việc.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Trồng trọt).</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

*107*

Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, tờ khai	Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục khác (Phụ lục 01); Phương án trồng rừng thay thế (Phụ lục 02) (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT)
Điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. + Khoản 1, 2, 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT . + Quyết định số 3482/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

www.LuatVietnam.vn

Vab

Phụ lục 01  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN**  
**TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN SANG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG**  
**RỪNG SANG SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH KHÁC**

Dự án: .....  
Kính gửi .....  
Tên tổ chức: .....  
Địa chỉ: .....  
Căn cứ Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2013 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác, đề nghị .....  
Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:  
Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:  
Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:  
Đối tượng rừng chuyển đổi:  
Diện tích đất trồng rừng thay thế:  
Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh....., tiểu khu..... xã.....huyện.....tỉnh...  
Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất): .....  
Phương án trồng rừng thay thế:  
- Loại cây trồng .....  
- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài): .....  
- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng): .....  
- Thời gian trồng: .....  
Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế: .....  
..... (tên tổ chức) cam đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước về trồng rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện của tổ chức .  
(ký, đóng dấu)



**PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

**III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH**

1. Tên Phương án:
2. Vị trí khu rừng: Diện tích .....ha, Thuộc khoảnh, .....lô .....  
Các mặt tiếp giáp .....
- Địa chỉ khu rừng: Thuộc xã .....huyện .....tỉnh .....
3. Địa hình: Loại đất ..... độ dốc .....
4. Khí hậu:.....;
5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng .....

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

**V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN,**

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện.

- Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
- Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
- Đối tượng rừng chuyển đổi:
  - + Trạng thái rừng .....
  - + Trữ lượng rừng ..... m<sup>3</sup>, tre, nứa.....cây
- Diện tích đất trồng rừng thay thế:
  - + Vị trí trồng: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã..... huyện....tỉnh.....
  - + Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất): .....
- Kế hoạch trồng rừng thay thế
  - + Loại cây trồng .....
  - + Mật độ .....
  - + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài): .....
  - + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:

*Vals*



+ Thời gian và tiến độ trồng: .....

+ Xây dựng đường băng cản lửa .....

+ Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng): .....

+ Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.

2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)

- Lý do xây dựng phương án

- Dự toán kinh phí thực hiện phương án

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

.....  
.....

Vũ

www.LuatVietnam.vn

#### IV. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật.

##### 1. Tên thủ tục: Cấp/ cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Trình tự thực hiện	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Trường hợp cấp lần đầu: Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.</li><li>2. Trường hợp cấp lại: Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.</li><li>3. Cơ quan hành chính nhà nước: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều kiện và trả kết quả khi đến hẹn.</li></ol>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Cơ sở buôn bán thuốc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Chi cục Bảo vệ thực vật.</li><li>Địa chỉ: Tờ 44 - phường Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội;</li><li>+ Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời gian 02 ngày làm việc; Nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ, nếu không hợp lệ thì được hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li></ul>
Thành phần Hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XIV</i>).</li><li>+ Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li><li>+ Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (<i>phụ lục XVI</i>).</li><li>+ Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) bằng cấp chuyên môn từ trung cấp trở lên hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.</li><li>+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ;</li></ul>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Chi cục Bảo vệ thực vật thẩm định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.</li><li>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Chi cục Bảo vệ thực vật quyết định thành lập Đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế.</li><li>+ Thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 05 ngày. Thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.</li><li>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, kết quả đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá Chi cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cho cơ sở.</li><li>+ Trường hợp chưa đủ điều kiện, Chi cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt, yêu cầu và thời hạn khắc phục trong vòng 60 ngày. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết), trường hợp hợp lệ, Chi cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật</li></ul>

Vch 112

	<p>+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>* Nếu cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không thành lập đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở buôn bán.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức, + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật.
Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận.
Thời hạn của Giấy chứng nhận	05 năm
Phí thẩm định điều kiện buôn bán thuốc BVTV	+ 500.000 đồng/lần thẩm định đối với cửa hàng. + 1.000.000 đồng/lần thẩm định đối với đại lý. (theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật ( <i>phụ lục XIV</i> ); Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật ( <i>Phụ lục XVI</i> ). (Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>* <b>Nhân sự:</b> Chủ cơ sở buôn bán (Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các thành viên công ty hợp danh; người đứng đầu chi nhánh hoặc cấp phó của người đứng đầu chi nhánh của doanh nghiệp; một trong những người quản lý cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng đại lý của doanh nghiệp, hợp tác xã làm dịch vụ bảo vệ thực vật; người trực tiếp quản lý cửa hàng đối với cửa hàng buôn bán thuốc tại một địa điểm cố định) và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>* <b>Địa điểm:</b> + Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải có địa chỉ rõ ràng, ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở hoặc có hợp đồng thuê địa điểm đặt cửa hàng hợp pháp tối thiểu là 01 năm. + Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh, tối thiểu là 10 mét vuông (m<sup>2</sup>). Phải là nhà kiên cố, bố trí ở nơi cao ráo, thoáng gió. + Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa là</p>

*Vinh*

lượng thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y.

+ Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được nằm trong khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.

+ Cửa hàng phải cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 mét (m); có nền cao ráo, chống thấm, không ngập nước; tường và mái phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa.

*\* Trang thiết bị*

+ Có tủ trưng bày, quầy, kệ hoặc giá đựng thuốc bảo vệ thực vật.

+ Đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng phải đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ.

+ Có nội quy và phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

+ Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng.

+ Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.

*\* Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng:*

+ Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch) ít nhất khoảng 20 mét (m) và phải được gia cố bờ kè chắc chắn, chống chảy tràn. Phải khô ráo, thoáng gió, không thấm, dột hoặc ngập úng, đảm bảo phòng chống cháy nổ;

+ Tường và mái của nơi chứa phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa. Tường và nền phải bằng phẳng, chống thấm, dễ lau chùi, không bị ngập;

+ Phải được đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện hàng hóa. Thiết bị chiếu sáng đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ;

+ Hàng hóa được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 cen-ti-mét (cm), cách tường ít nhất 20 cen-ti-mét (cm); phải được bảo quản trong bao gói kín, hạn chế phát tán mùi ra xung quanh;

+ Việc sắp xếp hàng hóa phải đảm bảo không gây đổ vỡ, rò rỉ, có lối vào đủ rộng tối thiểu cho một người đi lại và riêng biệt từng loại;

+ Có nội quy và trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết;

+ Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng;

+ Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố.

*\* Trường hợp cơ sở buôn bán không có cửa hàng* phải có đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp, địa chỉ rõ ràng; có sổ ghi chép việc mua bán, xuất, nhập thuốc bảo vệ thực vật và Chủ cơ sở buôn bán (Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các thành viên công ty hợp danh; người đứng đầu chi nhánh hoặc cấp phó của người đứng đầu chi nhánh của doanh nghiệp; một trong những người quản lý cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng đại lý của doanh nghiệp, hợp tác xã làm dịch vụ bảo vệ thực vật; người trực tiếp quản lý cửa hàng đối

	với cửa hàng buôn bán thuốc tại một địa điểm cố định) và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc Bảo vệ thực vật. + Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, Lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

(Phụ lục XIV Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội

1. Đơn vị chủ quản:.....  
Địa chỉ: .....  
Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....

2. Tên cơ sở: .....  
Địa chỉ: .....  
Tel: ..... Fax:..... E-mail: .....

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:  
Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

**Đề nghị Quý cơ quan**

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
- Sản xuất hoạt chất
  - Sản xuất thuốc kỹ thuật
  - Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật
  - Đóng gói
- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
- Cơ sở có cửa hàng
  - Cơ sở không có cửa hàng
- Cấp mới  Cấp lại lần thứ .....

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Đại diện cơ sở**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH  
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội**

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

1. Đơn vị chủ quản: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
2. Tên cơ sở: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....
3. Loại hình hoạt động
- DN nhà nước
  - DN liên doanh với nước ngoài
  - DN tư nhân
  - DN 100% vốn nước ngoài
  - DN cổ phần
  - Hộ buôn bán
  - Khác: (ghi rõ loại hình)
4. Năm bắt đầu hoạt động: .....
5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
.....

**II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)
- Diện tích cửa hàng: .....m<sup>2</sup>
  - Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: ..... m<sup>2</sup> hoặc ..... tấn
  - Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:
2. Nhân lực:
- Danh sách nhân lực, trong đó:
- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận, ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).
- .....
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp)
- .....
- .....

*Vhb*

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên  dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): ..... chiều cao: .....

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: .....

b) Trạm cấp cứu gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

d) Đồn cảnh sát gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

đ) Tên khu dân cư gần nhất: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho): .....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

*Vuh*

**2. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.**

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Cơ quan hành chính nhà nước: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: Tổ 44 - phường Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.
Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần Hồ sơ, bao gồm: + Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục số XXIX). + Bản sao chụp Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật của người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng, khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu (đối với vận chuyển bằng đường bộ). + Bản sao chụp của một trong các giấy tờ sau: - Hợp đồng cung ứng; - Hợp đồng vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật; - Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật; - Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty). + Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	+ Nếu hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 01 (một) ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, Chi cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức, + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật.
Kết quả của TTHC	+ Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV
Thời hạn của Giấy phép	+ Cấp theo từng chuyến hoặc từng thời kỳ nhưng không quá 12 tháng
Lệ phí	+ 300.000 đồng (theo Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục số XXIX kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	1. Người vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật a) Người điều khiển phương tiện, người áp tải hàng phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của thuốc bảo vệ thực vật như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật và thực hiện theo các quy định của

Vub 118



pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm;

b) Người điều khiển phương tiện vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngoài các chứng chỉ về điều khiển phương tiện tham gia giao thông theo quy định hiện hành của Nhà nước còn phải có Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật;

c) Người áp tải hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.

2. Bao bì, thùng chứa hoặc container chứa thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình vận chuyển

a) Phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước;

b) Phải dán hình đồ cảnh báo với hình đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch và các hình đồ cảnh báo tương ứng với tính chất của thuốc bảo vệ thực vật được vận chuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư này. Kích thước của hình đồ cảnh báo dán trên mỗi thùng đựng thuốc bảo vệ thực vật là 100 x 100 mi-li-mét (mm) và dán trên container là 250 x 250 mi-li-mét (mm);

c) Phải có báo hiệu nguy hiểm hình chữ nhật, màu vàng cam, ở giữa ghi mã số Liên hợp quốc (UN), kích thước báo hiệu nguy hiểm là 300 x 500 mi-li-mét (mm) theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư này, vị trí ở phía dưới hình đồ cảnh báo. Đối với bao bì và thùng chứa thuốc thì báo hiệu nguy hiểm có kích thước nhỏ hơn phù hợp với tỷ lệ với bao bì và thùng chứa nhưng phải đảm bảo nhìn rõ báo hiệu nguy hiểm.

3. Phương tiện vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật

a) Các phương tiện vận tải thông thường được các cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành để vận chuyển hàng hóa thì được chuyên chở thuốc bảo vệ thực vật.

b) Phương tiện chuyên chở thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật sau:

Có dụng cụ, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy phù hợp với thuốc bảo vệ thực vật khi vận chuyển;

Có mui, bạt che phủ kín, chắc chắn toàn bộ khoang chở hàng đảm bảo không thấm nước trong quá trình vận chuyển;

Không dùng xe rơ móc để chuyên chở thuốc bảo vệ thực vật.

c) Phương tiện chuyên chở thuốc bảo vệ thực vật được xếp cuối cùng của mỗi chuyến phà, nếu bên phà không có phà chuyên dùng cho loại hàng nguy hiểm.

d) Phương tiện chuyên chở các thùng chứa thuốc bảo vệ thực vật phải được dán hình đồ cảnh báo của loại nhóm hàng đang vận chuyển. Kích thước của hình đồ cảnh báo dán trên phương tiện là 500 x 500 mi-li-mét (mm). Vị trí dán hình đồ cảnh báo ở hai bên và phía sau phương tiện.

4. Xử lý sự cố

Trường hợp xảy ra sự cố gây rò rỉ, phát tán thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình vận chuyển, người điều khiển phương tiện, chủ hàng,

*Vhb* 119

	<p>chủ phương tiện có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả, khắc phục sự cố, đồng thời báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để tiếp tục theo dõi và có các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa hậu quả. Người vi phạm phải chịu mọi chi phí khắc phục.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<p>+ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.          + Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, Lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>

*VB*

www.LuatVietnam.vn

(Phụ lục XXIX Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại .....Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số .....ngày.....tháng .....năm.....

Đăng ký doanh nghiệp số.....ngày.....tháng .....năm.....

tại.....

Số tài khoản.....Tại ngân hàng.....

Họ tên người đại diện pháp luật.....Chức danh.....

CMND/Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày...../...../.....

Hộ khẩu thường trú.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp “*Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật*”  
đối với loại thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển

cho phương tiện giao thông .....

(lưu ý: ghi rõ loại phương tiện vận chuyển, trọng tải phương tiện, biển kiểm soát, tên chủ phương tiện, tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, người áp tải hàng, số CMND/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú).

Tôi cam kết đảm bảo an toàn để tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày.....tháng .....năm.....

**Người làm đơn**  
(Ký tên, đóng dấu)



### 3. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Cơ quan hành chính nhà nước: Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội - Tổ 44 - phường Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.
Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần Hồ sơ, bao gồm + Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XXXIV); + Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; + Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự); + Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao). b) Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy hoặc bản điện tử.
Thời hạn giải quyết	+ 10 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức + Cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật.
Kết quả của TTHC	+ Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc BVTV
Phí thẩm định	+ 600.000 đồng/hồ sơ/lần (theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XXXIV kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	1. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật bắt buộc phải có các nội dung sau: a) Tên thương phẩm, tên hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật; b) Tính năng tác dụng và những điều lưu ý khi sử dụng, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật; c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký, phân phối; d) Hướng dẫn sử dụng; đ) Cảnh báo về mức độ nguy hiểm, độc hại và chỉ dẫn phòng ngừa tác hại của thuốc bảo vệ thực vật. 2. Nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật trên bảng, biển, panô, kệ giá kê hàng, các vật dụng khác, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, phương tiện giao thông, người chuyên tải sản phẩm quảng cáo không

VNB 122

	<p>nhất thiết phải chứa đầy đủ các nội dung bắt buộc.</p> <p>3. Hội thảo về thuốc bảo vệ thực vật phải có hướng dẫn về an toàn, hiệu quả trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 20: 2010/BVTV Tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả.</p> <p>4. Thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cấp tính loại I, II theo phân loại GHS chỉ được hội thảo nhằm khuyến cáo sử dụng an toàn.</p>
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>+ Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>+ Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật</p>

*Handwritten signature*

www.LuatVietnam.vn

**Phụ lục XXXIV**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT)

Tên công ty, doanh nghiệp      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Số: .....      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

Số giấy phép hoạt động : .....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ: .....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

1. ....
2. ....
3. ....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Vhb*

4. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn;</li> <li>- Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp và trả kết quả khi tới hẹn</li> </ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội</li> <li>Địa chỉ: tổ 44 - phường Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội</li> </ul>
Thành phần Hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thành phần hồ sơ, gồm:                             <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy :                                     <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Bản công bố hợp quy (theo mẫu);</li> <li>b) Bản sao có chứng thực chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;</li> <li>c) Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng).</li> </ol> </li> <li>2. Hồ sơ công bố hợp quy đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:                                     <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục 13;</li> <li>b) Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);</li> <li>c) Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có) tại phòng thử nghiệm được chỉ định;</li> <li>d) Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008;</li> <li>đ) Kế hoạch giám sát định kỳ;</li> <li>e) Báo cáo đánh giá hợp quy gồm những nội dung: đối tượng được chứng nhận hợp quy; (số hiệu, tên) tài liệu kỹ thuật sử dụng làm căn cứ để chứng nhận hợp quy; tên và địa chỉ của tổ chức thực hiện đánh giá hợp quy; phương thức đánh giá hợp quy được sử dụng; mô tả quá trình đánh giá hợp quy (lấy mẫu, đánh giá, thời gian đánh giá) và các lý giải cần thiết (ví dụ: lý do lựa chọn phương pháp/phương thức lấy mẫu/đánh giá); kết quả đánh giá (bao gồm cả độ lệch và mức chấp nhận); thông tin bổ sung khác.</li> </ol> </li> </ol> </li> <li>+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ</li> </ul>
Thời hạn giải quyết	7 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức; cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội</li> <li>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội</li> </ul>

*Kh* 125

Kết quả của việc thực hiện TTHC	Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy .
Phí, lệ phí	600.000 đồng/lần Theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài Chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Bản công bố hợp quy tại phụ lục 13; Kế hoạch kiểm soát chất lượng tại phụ lục 14, ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục chi định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài Chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Vib*

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục 13  
**MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
Số .....

Tên tổ chức, cá nhân:.....  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:..... Fax:.....  
E-mail:.....

**CÔNG BỐ :**

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ... )

.....  
.....  
Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....  
.....  
Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá hợp quy...):

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Vũ

Phụ lục 14  
**MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 55 /2012/TT-BNNPTNT )

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**  
Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Đại diện doanh nghiệp**  
(ký tên, đóng dấu)



www.LuatVietnam.vn

**5. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.**

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Cơ quan hành chính nhà nước: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: Tô 44 - phường Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.
Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần Hồ sơ, bao gồm: + Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	+ Nếu hồ sơ hợp lệ: 24 giờ, trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu chuyên môn kỹ thuật hoặc không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức, Cá nhân là chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vùng bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật.
Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa
Thời hạn của Giấy phép	+ Cấp theo từng lô hàng và không có thời hạn
Lệ phí	+ Theo phụ lục (quy định tại mục IV, Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	+ Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (Phụ lục số V Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch thực vật nội địa + Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, Lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

*Vat*

(Phụ lục số V Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: ..... Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật sau:

1. Tên hàng: ..... Tên khoa học: .....

Cơ sở sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

2. Số lượng và loại bao bì: .....

3. Khối lượng tịnh: ..... Khối lượng cả bì: .....

4. Phương tiện chuyên chở: .....

5. Nơi đi: .....

6. Nơi đến: .....

7. Mục đích sử dụng: .....

8. Địa điểm sử dụng: .....

9. Thời gian kiểm dịch: .....

10. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có): .....

Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp: ..... bản chính; ..... bản sao ...

Vào sổ số: ..... ngày ...../...../.....

**Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Tổ chức, cá nhân đăng ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Vub*

## V. Đề điều và phòng chống lụt bão.

### 1. Tên thủ tục: Cấp biển xe được phép đi trên đê trong mùa lũ

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Văn thư phụ trách Phòng chống thiên tai thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội; Địa chỉ: Số 197 Nghi Tàm, phường Phú Thượng, Tây Hồ.</p> <p>Bước 2: Người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết giấy hẹn cho người nộp.</li><li>+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ cán bộ tiếp nhận hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung chỉnh sửa phù hợp, kịp thời.</li></ul> <p>Bước 3: Kết quả được trả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Văn thư phụ trách Phòng chống thiên tai thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội; Địa chỉ: Số 197 Nghi Tàm, phường Phú Thượng, Tây Hồ.</li><li>- Hoặc gửi theo đường bưu điện.</li></ul>
Thành phần Hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ :</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công văn về việc xin cấp phép cho xe ô tô đi lại trên đê trong mùa lũ.</li><li>- Danh sách các số xe kèm theo:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Bản đăng ký xe ô tô (bản photo)</li><li>+ Bản Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản photo).</li></ul></li></ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan được ủy quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội ủy quyền Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão Thành phố cấp biển "Xe kiểm tra đê", "Xe hộ đê", "Xe được phép đi trên đê".</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban chỉ huy Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão Thành phố cấp biển "Xe kiểm tra đê", "Xe hộ đê", "Xe được phép đi trên đê".</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Cấp biển xe được phép đi trên đê trong mùa lũ.
Lệ phí	+ Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	+ Không

Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	+ Yêu cầu hoặc điều kiện cấp biển " <b>xe kiểm tra đê</b> " + Yêu cầu hoặc điều kiện " <b>xe hộ đê</b> " + Yêu cầu hoặc điều kiện cấp biển " <b>xe được phép đi trên đê</b> " (các điều kiện trên thực hiện theo Quyết định số 92/2008/QĐ-BNN Ngày 17/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 92/2008/QĐ-BNN Ngày 17/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Quy định về quản lý, phát hành và cấp biển xe được phép đi trên đê; xe kiểm tra đê; xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về phòng, chống lụt, bão.

*V.B*

www.LuatVietnam.vn

**2. Tên thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều.**

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội, địa chỉ: Tầng 3 phòng Tổ chức – Hành chính, số 1 Tô Hiệu quận Hà Đông, Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý hồ sơ:          + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn cho người nộp.          + Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung chỉnh sửa phù hợp.</p> <p>Bước 3: Kết quả được trả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phòng Tổ chức – Hành chính của Chi cục.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão.          - Hoặc gửi theo đường bưu điện.          Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu quận Hà Đông, Hà Nội.</p>
<p>Thành phần Hồ sơ</p>	<p>a) Số lượng hồ sơ:          - Số lượng hồ sơ đối với những hoạt động do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép: 03 bộ          - Số lượng hồ sơ đối với những hoạt động do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép: 02 bộ</p> <p>b) Thành phần hồ sơ (bộ hồ sơ) gồm:          1. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều.          2. Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu là doanh nghiệp, tổ chức); Giấy phép đầu tư (nếu đơn vị xin phép dùng nguồn vốn không phải vốn ngân sách nhà nước cho hoạt động liên quan đến đê điều).          3. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.          4. Hồ sơ thiết kế do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực thực hiện và đã được chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định. Hồ sơ thiết kế gồm: thuyết minh, thiết kế cơ sở, phụ lục tính toán, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được phê duyệt; các quyết định phê duyệt của dự án.          5. Đối với các công trình cắt xẻ đê, ảnh hưởng đến an toàn đê điều phải có cam kết về chất lượng, biện pháp tổ chức thi công và cam kết hoàn thành trước ngày 30/4 hàng năm; đối với những công trình thời gian thi công kéo dài qua mùa lũ phải có biện pháp thi công phù hợp và phương án phòng chống lụt bão được cấp có thẩm quyền phê duyệt.          6. Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu xét thấy công trình có ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ thì cơ quan xử lý hồ sơ thông báo chủ đầu tư bổ sung: Văn bản thẩm tra, kiểm định của đơn vị tư vấn độc lập về ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát</p>

*Vhb* 133

	<p>lũ sông, cụ thể về sự tăng, giảm lưu lượng lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực lân cận; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình.</p> <p>7. Tài liệu khảo sát địa hình, địa chất để phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán (nếu có yêu cầu).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản những nội dung còn thiếu, yêu cầu chủ đầu tư bổ sung.</p> <p>b, Thời hạn không quá 40 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn giải quyết tại Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão không quá 10 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 05 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin ý kiến thỏa thuận không quá 05 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình.</li> <li>- Thời hạn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến thỏa thuận 15 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép 05 ngày làm việc.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Cấp giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê Điều.</p>

*VB*



**3. Tên thủ tục: Gia hạn giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều.**

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão Hà Nội, địa chỉ: Tầng 3 phòng Tổ chức - Hành chính, số 1 Tô Hiệu quận Hà Đông, Hà Nội.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn cho người nộp.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung chỉnh sửa phù hợp, kịp thời.</p> <p>Bước 2: Trả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão Hà Nội .</p> <p>- Hoặc gửi theo đường bưu điện.</p> <p>Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu quận Hà Đông, Hà Nội.</p>
Thành phần Hồ sơ	<p>a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>b) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều, trong đó giải trình rõ lý do chưa hoàn thành và thời gian xin gia hạn.</p> <p>- Bản sao giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều đã được cấp;</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <p>- Thời hạn giải quyết tại Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn giải quyết tại Ủy ban nhân dân Thành phố 05 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không

*Vhb*

Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội. - Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều.
-------------------------	--

*Handwritten signature*

www.LuatVietnam.vn

**4. Tên thủ tục: Hướng dẫn, cung cấp thông tin, thỏa thuận hoạt động liên quan đến đề điều.**

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nộp hồ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội, địa chỉ: Tầng 3, phòng Tổ chức - Hành chính, số 1 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Hà Nội.          + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết giấy hẹn cho người nộp.          + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ cán bộ tiếp nhận hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho phù hợp.          Bước 4: Kết quả được trả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phòng Tổ chức - Hành chính của Chi cục.          - Hoặc gửi theo đường bưu điện.          Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu quận Hà Đông, Hà Nội.</p>
<p>Thành phần Hồ sơ</p>	<p>a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ          b) Thành phần hồ sơ:          1. Đối với đề nghị cung cấp thông tin, thông số kỹ thuật liên quan đến đề điều, thoát lũ hồ sơ gồm:          - Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, thông số kỹ thuật liên quan đến đề điều, thoát lũ.          - Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.          - Hồ sơ thiết kế công trình đề nghị cung cấp thông tin, thông số kỹ thuật liên quan đến đề điều, thoát lũ.          2. Đối với đề nghị thỏa thuận hoạt động liên quan đến đề điều, thoát lũ hồ sơ gồm:          - Văn bản đề nghị thỏa thuận hoạt động liên quan đến đề điều.          - Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu là doanh nghiệp, tổ chức); Giấy phép đầu tư (nếu đơn vị xin phép dùng nguồn vốn không phải vốn ngân sách nhà nước cho hoạt động liên quan đến đề điều); Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.          - Hồ sơ thiết kế công trình đề nghị thỏa thuận. Hồ sơ thiết kế gồm: thuyết minh, thiết kế cơ sở, phụ lục tính toán, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đề điều, thoát lũ, các văn bản liên quan đến dự án.          3. Đối với đề nghị thỏa thuận xây dựng nhà ở riêng lẻ của các cá nhân hồ sơ gồm:          - Đơn xin thỏa thuận xây dựng nhà ở; Đối với công trình xây dựng cải tạo nhà ở không phù hợp với quy hoạch đề điều và quy hoạch phòng chống lũ phải cam kết tự tháo dỡ công trình khi nhà nước yêu cầu, kèm</p>

	<p>theo ảnh chụp công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất.</li> <li>- Hồ sơ thiết kế công trình xây dựng: thể hiện mặt bằng, mặt cắt hiện trạng và xây dựng công trình.</li> </ul>
Thời hạn giải quyết	<p>20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; trong đó</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn giải quyết tại Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão không quá 10 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 05 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn giải quyết tại Ủy ban nhân dân Thành phố 05 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi cục Đê điều cung cấp thông tin, thông số kỹ thuật liên quan đến đê điều, thoát lũ và thỏa thuận với các nhà ở riêng lẻ có diện tích mặt bằng xây dựng dưới 250m<sup>2</sup>.</li> <li>- Sở Nông nghiệp thỏa thuận với các dự án của tổ chức, doanh nghiệp và diện tích mặt bằng xây dựng trên 250m<sup>2</sup>.</li> </ul>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Hướng dẫn, cung cấp thông tin, thỏa thuận hoạt động liên quan đến đê điều
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số: 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều</li> <li>- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng; Quyết định số 5370/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT.</li> </ul>

## VI. Lĩnh vực Thủy lợi.

1. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan HCNN: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đưa hồ sơ cho bộ phận trực tiếp giải quyết; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép; 2. Đối với từng hoạt động cụ thể mà tổ chức, cá nhân đề nghị phải có văn bản sau: 2.1) Đối với các hoạt động quy định khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 10 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: - Hồ sơ kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường; 2.2) Đối với các hoạt động quy định khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; 2.3) Đối với các hoạt động quy định khoản 5 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông

	<p>nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao chụp Sổ đăng kiểm xe mang theo bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ;</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;</li> </ul> <p>2.4) Đối với các hoạt động quy định khoản 9 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao công chứng hộ chiếu nổ mìn đối với các hoạt động quy định tại khoản 9 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp;</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)</p>
- Thời hạn giải quyết	<p>- Thời gian quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1: 28 ngày làm việc.</li> <li>+ Đối với hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 1: 13 ngày làm việc.</li> <li>+ Đối với các hoạt động quy định tại khoản 5 Điều 1: 10 ngày làm việc.</li> <li>+ Đối với các hoạt động quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1: 18 ngày làm việc.</li> </ul> <p>- Thời gian thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>+ Đối với hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 1: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>+ Đối với các hoạt động quy định tại khoản 5 Điều 1: 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>+ Đối với các hoạt động quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>
- Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân</li> <li>- Tổ chức</li> </ul>
- Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi</p>
- Kết quả của	Văn bản chấp thuận

VLB 140

việc thực hiện TTHC	
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Phụ lục 01 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001 của Quốc Hội.</li> <li>- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.</li> <li>- Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.</li> <li>- Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 21 /2011/ TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.</li> </ul>

*VAB*

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI**  
**BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động: .....
- Vị trí của các hoạt động.....
- Thời hạn xin cấp phép....; từ... ngày... tháng.....năm, đến ngày... tháng... năm.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

*Vũ B*



**2. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.**

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan HCNN: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; 2. Bản sao giấy phép đã được cấp; 3. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung, phương án bảo đảm an toàn cho công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép); 4. Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)
- Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: - Đối với hoạt động quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 8 ngày làm việc; - Đối với hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1: 13 ngày làm việc; - Đối với hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1: 15 ngày làm việc. + Thời gian thực tế: - Đối với hoạt động quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân, Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản chấp thuận
- Lệ phí	- Không

*Vab* 143

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (phụ lục 2 Thông tư số 21 /2011/ TT-BNNPTNT )
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.</li> <li>- Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.</li> <li>- Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Thông tư số 21 /2011/ TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.</li> </ul>

*[Handwritten signature]*

www.LuatVietnam.vn

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG)**

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đang tiến hành các hoạt động..... trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động xin gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung:.....
- Vị trí của các hoạt động .....
- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ.... ngày..: tháng... năm..., đến ngày... tháng... năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp phép) gia hạn (hoặc điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng  
(hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

*Vinh*

**3. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ cấp phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan HCNN: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép; 2. Dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; 3. Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; 4. Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi; 5. Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; 6. Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp; 7. Báo cáo đánh giá tác động môi trường. b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)
- Thời hạn giải quyết	Thời gian theo quy định: 18 ngày làm việc. Thời gian thực tế: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân - Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản chấp thuận
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Phụ lục 01 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001 của Quốc Hội. - Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. - Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông

*Vnh* 146

ngiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

- Thông tư số 21 /2011/ TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

*VAB*

www.LuatVietnam.vn

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI**  
**BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động: .....
- Vị trí của các hoạt động.....
- Thời hạn xin cấp phép....; từ... ngày... tháng.....năm, đến ngày... tháng... năm.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)



**4. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.**

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan HCNN: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; 2. Bản sao công chứng giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể; 3. Bản đồ tỉ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; 4. Hồ sơ thiết kế, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; 5. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với các trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật); báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến xả vào hệ thống công trình thủy lợi; trường hợp đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi phải có báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên; 6. Bản sao công chứng về giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải; 7. Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)
- Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: 33 ngày làm việc. + Thời gian thực tế: 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân - Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản chấp thuận
- Lệ phí	- 100.000 đồng/1 giấy phép
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Phụ lục 03 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện	- Không

*Val* 149

thực hiện TTHC	
<p>- Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<p>- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001 của Quốc hội.  - Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.  - Quyết định 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.  - Thông tư số 21 /2011/ TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.</p>

*VB*

www.LuatVietnam.vn



Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
**XẢ NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác) tại vị trí.....thuộc xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)....., thành phố Hà Nội, với các nội dung sau:

- Lưu lượng xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi:
- Thời hạn xả nước thải .... năm, từ ... đến ...
- Chất lượng nước thải (có báo cáo phân tích chất lượng nước thải kèm theo).

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép) được phép xả nước thải vào vị trí nói trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các yêu cầu ghi trong giấy phép được cấp.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

*VNB*

**5. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.**

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cơ quan HCNN: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Đơn đề nghị gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; 2. Bản sao giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đã được cấp; 3. Hồ sơ thiết kế bổ sung, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép); 4. Báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên (đối với trường hợp đề nghị gia hạn sử dụng giấy phép). Báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến điều chỉnh xả vào hệ thống công trình thủy lợi (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép); 5. Văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 01 bộ sao chụp)
- Thời hạn giải quyết	Thời gian theo quy định: 18 ngày làm việc. Thời gian thực tế: 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân - Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản chấp thuận
- Lệ phí	- 50.000 đồng/1 giấy phép
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu đơn đề nghị gia hạn sử dụng (hoặc điều chỉnh nội dung) giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Phụ lục 04 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không

*Vab* 152

<p>- Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001 của Quốc Hội.</li> <li>- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.</li> <li>- Quyết định 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.</li> <li>- Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.</li> </ul>
----------------------------------	---

*V.Đ.*

www.LuatVietnam.vn

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG)  
GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax.....

Đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Tên hệ thống công trình thủy lợi ) do (tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác) tại vị trí.....thuộc xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)....., thành phố Hà Nội theo giấy phép số .....ngày .....tháng.....năm do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy phép, thời hạn sử dụng giấy phép từ .....đến.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục xả nước thải vào vị trí nói trên với các nội dung sau:

- Lưu lượng nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi: .....
- Thời hạn xả nước thải .... năm, từ ... đến ....
- Chất lượng nước thải (Có báo cáo phân tích chất lượng nước thải kèm theo).

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các yêu cầu ghi trong giấy phép được cấp.


Tên cơ quan đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

*Vnh*

## VII. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản – Thủy sản.

### 1. Tên thủ tục: Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu

Trình tự thực hiện	<p>1. Tổ chức, cá nhân chưa được xác nhận đăng ký quảng cáo hoặc cơ sở đã được xác nhận nhưng bị hủy bỏ, có nhu cầu quảng cáo thực phẩm tiêu thụ nội địa thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương đến nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, nhận kết quả theo giấy hẹn tại Bộ phận một cửa Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội.</p> <p>2. Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội:</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hồ sơ được gửi tại Bộ phận một cửa Văn phòng Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội, hồ sơ được kiểm tra, hướng dẫn và hoàn thiện hồ sơ.</li><li>- Thu phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ theo quy định.</li></ul> <p>Bước 2: Công tác thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ; Thông báo cho cơ sở kết quả xử lý hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo.</p> <p>Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội: Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội. Hoặc Fax: 04 3217.1943</p> <p>- Gửi theo đường bưu điện, sau đó gửi hồ sơ bản chính.</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.</p>
Thành phần Hồ sơ	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo mẫu (phụ lục 1 Thông tư 75/2011/TT-BNNPTNT);</li><li>Bản sao chứng thực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước);</li><li>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh;</li><li>Bản sao thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (đối với sản phẩm phải công bố hợp quy), công bố hợp chuẩn (nếu có);</li><li>Tài liệu khoa học chứng minh tính chất, công dụng của sản phẩm như nội dung đăng ký quảng cáo;</li><li>Đối với thực phẩm biến đổi gen, chiếu xạ nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật;</li><li>Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết);</li><li>Giấy ủy quyền của cơ sở (áp dụng đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo).</li></ol>

 155

Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết 23 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ 03 (ba) ngày. - Thẩm định, thông báo kết quả xử lý hồ sơ: 20 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội.
Kết quả của TTHC	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm
Lệ phí	Theo Thông tư: 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm: - Lệ phí cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm: 150.000 đồng/ lần cấp/sản phẩm. - Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký quảng cáo thực phẩm: + Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đ/lần/1 sản phẩm; + Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đ/lần/1 sản phẩm.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (phụ lục 01, Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội; - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/ 2012 của Quốc hội; - Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư: 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

*VB*

**Phụ lục 1. (theo Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT)**

Tên tổ chức/cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Địa chỉ:.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số điện thoại:.....

....., ngày.....tháng.....năm .....

Số fax:.....

Email: .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM**

*(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu)*

Số:.....

Kính gửi: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội

Căn cứ các quy định tại Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và để đáp ứng nhu cầu quảng cáo thực phẩm của .....; đề nghị Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

**2. Thông tin liên quan đến sản phẩm**

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo

**3. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:**

- .....
- .....
- .....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**

*(Ký tên, đóng dấu)*



## 2. Tên thủ tục: Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm

Trình tự thực hiện	<p>1. Tổ chức, cá nhân đã được xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm thực phẩm nhưng thay đổi về nội dung quảng cáo hoặc giấy xác nhận hết thời hạn hiệu lực, có nhu cầu quảng cáo thực phẩm tiêu thụ nội địa thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương đến đăng ký, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, nhận kết quả theo giấy hẹn tại Bộ phận một cửa Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội.</p> <p>2. Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội:</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ được gửi tại Bộ phận một cửa Văn phòng Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội, hồ sơ được kiểm tra, hướng dẫn và hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Thu phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ theo quy định.</li> </ul> <p>Bước 2: Công tác thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ; Thông báo cho cơ sở kết quả xử lý hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo.</p> <p>Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội:</li> <li>Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội.</li> <li>Hoặc Fax: 04 3217.1943</li> <li>- Gửi theo đường bưu điện, sau đó gửi hồ sơ bản chính.</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.</li> </ul>
Thành phần Hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm;</li> <li>b) Bản thuyết minh liên quan đến sửa đổi nội dung quảng cáo thực phẩm;</li> <li>c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc kết quả kiểm tra đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực (áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước);</li> <li>d) Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết).</li> </ol> <p>2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm xét tính hợp lệ hồ sơ: Trong thời gian 3 (ba) ngày làm.</li> <li>- Thông báo kết quả xử lý hồ sơ:</li> <li>+ Trường hợp thay đổi nội dung: Trong thời gian 20 ngày làm việc cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt.</li> <li>+ Trường hợp Giấy xác nhận nội dung bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng: Trong thời gian 5 ngày làm việc cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, nếu đạt hoặc thông báo kết quả không đạt</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức.</li> <li>- Cá nhân.</li> </ul>

*Vhb* 158



Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội.
Kết quả của TTHC	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm
Lệ phí	Theo Thông tư: 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm: - Lệ phí cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm: 150.000 đồng/ lần cấp/sản phẩm. - Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký quảng cáo thực phẩm: + Áp phích, tờ rơi, poster: 1.000.000 đ/lần/1 sản phẩm; + Truyền hình, phát thanh: 1.200.000 đ/lần/1 sản phẩm.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (phụ lục 2, Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/ 2010 của Quốc hội; - Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội; - Luật Quảng cáo số: 16/2012/QH13 ngày 21/6/ 2012 của Quốc hội; - Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư: 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Vib

**Phụ lục 2. Mẫu giấy đề nghị**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức/cá nhân  
Địa chỉ:.....  
Số điện thoại:.....  
Số fax:.....  
Email: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM**  
(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)

Số:.....

Kính gửi: [Tên cơ quan thường trực]

Ngày ..... tháng ..... năm ....., cơ sở đã được cơ quan [tên cơ quan thường trực] xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số .....); tuy nhiên, .....[lý do đăng ký lại] .....; đề nghị [tên cơ quan thường trực] xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

**1. Thông tin liên quan đến sản phẩm**

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo

**2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:**

.....  
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**


(Ký tên, đóng dấu)

*Vũ*

## VIII. LĨNH VỰC CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN VÀ NGHỀ MUỐI

### 1. Tên thủ tục: Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1:</b> Lấy mẫu và thử nghiệm chất lượng mẫu muối nhập khẩu Khi lô hàng về đến cửa khẩu, người nhập khẩu liên hệ với cơ quan Hải quan làm thủ tục và lấy mẫu để thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu và đưa hàng hóa về kho bảo quản theo quy định của Cơ quan Hải quan. Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, người nhập khẩu phải giao mẫu thử nghiệm cho phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS lĩnh vực hóa có đối tượng thử là muối natri clorua.</p> <p><b>Bước 2:</b> Lập hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu Người nhập khẩu lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và gửi về Cơ quan kiểm tra: Chi cục Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p><b>Bước 3:</b> Cơ quan kiểm tra tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc Cơ quan kiểm tra xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ vào “Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu”:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Cơ quan kiểm tra xác nhận hồ sơ đầy đủ về số lượng và kiểm tra bước tiếp theo.</li><li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ (nếu có): Cơ quan kiểm tra xác nhận các thành phần hồ sơ còn thiếu và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc.</li></ul> <p><b>Bước 4:</b> Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và ra “Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu” xác nhận lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu hoặc xác nhận lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu và nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu.</p> <p><b>Bước 5:</b> Trả kết quả kiểm tra Trả kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc gửi qua đường bưu điện tới người nhập khẩu theo yêu cầu của người nhập khẩu, chi phí gửi bưu điện do người nhập khẩu trả.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tiếp</li><li>- Qua bưu điện</li></ul>
Thành phần Hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bản chính Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư;</li><li>- Bản sao chụp Hợp đồng (Contract) mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch);</li><li>- Bản sao chụp Danh mục hàng hóa (Packing List);</li><li>- Bản sao chụp Hóa đơn (Invoice);</li><li>- Bản sao chụp Vận đơn (Bill of Lading);</li><li>- Bản sao chụp Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;</li><li>- Bản sao chụp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O-Certificate of Origin);</li></ul>

 161

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao chụp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hàng hóa lưu hành tự do CFS đối với muối ăn;</li> <li>- Bản chính Biên bản lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư, kèm theo mẫu đại diện lô hàng muối nhập khẩu đựng trong hộp hoặc chai nhựa kín có dán số hiệu niêm phong của cơ quan Hải quan.</li> <li>- Bản chính Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư;</li> <li>- Số lượng: 01 (một) bộ hồ sơ</li> </ul>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: 01 (một) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ đầy đủ: 02 (hai) ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 10 (mười) ngày làm việc.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhập khẩu muối.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Phát triển nông thôn.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Phát triển nông thôn.</li> </ul>
Kết quả của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.</li> <li>- Thời hạn hiệu lực của kết quả: không</li> </ul>
Lệ phí	Chưa quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu - Phụ lục III Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại muối nhập khẩu thuộc nhóm 2501 theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành, phải đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.</li> <li>- Lô hàng muối nhập khẩu chỉ được phép đưa vào sản xuất hoặc lưu thông trên thị trường khi Cơ quan kiểm tra ra "Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu" xác nhận lô hàng đáp ứng được yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và cơ quan Hải quan thông quan trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu.</li> </ul>
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

**Phụ lục III**

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên cơ quan chủ quản: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Tên tổ chức nhập khẩu: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /....., ngày tháng năm 20...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA  
CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU**

Kính gửi: ..... (Tên cơ quan kiểm tra)

Người nhập khẩu:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email:.....

Địa chỉ bảo quản lô hàng (theo quy định của Cơ quan Hải quan):.....

Đề nghị Quý Cơ quan kiểm tra về chất lượng lô hàng muối nhập khẩu sau:

TT	Tên hàng hóa, mã HS	Đặc tính kỹ thuật và Mục đích sử dụng	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ Số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Hồ sơ kèm theo gồm:		Cơ quan kiểm tra xác nhận
1	<input type="checkbox"/> Hợp đồng (Contract) số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
2	<input type="checkbox"/> Danh mục hàng hóa (Packing list) số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
3	<input type="checkbox"/> Hóa đơn (Invoice) số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
4	<input type="checkbox"/> Vận đơn (Bill of Lading) số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
5	<input type="checkbox"/> Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
6	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
7	<input type="checkbox"/> Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu	<input type="checkbox"/>

*Handwritten signature* 163

	có) số: ..... ngày .....	
8	<input type="checkbox"/> Mẫu muối có dán số hiệu niêm phong của Hải quan số: ..... và biên bản lấy mẫu có xác nhận của Hải quan số ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>
9	<input type="checkbox"/> Kết quả thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu số: ..... ngày ..... tại: .....	<input type="checkbox"/>
10	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với muối ăn số: ..... ngày .....	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về chất lượng lô hàng muối nhập khẩu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu đối với mã HS ..... quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**NGƯỜI NHẬP KHẨU**  
(ký tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN KIỂM TRA XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**

- Hồ sơ đầy đủ về số lượng:  tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- Hồ sơ không đầy đủ về số lượng:  tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục số: ..... trong thời gian 10 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

Vào số số: ...../..... ngày .... tháng .... năm 20.....

**Nơi nhận:**

- Người nhập khẩu;
- Lưu: VT, ...

**Người kiểm tra**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(ký tên, đóng dấu)



## IX. Lĩnh vực Thủy sản.

### 1. Tên thủ tục: Cấp lần đầu/cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.</li><li>- Chi cục thủy sản Hà Nội:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết giấy hẹn.</li><li>+ Tổ chức kiểm tra thực tế (chỉ thực hiện đối với cấp lần đầu); Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép</li><li>+ Trả kết quả khi đến hẹn.</li></ul></li></ul>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội</li><li>Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh tri - Hà Nội.</li><li>+ Thực tế cơ sở</li></ul>
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>1. Cấp lần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Đơn xin cấp giấy phép (mẫu Phụ lục 08 Thông tư 02/2006/TT-BTS)</li><li>+ Bản photo các loại giấy tờ sau:<ul style="list-style-type: none"><li>Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 20 sức ngựa trở lên hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế từ 15m trở lên; việc đăng ký các loại tàu cá không lắp máy có trọng tải trên 0,5 tấn, chiều dài dưới 15m hoặc tàu lắp máy có công suất máy chính dưới 20 CV thực hiện theo Nghị định số 66/2005/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (sau đây gọi chung là Nghị định số 66/2005/NĐ-CP) và Thông tư của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) hướng dẫn thực hiện Nghị định này.</li><li>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP và phải còn thời hạn sử dụng.</li><li>Sổ danh bạ thuyền viên đối với tàu cá hoạt động tại các tuyến khai thác được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP.</li><li>Bảng thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li><li>Có nghề khai thác và ngư cụ khai thác phù hợp với quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</li></ul></li></ul> <p>Khi thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân mang theo bản gốc để đối chiếu.</p> <p>2. Cấp gia hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Đơn xin gia hạn giấy phép (Phụ lục 09);</li><li>+ Giấy chứng nhận an toàn của tàu cá (Bản photo), tổ chức, cá nhân mang theo bản gốc để đối chiếu.</li></ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cấp giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ</li></ul>

 165

quyết	hồ sơ hợp lệ - Gia hạn giấy phép trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC Chi cục Thủy sản Hà Nội
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	- Cấp giấy phép khai thác thủy sản lần đầu: 40.000đ/lần; - Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản: 20.000đ/lần; (theo Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn xin cấp Giấy phép khai thác thủy sản (Phụ lục 08). - Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác thủy sản (Phụ lục 9) Phụ lục theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Đối với cấp Giấy phép khai thác thủy sản lần đầu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Thủy sản, trừ trường hợp không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Luật Thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội. + Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7). + Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. (Điều 1). + Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; + Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9 /2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; + Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản + Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ.

*Vào*



Phụ lục 8 : ( Kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS của Bộ Thủy sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

Kính gửi : .....

Tên chủ tàu : ..... Điện thoại : .....

Số chứng minh nhân dân : .....

Nơi thường trú : .....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung đăng ký như sau :

Tên tàu : .....; Loại tàu .....

Số đăng ký tàu : .....

Năm, nơi đóng tàu : .....

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có) ....., ngày cấp ....., nơi cấp .....

Máy chính :

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (CV)	Ghi chú
No 1				
No 2				
No 3				

Ngư trường hoạt động .....

Cảng, bến đăng ký cập tàu : .....

Nghề khai thác chính : ..... Nghề phụ : .....

Tên đối tượng khai thác chính : .....

Mùa khai thác chính : từ tháng ..... năm ..... đến tháng ..... năm .....

Mùa khai thác phụ : từ tháng ..... năm ..... đến tháng ..... năm .....

Kích thước mắt lưới ở bộ phận chứa cá 2a, mm : .....

Phương pháp bảo quản sản phẩm : .....

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Người làm đơn (Chủ tàu)

*Vib*

**Phụ lục 9:** (Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS của Bộ Thủy sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm .....

**ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

**Kính gửi:** .....

Tên chủ tàu: .....Điện thoại: .....

Nơi thường trú: .....

Số chứng minh nhân dân: .....

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có)..... Ngày cấp.....

Nơi cấp.....

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số: ....., được cấp

Ngày .....tháng..... năm .....; hết thời hạn sử dụng vào ngày.....tháng..... năm.....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản lần thứ.....đề tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được gia hạn và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đại diện chủ tàu



**2. Tên thủ tục: Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.**

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn. + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ, viết giấy hẹn, thẩm định, cấp lại giấy phép, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a. Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Đơn xin cấp lại Giấy phép (trong trường hợp mất Giấy phép) theo mẫu quy định + Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với trường hợp xin đổi Giấy phép do thay đổi tàu cá thuộc diện phải đăng kiểm. b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	+ Thời gian (05) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC Chi cục Thủy sản Hà Nội
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Giấy phép
Phí, lệ phí	- Lệ phí cấp lại giấy phép khai thác thủy sản: 20.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn xin đổi, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản - Phụ lục 10 Thông tư số 02/2006/TT-BTS .
Yêu cầu điều kiện thực hiện	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7). - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; - Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ . - Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**Phụ lục 10:** (Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS  
ngày 20/ 3 / 2006 của Bộ Thủy sản)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN XIN ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

*Kính gửi :* .....

Tên chủ tàu : ..... Điện thoại : .....  
Nơi thường trú : .....  
Số chứng minh nhân dân : .....  
Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có) ....., ngày cấp .....  
nơi cấp .....  
Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số : ....., được cấp ngày  
tháng ..... năm .....; hết thời hạn sử dụng vào ngày .... tháng... năm .....  
Giấy phép nêu trên đã bị (nếu rõ lý do đề nghị đổi hoặc cấp lại) : .....  
.....  
.....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản  
đổi/cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động  
khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi  
trong giấy phép được đổi/cấp lại và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

**Người làm đơn (chủ tàu)**

*Vũ B*

**3. Tên thủ tục: Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.**

Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Chủ hàng khi vận chuyển sản phẩm thủy sản phải nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch trước 01 ngày với Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Bước 2: Xác nhận đăng ký kiểm dịch: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ hàng hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định</p> <p>c) Bước 3: Trong thời gian 01 ngày làm việc, kể từ khi sản phẩm thủy sản được tập trung tại nơi quy định, cơ quan kiểm dịch động vật phải tiến hành kiểm dịch.</p> <p>d) Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ kết quả kiểm tra, nếu sản phẩm thủy sản đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đồng thời thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển.</p> <p>e) Bước 5: Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản.</p>
Cách thức thực hiện	Hình thức gửi hồ sơ: Qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kiểm dịch trước ít nhất 01 ngày;</li> <li>- 01 ngày kiểm tra hồ sơ đăng ký;</li> <li>- 03 ngày kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân;</li> <li>- Tổ chức.</li> </ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh và các giấy tờ khác có liên quan nếu có.
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch: 40.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận do khách hàng yêu cầu: 20.000 đồng/lần;</li> <li>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản;</li> <li>- Phí xét nghiệm bệnh: (áp dụng đối với trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu bệnh)</li> </ul> <p>(Phí áp dụng: Phụ lục 2 Thông tư 107/2012/TT-BTC; Mục III, phụ lục</p>

*Vu* 171

	4; phụ lục 3 Thông tư 04/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;</li> <li>- Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản.</li> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;</li> </ul>

*VAB*

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số:..... ĐKKD-VCTS

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail:.....

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm <sup>(1)</sup>	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:.....

Mục đích sử dụng:.....

Quy cách đóng gói/bảo quản: ..... Số lượng bao gói: .....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản: .....

Mã số cơ sở (nếu có):.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng/Trọng lượng: .....

2/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

3/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

Phương tiện vận chuyển: .....

*Vh*  
173

Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

**\* Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch để nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại .....

Ngày..... tháng..... năm.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.



**4. Tên thủ tục: Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.**

Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Chủ hàng khi vận chuyển sản phẩm thủy sản phải nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch trước 01 ngày tới Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Bước 2: Xác nhận đăng ký kiểm dịch: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ hàng hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>c) Bước 3: Trong thời gian 01 ngày làm việc, kể từ khi sản phẩm thủy sản được tập trung tại nơi quy định, cơ quan kiểm dịch động vật phải tiến hành kiểm dịch.</p> <p>d) Bước 4: Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ kết quả kiểm tra, nếu sản phẩm thủy sản đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đồng thời thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện vận chuyển.</p>
Cách thức thực hiện	Hình thức gửi hồ sơ: Qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kiểm dịch trước ít nhất 01 ngày;</li> <li>- 01 ngày kiểm tra hồ sơ đăng ký;</li> <li>- 01 ngày kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân;</li> <li>- Tổ chức.</li> </ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh và các giấy tờ khác có liên quan nếu có.
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch: 40.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận do khách hàng yêu cầu: 20.000 đồng/lần.</li> <li>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản;</li> <li>- Phí xét nghiệm bệnh: (áp dụng đối với trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu bệnh);</li> </ul> <p>(Phí áp dụng: phụ lục 2 Thông tư 107/2012/TT-BTC; Mục III, phụ lục 4; phụ lục 3 Thông tư 04/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính)</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT
Yêu cầu điều	Cơ sở phải bảo đảm được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc được giám

*Viết* 175

kiện thực hiện TTHC	sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;</li> <li>- Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản.</li> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;</li> </ul>

*mb*

www.LuatVietnam.vn

Mẫu: 01 TS - Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số:..... ĐKKD-VCTS

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm <sup>(1)</sup>	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:.....

Mục đích sử dụng:.....

Quy cách đóng gói/bảo quản: ..... Số lượng bao gói: .....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản: .....

Mã số cơ sở (nếu có):.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng/Trọng lượng: .....

2/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

3/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

Phương tiện vận chuyển: .....

*Viết*  
177

Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

**\* Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch để nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....
- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....
- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

.....  
Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại .....

Ngày..... tháng..... năm.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản;
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.

*VNB*

www.LuatVietnam.vn

**5. Tên thủ tục: Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.**

Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Chủ hàng khi vận chuyển sản phẩm thủy sản phải nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch trước 01 ngày tới Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Bước 2: Xác nhận đăng ký kiểm dịch: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ hàng hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>c) Bước 3: Trong thời gian 01 ngày làm việc, kể từ khi sản phẩm thủy sản được tập trung tại nơi quy định, cơ quan kiểm dịch động vật phải tiến hành kiểm dịch.</p> <p>- Trường hợp: Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, cơ quan kiểm dịch nội địa tiến hành kiểm dịch.</p> <p>- Trường hợp: Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được che chắn (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý cụ thể bảo đảm không thể lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch.</p> <p>d) Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ kết quả kiểm tra, nếu sản phẩm thủy sản đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đồng thời thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển.</p>
Cách thức thực hiện	Hình thức gửi hồ sơ: Qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kiểm dịch trước ít nhất 01 ngày;</li> <li>- 01 ngày kiểm tra hồ sơ đăng ký;</li> <li>- 03 ngày kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân;</li> <li>- Tổ chức.</li> </ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh và các giấy tờ khác có liên quan nếu có.
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch: 40.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận do khách hàng yêu cầu: 20.000 đồng/lần.</li> <li>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản;</li> <li>- Phí xét nghiệm bệnh: (áp dụng đối với trường hợp phải lấy mẫu xét</li> </ul>

*Vũ* 179

	nghiệm các chỉ tiêu bệnh); (Phí áp dụng: phụ lục 2 Thông tư 107/2012/TT-BTC; Mục III, phụ lục 4; phụ lục 3 Thông tư 04/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;</li> <li>- Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản.</li> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;</li> </ul>

www.LuatVietnam.vn

*VLB*

Mẫu: 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số:..... ĐKKD-VCTS

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm <sup>(1)</sup>	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:.....

Mục đích sử dụng:.....

Quy cách đóng gói/bảo quản: ..... Số lượng bao gói: .....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản: .....

Mã số cơ sở (nếu có):.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng/Trọng lượng: .....

2/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

3/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

Phương tiện vận chuyển: .....

Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

**\* Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch để nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại .....

Ngày..... tháng..... năm.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.





**6. Tên thủ tục: Đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.**

Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Chủ hàng khi vận chuyển sản phẩm thủy sản phải đăng ký kiểm dịch ít nhất 01 ngày với Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Bước 2: Xác nhận đăng ký kiểm dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngay sau khi nhận được hồ sơ theo quy định cơ quan kiểm dịch động vật kiểm tra nội dung đăng ký và các giấy tờ có liên quan; nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn chủ hàng hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.</li> <li>- Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh thủy sản tại nơi xuất phát, cơ quan kiểm dịch động vật xác nhận đăng ký kiểm dịch.</li> </ul> <p>c) Bước 3: Trong thời gian 01 ngày làm việc, kể từ khi sản phẩm động vật thủy sản được tập trung tại nơi quy định, cơ quan kiểm dịch động vật phải tiến hành kiểm dịch và tiến hành ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến của chủ hàng.</p> <p>d) Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ kết quả kiểm tra, nếu sản phẩm động vật thủy sản đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đồng thời thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển..</p> <p>e) Bước 5: Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	Hình thức gửi hồ sơ: Qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ:</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký kiểm dịch trước ít nhất 01 ngày;</li> <li>- 01 ngày kiểm tra hồ sơ đăng ký;</li> <li>- 03 ngày kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân;</li> <li>- Tổ chức.</li> </ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh và các giấy tờ khác có liên quan nếu có.
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch: 40.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận do khách hàng yêu cầu: 20.000 đồng/lần</li> <li>- Phí kiểm tra thực trạng hàng hoá đối với sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh: Theo Thông tư 11/2013/TT-BTC ngày 21/01/2013 của Bộ</li> </ul>

*Kết*  
183

	<p>Tài Chính)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí kiểm tra thực trạng hàng hoá đối với sản phẩm động vật thủy sản qua phơi, sấy;</li> <li>- Phí kiểm tra thực trạng hàng hoá đối với sản phẩm động vật thủy sản dạng lỏng, sệt;</li> <li>- Phí kiểm tra thực trạng hàng hoá đối với các loại sản phẩm động vật thủy sản khác;</li> </ul> <p>(Phí áp dụng theo: phụ lục 2 Thông tư 107/2012/TT-BTC; Mục III, phụ lục 4; phụ lục 3 Thông tư 04/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính)</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;</li> <li>- Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản.</li> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;</li> </ul>

*MS*

Mẫu: 01 TS Phụ lục V thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:..... ĐKKD-VCTS

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm <sup>(1)</sup>	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:.....

Mục đích sử dụng:.....

Quy cách đóng gói/bảo quản: ..... Số lượng bao gói: .....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản: .....

Mã số cơ sở (nếu có):.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng/Trọng lượng: .....

2/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

3/ ..... Số lượng/Trọng lượng:.....

Phương tiện vận chuyển: .....

Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

*Vinh* 185

**\* Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch để nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....
- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....
- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại .....

Ngày..... tháng..... năm.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.



www.LuatVietnam.vn

**7. Tên thủ tục: Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống tại địa phương tiếp nhận.**

Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tại địa phương tiếp nhận chỉ thực hiện kiểm dịch động vật sử dụng làm giống trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lô hàng vận chuyển từ địa bàn tỉnh khác đến không có Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch không hợp lệ;</li> <li>- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phát hiện có sự đánh tráo hoặc lấy thêm động vật thủy sản giống khi chưa được phép của cơ quan kiểm dịch động vật;</li> <li>- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu bệnh lý.</li> </ul> <p>Bước 2. Đối với các lô hàng phải kiểm dịch cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch. Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành lập biên bản, yêu cầu chủ hàng thực hiện cách ly lô hàng và Lấy mẫu kiểm tra các bộ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.</p>
Cách thức thực hiện.	Không quy định.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Hồ sơ gồm: Không quy định. b) Số lượng hồ sơ: Không quy định</p>
Thời hạn giải quyết	Không quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân.</li> <li>- Tổ chức.</li> </ul>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh và các giấy tờ khác có liên quan nếu có.
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch: 40.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận do khách hàng yêu cầu: 20.000 đồng/lần</li> <li>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản;</li> <li>- Phí xét nghiệm bệnh (áp dụng đối với trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu bệnh);</li> </ul> <p>(Phí thu theo: phụ lục 2 Thông tư 107/2012/TT-BTC; Mục III, phụ lục 4; phụ lục 3 Thông tư 04/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính)</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	<p>Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tại địa phương tiếp nhận chỉ thực hiện kiểm dịch động vật sử dụng làm giống trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lô hàng vận chuyển từ địa bàn tỉnh khác đến không có Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch không hợp lệ;</li> <li>- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phát hiện có sự đánh tráo hoặc lấy thêm động vật thủy sản giống khi chưa được phép của cơ quan kiểm dịch động vật;</li> </ul>

*Handwritten signature*

	- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu bệnh lý..
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y; - Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản. - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản;

*Vũ*

www.LuatVietnam.vn

**8. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y thủy sản (gọi chung là thuốc thú y thủy sản).**

Trình tự thực hiện	Thực hiện theo 5 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kiểm tra, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại chi cục Thủy sản Hà Nội. + Bước 2 : Cơ quan kiểm tra, tiếp nhận xem xét hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu . + Bước 3 : Quyết định thành lập đoàn kiểm tra. + Bước 4 : Quyết định công nhận. + Bước 5: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại Bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội; Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ đăng ký kiểm tra lần đầu: + Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y thủy sản (Phụ lục 4) + Tờ trình về điều kiện kinh doanh (Phụ lục 6). + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng). + Chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y thủy sản (bản sao công chứng). - Hồ sơ đăng ký kiểm tra lại: + Đơn đăng ký kiểm tra lại điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản. + Báo cáo khắc phục những điểm không đạt. - Hồ sơ xin gia hạn Giấy chứng nhận: + Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản. + Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội; d) Cơ quan phối hợp: Không.
Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận.
Phí, lệ phí	- Thẩm định điều kiện và tiêu chuẩn cơ sở kinh doanh thuốc thú y thủy sản: + Cửa hàng: 225.000 đồng/lần. + Đại lý: 450.000 đồng/lần. - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản:

*Valp* 189

	70.000 đồng/lần. (theo Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Phụ lục 4); Tờ trình điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Phụ lục 6) (Thông tư 51/2009/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Cơ sở vật chất kỹ thuật; - Trang thiết bị; - Hồ sơ sổ sách; - Nguồn thuốc; - Thực hiện quy chế chuyên môn.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y; - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 51/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản.

*VB*

www.LuatVietnam.vn



**Phụ lục 4. Mẫu đơn đăng ký kiểm tra điều kiện kinh doanh thuốc thú y**  
(Ban hành kèm theo Thông tư 51/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/ 8/2009  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA**  
**ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: <sup>(1)</sup> .....

Căn cứ theo Thông tư /2009/TT-BNNPTNT ngày ..... quy định kiểm tra  
chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y của Bộ Nông nghiệp và Phát  
triển nông thôn.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các sản phẩm kinh doanh:

- Thuốc dược phẩm       Vắc xin, Chế phẩm sinh học  
 Hoá chất                       Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh  
thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (đối với đăng ký kiểm tra lần đầu):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện kinh doanh thuốc thú y;
- b) Tờ trình về điều kiện kinh doanh.
- c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng)
- d) Chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y (bản sao có công chứng)

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Đại diện cơ sở**

(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(1) Gửi Chi cục Thú y địa phương nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở kinh doanh thuốc thú y  
Gửi Cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y



**Phụ lục 6. Mẫu Tờ trình điều kiện kinh doanh thuốc thú y**  
(Ban hành kèm theo Thông tư 51/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: (\*) .....

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:.....  
Địa chỉ: .....  
Số điện thoại: .....FAX:.....Email:.....  
Loại hình đăng ký kinh doanh:.....  
Xin giải trình điều kiện kinh doanh thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích qui mô cơ sở /cửa hàng, các khu vực trưng bày/ bày bán )

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng, ...)

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở /cửa hàng

.....ngày.....tháng.....năm.....

**Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra**  
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (\*) Gửi Cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu thuốc thú y; gửi Chi cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cửa hàng, đại lý kinh doanh thuốc thú y.

*VKS*

**9. Tên thủ tục: Cấp lần đầu/cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc thú y dùng cho động vật thủy sản.**

Trình tự thực hiện	Thực hiện theo 5 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kiểm tra, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Chi cục Thủy sản Hà Nội. + Bước 2 : Cơ quan kiểm tra, tiếp nhận xem xét hồ sơ và hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu . + Bước 3 : Quyết định công nhận. + Bước 5: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại Bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh tri - Hà Nội + Gửi theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: * Hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu: - Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP) kèm theo 02 ảnh màu 4 x 6; - Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; Đối với người nước ngoài phải có lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. - Giấy khám sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên. * Hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề: Trước khi chứng chỉ hành nghề hết hạn 30 ngày, người được cấp chứng chỉ hành nghề muốn tiếp tục hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ bao gồm: - Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP) kèm theo 02 ảnh màu 4 x 6; - Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp; - Giấy khám sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Cấp lần đầu: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Cấp gia hạn là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức - Cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội; b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội;
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Chứng chỉ hành nghề
Phí, lệ phí	- Cấp chứng chỉ hành nghề: 100.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thú y . - Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (theo mẫu Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP)
Yêu cầu điều	Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên

Vinh 193

kiện thực hiện TTHC	ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;</li> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> </ul>

*VKS*

www.LuatVietnam.vn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục.....

Tên tôi là: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Bằng cấp chuyên môn: .....

Ngày cấp: .....

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiên, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại: .....

.....

Địa chỉ hành nghề: .....

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(*Ghi chú:* Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục.....

Tên tôi là: .....  
Ngày tháng năm sinh: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Bằng cấp chuyên môn: .....  
Đã được Chi cục... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:  
 Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.  
 Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.  
 Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.  
 Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.  
Tại: .....  
.....  
Số CCHN: .....  
Ngày cấp: .....  
Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.  
Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Người đứng đơn**

**Ký**

**(Ghi rõ họ tên)**



**10. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.**

Trình tự thực hiện	<p>Thực hiện theo 4 bước:</p> <p>+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kiểm tra, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Chi cục Thủy sản Hà Nội.</p> <p>+ Bước 2 : Thành lập hội đồng thẩm định:</p> <p>- Cơ quan chủ trì: Cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp nhận hồ sơ đăng ký lưu giữ của chủ sở hữu thủy sinh vật ngoại lai có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định;</p> <p>- Thành phần hội đồng thẩm định: đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành làm Chủ tịch, đại diện của Chi cục Thú y, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra chuyên ngành thủy sản và cơ quan có liên quan về giống thủy sản (Trung tâm giống thủy sản cấp tỉnh hoặc Trung tâm Quốc gia giống thủy sản...) là thành viên.</p> <p>- Nhiệm vụ của hội đồng thẩm định: Xem xét hồ sơ đăng ký lưu giữ của chủ sở hữu; kiểm tra cơ sở lưu giữ, lập biên bản thẩm định, kiến nghị cấp giấy chứng nhận lưu giữ cho chủ sở hữu có đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>+ Bước 3: Quyết định cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai (đối với cơ sở đủ điều kiện)</p> <p>+ Bước 4: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại Bộ phận một cửa theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội</p> <p>Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh tri - Hà Nội</p> <p>+Hoặc Fax: 0436889510; Email: <a href="mailto:chicucthuysanhanoi@vnn.vn">chicucthuysanhanoi@vnn.vn</a></p> <p>(sau đó gửi hồ sơ bản chính);</p> <p>+ Gửi theo đường bưu điện.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (Phụ lục 1);</li> <li>Bản mô tả quy trình công nghệ nuôi, giải pháp khoanh vùng quản lý và hệ thống bảo vệ tránh thoát ra ngoài thủy vực tự nhiên</li> </ol> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- Thời gian theo quy định: 15 ngày</p> <p>+ Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Hội đồng thẩm định phải hoàn thành biên bản thẩm định;</p> <p>+ Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành biên bản thẩm định, cơ quan quản lý chuyên ngành phải cấp giấy chứng nhận miễn phí lưu giữ cho chủ sở hữu (Phụ lục 2), nếu không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội;</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội;</p>
Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn,	- Đơn đề nghị Đăng ký lưu giữ (Phụ lục I, Ban hành kèm theo Thông tư

*VLB* 197

mẫu tờ khai	số: 53/2009/TT-BNN).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định 103/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; - Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định các loài thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam

VB

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị đăng ký lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 53/2009/TT-BNN,  
ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CHỦ SỞ HỮU                      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày      tháng      năm 20

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ

Kính gửi:      ... Chi cục ....(chuyên ngành Thủy sản địa phương, trường hợp địa phương không có Chi cục Thủy sản thì gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND:                                      ngày cấp:                                      nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Tên tổ chức:                                      Địa chỉ:

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp giấy chứng nhận lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai với chi tiết sau:

TT	Tên loài và tên khoa học	Số chip điện tử (số hồ sơ), nếu là loài thuộc công ước QT	Số cá thể, khối lượng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1					
2					
...	.....				

Mục đích sở hữu: (nuôi kinh doanh, cho sinh sản, giải trí, buôn bán...)

Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: (địa điểm, diện tích, quy mô trại nuôi, biện pháp cách ly đối với loài bản địa, điều kiện về an toàn, phòng ngừa bệnh dịch, vệ sinh môi trường...)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: ...

Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm đảm bảo duy trì mọi điều kiện để lưu giữ loài ..... và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

Người làm đơn (ký, ghi rõ họ tên); đóng dấu đối  
với tổ chức

**11. Tên thủ tục: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)**

Trình tự thực hiện	Thực hiện theo 5 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kiểm tra nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa - Chi cục Thủy sản Hà Nội. + Bước 2 : Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. + Bước 3: Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, kiểm tra cơ sở. + Bước 4 : Thông báo kết quả kiểm tra. + Bước 5: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu điện; Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ + Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) (Phụ lục 12 kèm theo Thông tư 26/2013/TT-BNNPTNT); + Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hoá , hoá đơn mua bán . 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Chi cục Thủy Sản Hà Nội xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại cho tổ chức, cá nhân 02 bản giấy đăng ký đã có xác nhận của Chi cục Thủy Sản. + Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đạt chất lượng đối với lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký. + Trường hợp kết quả kiểm tra không đảm bảo chất lượng theo quy định, Chi cục Thủy Sản Hà Nội có văn bản Thông báo không đạt chất lượng cho tổ chức, cá nhân đăng ký và xử lý vi phạm theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội; b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội;
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng
Phí, lệ phí	Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng giống (phụ lục 12 Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT);

*VKS* 200

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	+ Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hoá (Packinglist), hoá đơn mua bán (Invoice).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý giống thủy sản. - Thông tư 204/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

*KS*

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 12  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2013/TT-BNNPTNT  
ngày 22 /5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

Kính gửi:.....

Tên doanh nghiệp: .....

Tên người đại diện:.....

Địa chỉ: .....

Số ĐT:.....Fax:.....

Đề nghị kiểm tra chất lượng:

1. Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học):.....
2. Số lượng:..... Khối lượng:.....
3. Tuổi:.....Độ thuần chủng.....
4. Tỷ lệ đực cái.....Độ thành thực .....(đối với giống bố mẹ)
5. Tên cơ sở sản xuất hàng hóa:.....
6. Nước sản xuất:.....
7. Nơi xuất hàng:.....
8. Nơi nhận hàng:.....
9. Thời gian đăng ký thực hiện kiểm tra:.....
10. Địa điểm đăng ký thực hiện kiểm tra:.....
11. Tài liệu, hồ sơ kèm theo giấy đề nghị kiểm tra này gồm:  
a).....  
b).....
12. Thông tin liên hệ:.....Số ĐT.....

**Ghi chú:** Sau khi được cơ quan kiểm tra đóng dấu xác nhận việc đăng ký kiểm tra, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan, tạm thời được phép đưa hàng hóa về nơi đăng ký để kiểm tra chất lượng (nơi nuôi cách ly kiểm dịch) theo quy định. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, cơ sở phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan Hải quan để hoàn tất thủ tục./.

....., ngày...tháng...năm...

**CHỦ CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày...tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA**

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu



**12. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận bè cá.**

Trình tự thực hiện	Thực hiện theo 5 bước: + Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kiểm tra, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn tại Bộ phận một cửa - Chi cục Thủy sản Hà Nội + Bước 2 : Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu. + Bước 3 : Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, kiểm tra cơ sở + Bước 4 : Quyết định công nhận. + Bước 5: Trả kết quả và thu nộp lệ phí tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ có thể được nộp theo một trong các hình thức sau: + Trực tiếp tại: Bộ phận tiếp nhận Hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính - Chi cục Thủy sản Hà Nội. Địa chỉ: Thanh liệt – Thanh trì – Hà Nội. Điện thoại: 04.36884139 Fax: 04.36889510 + Gửi theo đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Tờ khai đăng ký bè cá ( Phụ lục số 05); - Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp về quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá; - Sơ đồ hoặc ảnh chụp vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có); - Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản bằng bè cá. - Giấy chứng nhận đăng ký bè cá cũ (bản gốc) đối với trường hợp cấp lại; b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ yêu cầu;
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội; b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy sản Hà Nội;
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận.
Phí, lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ khai đăng ký bè cá (Phụ lục số 5 Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT )
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2005/NĐ-CP; - Nghị định 103/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi

*Vinh* 203

phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên;
- Quyết định 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP;
- Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ;
- Thông tư 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

*MB*

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 5  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/ 4 / 2011)  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**

**Kính gửi:** .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:**

Đối tượng nuôi: .....

Năm, nơi đóng: .....

Nơi đặt bè: .....

Kích thước chính L(m) x B(m) x D(m): .....

Vật liệu khung bè: ..... ; Vật liệu dự trữ nổi: .....

Tổng dung tích: .....

Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:.....

Số người làm việc trên bè cá, người.....

**2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân
01			
02			

**3. Hồ sơ kèm theo**

TT	Hồ sơ đăng ký bè cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng mới bè cá		
02	Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyên nhượng quyền sở hữu)		
03	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyên nhượng quyền sở hữu)		
04	Biên lai nộp thuế trước bạ		

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

**XÁC NHẬN**  
của xã, phường nơi đặt bè cá  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CHỦ BÈ CÁ**  
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)



## X. Lĩnh vực Kiểm lâm.

### 1. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu.

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm lâm: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thành lập hội đồng thẩm định, thẩm định cơ sở đề nghị đăng ký trại nuôi gấu; + Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi gấu; + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Qua đường bưu điện. - Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội. Địa chỉ: Ba La - Phú La - Hà Đông - Hà Nội - Kiểm tra tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu; - Hồ sơ chứng minh nguồn gốc gấu nuôi hợp pháp hoặc hồ sơ về gấu đăng ký quản lý và gắn chip điện tử. - Bản vẽ mô tả chi tiết chuồng trại gấu kèm theo ảnh, chế độ chăm sóc, thức ăn và hệ thống xử lý nước thải; - Bản sao hợp đồng lao động với người có chuyên môn thú y hoặc hợp đồng lao động với bác sỹ thú y để chăm sóc. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 15 ngày làm việc
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng bảo tồn tài nguyên sinh vật rừng Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội c) Cơ quan phối hợp: Đơn vị trực thuộc Chi cục và cơ quan chức năng có liên quan.
- Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị đăng ký trại nuôi gấu (phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Yêu cầu điều kiện cấp "Giấy chứng nhận trại nuôi gấu": Điều 5 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi.

Vnh  
206



Phụ lục 10: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN ĐƠN VỊ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI GẤU**

Kính gửi: .....

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND: ngày cấp: nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Giấy phép kinh doanh số:

Nơi cấp:

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký nuôi... con gấu ngựa;...

con gấu chó; ..... con gấu.... với chi tiết sau:

TT	Tên loài và (tên khoa học)	Số chip điện tử (số hồ sơ)	Số chuồng	Cân nặng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1	Gấu ngựa (Ursus thibetanus)					
2	Gấu chó (Ursus malayanus)					
...	.....					

Mục đích nuôi: ....

Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: (địa điểm, diện tích, quy mô trại nuôi, vật liệu xây dựng, bản vẽ hoàn công, điều kiện về an toàn, phòng ngừa bệnh dịch, vệ sinh môi trường,...)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: ...

Tôi cam đoan chịu trách nhiệm đảm bảo duy trì mọi điều kiện để nuôi gấu và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

Người làm đơn  
(ký, ghi rõ họ tên);  
đóng dấu đối với tổ chức

*Vinh*

**2. Tên thủ tục: Giao nộp gấu cho nhà nước.**

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm lâm: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thăm định hồ sơ giao nộp gấu; + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Qua đường bưu điện. - Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội. Địa chỉ: Ba La - Phú La - Hà Đông - Hà Nội - Kiểm tra tại cơ sở.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị giao nộp gấu cho nhà nước; - Hồ sơ chứng minh nguồn gốc gấu theo quy định hiện hành hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: + 05 ngày làm việc trong trường hợp giao gấu cho các đơn vị có đủ điều kiện nuôi nhốt trên địa bàn thành phố Hà Nội. + 10 ngày làm việc trong trường hợp giao gấu cho các đơn vị có đủ điều kiện nuôi nhốt ngoài địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng bảo tồn tài nguyên sinh vật rừng Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội d) Cơ quan phối hợp: Đơn vị trực thuộc Chi cục và cơ quan chức năng có liên quan.
- Kết quả của TTHC	- Quyết định hành chính
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị giao nộp gấu cho nhà nước (Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi.

*Vinh*

Phụ lục VII: Mẫu đơn đề nghị tự nguyện giao gấu cho Nhà nước  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TỰ NGUYỄN GIAO GẤU CHO NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố .....

(Trường hợp địa phương nào không có Chi cục Kiểm lâm thì gửi  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND: ngày cấp: nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Giấy phép kinh doanh số:

Nơi cấp:

Giấy chứng nhận trại nuôi gấu số:

Tự nguyện giao nộp cho Nhà nước ... con gấu với chi tiết sau:

TT	Tên loài và (tên khoa học)	Số chíp điện tử (số hồ sơ)	Cân nặng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1	Gấu ngựa ( <i>Ursus thibetanus</i> )				
2	Gấu chó ( <i>Ursus malayanus</i> )				
...	.....				

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: ...

Lý do giao: .....

Tôi xin cam đoan tự nguyện giao số gấu trên cho Nhà nước.

Người làm đơn (ký, ghi rõ họ tên); đóng dấu  
đối với tổ chức



### 3. Tên thủ tục: Cấp giấy phép vận chuyển gấu.

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm lâm: + Tiếp nhận, ghi phiếu nhận hồ sơ. + Thụ lý và cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Qua đường bưu điện. - Trực tiếp: tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội đối với địa bàn quận Hà Đông và huyện Thanh Oai; các quận, huyện, thị xã còn lại thuộc Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn. - Kiểm tra tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Đơn đề nghị vận chuyển gấu; + Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của gấu hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử; + Bản sao giấy chứng nhận trại nuôi của nơi gấu đến; Chủ nuôi gấu thông báo bằng văn bản với cơ quan Kiểm lâm sở tại đến làm biên bản kiểm tra xác minh. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 10 ngày - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục kiểm lâm đối với địa bàn quận Hà Đông và huyện Thanh Oai; Các quận, huyện, thị xã còn lại là Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: phòng Thanh tra pháp chế đối với địa bàn quận Hà Đông và huyện Thanh Oai; Các quận, huyện, thị xã còn lại là Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn. c) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy phép
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị vận chuyển gấu (phụ lục VI ban hành kèm ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN).
- Yêu cầu, điều kiện	- Yêu cầu điều kiện “Cấp giấy phép vận chuyển gấu” Điều 5 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi

Phụ lục VI: Mẫu đơn đề nghị di chuyển gấu nuôi

TÊN ĐƠN VỊ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 200

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI CHUYỂN GẤU**

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố .....  
(Trường hợp địa phương nào không có Chi cục Kiểm lâm thì gửi  
Cơ quan kiểm lâm vùng)

Tên tôi là : .....  
CMND số..... Cấp ngày..... Tại.....  
Địa chỉ thường trú.....  
Được cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu số ... ngày .../.../... Cơ quan cấp: ...  
Đề nghị cho phép di chuyển số gấu như sau:  
1. Loài.....Giới tính (đực, cái).....Nặng.....(kg)  
Đặc điểm..... Số chip điện tử.....  
2. ....  
(nếu số lượng nhiều thì lập thành danh sách riêng kèm theo)

Đang nuôi nhốt tại địa chỉ: .....

Tới địa điểm mới là: .....

Lý do di chuyển: .....

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý gấu nuôi nhốt và đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển.

(kèm theo đây là bản sao hồ sơ các con gấu nói trên)

..... ngày ....tháng ....năm ...

Người làm đơn

(họ, tên, chữ ký; đóng dấu đối với tổ chức)



**4. Tên thủ tục: Đóng dấu búa Kiểm lâm.**

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm lâm: + Tiếp nhận, ghi phiếu nhận hồ sơ. + Thụ lý và đóng dấu búa Kiểm lâm
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại: các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn, Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 1, 2, 3. - Kiểm tra tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức quản lý người xin đóng dấu búa kiểm lâm; + Lý lịch gỗ do chủ rừng hoặc chủ gỗ lập; + Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp; b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ
	- Thời gian theo quy định: 10 ngày - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng số 1, 2, 3 b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng số 1, 2, 3.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Đóng dấu búa kiểm lâm trên gỗ
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý búa bài cây và búa kiểm lâm, - Quyết định số 107/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 44/2006/QĐ-BNN; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ.

*LAB*

**5. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Phụ lục II, III của CITES.**

- Trình tự thực hiện	- Đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Chi cục Kiểm lâm: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ; + Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản; nuôi sinh trưởng; trồng cây nhân tạo động, thực vật hoang dã; + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội, Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại Phụ lục IV-A (thực vật), hoặc IV-B (động vật) ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp. b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính
- Thời hạn giải quyết	Thời gian 10 ngày làm việc.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân, hộ gia đình.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội c) Cơ quan phối hợp (nếu có): không
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận.
- Lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu IV-A (thực vật), IV-B (động vật) ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 29/9/2011.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây: - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi; - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên;

*LSB* 213

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước;</li> <li>- Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh;</li> <li>- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ cho phép.</li> </ul> <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo;</li> <li>- Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên;</li> <li>- Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.</li> </ul>
<p>- Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tái xuất khẩu nhập nội từ biên, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loại động, thực vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm;</li> <li>- Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp;</li> <li>- Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp PTNT về việc Công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</li> </ul>

*VB*



## PHỤ LỤC IV-A

HỒ SƠ KÈM THEO CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CƠ SỞ TRỒNG CÂY  
NHÂN TẠO THỰC VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC II, III CỦA  
CÔNG ƯỚC CITES VÀ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

### Annex IV-A

**ATTACHED DOCUMENTS REQUEST FOR REGISTRATION OF  
ESTABLISHMENTS FOR ARTIFICIAL PROPAGATION OF WILD PLANTS  
SPECIFIED IN APPENDIX II AND APPENDIX III OF CITES AND IN  
ACCORDANCE WITH THE LAWS OF VIETNAM**  
(in accompanied with Decree of Government No 98/2011/ND-CP,  
October, 26, 2011)

1. Tên và địa chỉ của cơ sở/Name and address of the farm:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện/ Full name owners or their representatives:  
Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport:      Ngày cấp/date:      Nơi cấp/place:
3. Loài đăng ký trồng cây nhân tạo (tên khoa học và tên thông thường)/ Registration species for artificial propagation (the scientific name and common names):
4. Mô tả số lượng nguồn giống khai thác hợp pháp từ tự nhiên/Describes the number of seed sources from the legal exploitation of natural:
5. Mô tả điều kiện hạ tầng và phương thức trồng cây/Description infrastructure conditions and cultivation method:
6. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới/Annual output of previous, current and expected in the coming years:

## PHỤ LỤC IV-B

### HỒ SƠ KÈM THEO CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ TRẠI NUÔI SINH SẢN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI CÁC PHỤ LỤC II, III CỦA CÔNG ƯỚC CITES VÀ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

#### Annex IV-B

### DOCUMENTS ATTACHED REQUEST FOR REGISTRATION OF FARMS FOR BREEDING OF WILD ANIMALS SPECIFIED IN APPENDIX II AND APPENDIX III OF CITES AND IN ACCORDANCE WITH THE LAWS OF VIETNAM

(in accompanied with Decree of Government No 98/2011/ND-CP, October, 26, 2011)

Tên và địa chỉ của trại/Name and address of the farm:

1. Họ, tên chủ trại hoặc người đại diện/The full name of the farmer or his representatives:

Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp/date: Nơi cấp/place:

2. Loài đăng ký nuôi sinh sản (tên khoa học và tên thông thường)/Registered breeding species (scientific names and common names):

3. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản/Details about the number and age of males, female reproduction in the breed:

4. Tài liệu chứng minh các con giống đó được đánh bắt hợp pháp theo quy định hiện hành hoặc nếu nhập khẩu thì phải chứng minh được việc nhập khẩu đó phù hợp với các quy định của Công ước CITES và luật pháp quốc gia/Documents proving that the breed is considered illegal under current regulations, or if imported, they must prove that the import is consistent with the provisions of CITES and national legislation:

5. Bản đánh giá nhu cầu và nguồn cung cấp mẫu vật để tăng cường nguồn giống sinh sản nhằm phát triển nguồn gen/Written assessment of needs and supply samples to strengthen seed breeding to develop genetic resources:

6. Loại sản phẩm xuất khẩu (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác)/Product categories exports (live animals, skins, his parish, serum, organs or other derivatives):

7. Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường và cách thức lưu trữ thông tin/Describes the infrastructure of the farm: area, breeding technologies, food supply, veterinary capacity, environmental sanitation and how to store information:

*Vab*

**6. Tên thủ tục: Cấp mới/ cấp bổ sung/ cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại**

<p>- Trình tự thực hiện</p>	<p>- Đối với tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn.          - Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm:          + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn;          + Tổ chức xác minh;          + Cấp mới, cấp bổ sung, cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại nếu đủ điều kiện hoặc văn bản thông báo lý do không cấp mới/ cấp bổ sung/ cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi nếu không đủ điều kiện;          + Trả kết quả khi đến hẹn.</p>
<p>- Cách thức thực hiện</p>	<p>- Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội đối với địa bàn quận Hà Đông và huyện Thanh Oai; các quận, huyện, thị xã còn lại thuộc Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.</p>
<p>- Thành phần Hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:          - Cấp mới:          + Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (mẫu số 06 kèm Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT);          + Bản sao chụp Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao chụp Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.          - Cấp bổ sung/ cấp đổi: Bản chính đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (mẫu số 06 kèm Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT);          b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
<p>- Thời hạn giải quyết</p>	<p>- Thời gian theo quy định:          + Cấp mới: 08 ngày làm việc.          + Cấp bổ sung: 05 ngày làm việc          + Cấp đổi: 03 ngày làm việc</p>
<p>- Đối tượng thực hiện TTHC</p>	<p>Tổ chức, cá nhân</p>
<p>- Cơ quan thực hiện TTHC</p>	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:          - Chi cục Kiểm lâm Hà Nội đối với địa bàn quận Hà Đông và huyện Thanh Oai.          - Các quận, huyện, thị xã còn lại thuộc Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.          b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:          - Phòng bảo tồn tài nguyên sinh vật rừng đối với địa bàn quận Hà Đông và huyện Thanh Oai.</p>

*V. K.*

	<p>- Các quận, huyện, thị xã còn lại thuộc Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp: Không</p>
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	<p>- Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (mẫu số 07 kèm Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT).</p> <p>- Thời hạn của giấy chứng nhận trại nuôi: 03 năm kể từ ngày cấp.</p>
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (Mẫu số 06 kèm Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Cơ sở nuôi, trại nuôi phù hợp với đặc tính sinh trưởng, phát triển của loài nuôi; đảm bảo an toàn cho người và động vật nuôi; đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;</p> <p>2. Về nguồn gốc động vật rừng thông thường:</p> <p>a) Khai thác từ tự nhiên trong nước: có bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại.</p> <p>b) Nhập khẩu: có tờ khai hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan cửa khẩu xác nhận. Các loài ngoại lai xâm hại theo quy định của pháp luật không được gây nuôi dưới mọi hình thức.</p> <p>c) Mua của tổ chức, cá nhân khác: Có hồ sơ mua bán, trao đổi động vật giữa người cung ứng và người nuôi.</p> <p>d) Xử lý tịch thu: có quyết định của người có thẩm quyền xử lý tang vật hoặc vật chứng theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Động vật rừng thông thường đã nuôi trước khi thông tư này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thông tư này có hiệu lực, tổ chức, cá nhân đang nuôi lập bảng kê động vật rừng thông thường theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cơ sở nuôi đó xác nhận.</p> <p>Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc hợp pháp của động vật nuôi.</p>
- Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường;</p> <p>- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN, 80/2011/TT-BNNPTNT.</p> <p>- Quyết định số 3017/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p>

Mẫu số 6: Đề nghị cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường  
vì mục đích thương mại  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT, ngày 27/6/2016  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TRẠI NUÔI  
ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

- Tên và địa chỉ tổ chức đề nghị:  
*Tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập*
- Nội dung đề nghị cấp đăng ký:  
Cấp mới ; Cấp đổi ; Cấp bổ sung ; Khác  (nêu rõ) ....
- Loại động vật rừng thông thường đề nghị nuôi:

Stt	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Mục đích gây nuôi	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học				
1						
2						
3						
...						

- Địa điểm trại nuôi:
- Mô tả trại nuôi:
- Các tài liệu kèm theo:  
- Hồ sơ nguồn gốc;  
- .....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Tổ chức, cá nhân đề nghị**  
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**7. Tên thủ tục: Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng.**

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Đối với cơ quan HCNN: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay. + Xác minh nguồn gốc: Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản. Thời hạn xác nhận lâm sản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Chi cục Kiểm lâm: đối với địa bàn huyện Thanh Oai và quận Hà Đông. - Trực tiếp tại các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn: đối với các quận, huyện, thị xã còn lại.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Bảng kê lâm sản; + Hóa đơn bán hàng (nếu có); + Tài liệu về nguồn gốc lâm sản. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thực hiện đối với địa bàn huyện Thanh Oai và quận Hà Đông. Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn thực hiện đối với các quận, huyện, thị xã còn lại. b) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận vào bảng kê lâm sản
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Bảng kê lâm sản (theo mẫu số 01). Sổ theo dõi nhập xuất lâm sản (theo mẫu số 02) (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện	- Không

TTHC (nếu có)	
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. - Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Mẫu số 01: Bảng kê lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

.....  
 .....  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
 NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Số:            /BKLS

Tờ số:.....

**BẢNG KÊ LÂM SẢN**  
 (Kèm theo ..... ngày...../...../20... của.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN  
 CÓ THẨM QUYỀN**  
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....  
**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
 LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN**

*VNB*

Mẫu số 02: Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản, ban hành kèm theo  
Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN**

NHẬP XƯƠNG						XUẤT XƯƠNG					
Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng g	Khối lượng g	Hồ sơ nhập lâm sản kèm theo	Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng g	Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

*Vnh*



**8. Tên thủ tục: Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu.**

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Chi cục Kiểm lâm : + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay; + Xác minh nguồn gốc: Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ biết và tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ, số lượng, khối lượng, loài cây; kết thúc xác minh phải lập biên bản xác minh. Thời hạn xác nhận lâm sản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Chi cục Kiểm lâm: đối với địa bàn huyện Thanh Oai và quận Hà Đông. - Trực tiếp tại các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn: đối với các quận, huyện, thị xã còn lại.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ; + Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng nếu có; + Tài liệu về nguồn gốc cây cảnh. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh).
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thực hiện đối với địa bàn huyện Thanh Oai và quận Hà Đông. Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn thực hiện đối với các quận, huyện, thị xã còn lại.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận trên bảng kê cây cảnh
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ (mẫu ban hành tại Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg)
- Yêu cầu, điều kiện	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ

thụ; - Quyết định số 36/QĐ-BNN-TCKL ngày 07/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 2707/QĐ-BNN-TCKL ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
---

Mẫu bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

(1).....  
 .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CÂY CẢNH, CÂY BÓNG MÁT, CÂY CỎ THỤ**

(Kèm theo(2) .....ngày...../...../20... của.....)

TT	Loại cây		Quy cách cây		Số lượng (cây)	Ghi chú
	Tên thông dụng	Tên khoa học	Đường kính tại vị trí sát gốc (cm)	Chiều cao dưới cành (m)		

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**  
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**KIỂM LÂM ĐỊA BÀN (4)**  
 (Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (3), CỘNG ĐỒNG, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**  
 (Ký tên, ghi rõ họ tên)

1. Ghi rõ tên tổ chức/cộng đồng/hộ gia đình/cá nhân; địa chỉ.
2. Ghi rõ số hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn GTGT của tổ chức.
3. Đại diện cho tổ chức lập bảng kê ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu của tổ chức.
4. Đối với xã, phường, thị trấn có Kiểm lâm địa bàn thì Kiểm lâm địa bàn ký, ghi rõ họ tên.

**VIII. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản.**

**(TTHC chung cho cấp sở, cấp quận, huyện, thị xã; cấp xã, phường, thị trấn)**

**1. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (cấp mới; cấp lại khi sắp hết hạn; cấp lại trong trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh).**

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1:</p> <p>Trường hợp cấp mới: Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;</p> <p>Trường hợp cấp lại khi sắp hết hạn: trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn; Cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm tới cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.</p> <p>Trường hợp cấp lại do thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh; Cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm tới cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.</p> <p><i>(Cơ quan có thẩm quyền được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố), cụ thể như sau:</i></p> <p>1.1. Cấp Sở: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và PTNT phân cấp đóng trên địa bàn Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chi cục Bảo vệ thực vật kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).</li><li>- Chi Cục Thú y kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, cơ sở kinh doanh, lưu thông, tiêu thụ.</li><li>- Chi cục Thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Nuôi trồng thủy sản.</li><li>- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản - thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm:</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Sản phẩm trồng trọt: Sơ chế chế biến độc lập, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)</li><li>+ Sản phẩm chăn nuôi: Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối).</li><li>+ Sản phẩm thủy sản: Sơ chế, chế biến, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).</li></ul>
---------------------------	--

	<p>+ Sản phẩm muối ăn: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước.</p> <p>+ Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản): Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.</p> <p>1.2. Cấp quận, huyện, thị xã: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp. Phòng Kinh tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, muối ăn, sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Cơ sở sản xuất, giết mổ, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản.</p> <p>1.3. Cấp xã, phường, thị trấn: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp. - UBND cấp xã, phường, thị trấn kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, muối ăn, thực phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Lưu thông, kinh doanh, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập, cơ sở kinh doanh).</p> <p>Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không hợp lệ.</p> <p>Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ; kiểm tra kết quả phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).</p> <p>Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Gửi hồ sơ một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại bộ phận một cửa cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;</li> <li>- Fax;</li> <li>- Qua đường bưu điện,</li> <li>- E-mail;</li> <li>- Đăng ký trực tuyến (mạng điện tử);</li> </ul>
<p>Thành phần Hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ đăng ký bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;</li> <li>b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận</li> </ul> </li> </ul>

	<p>kinh tế trang trại: bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;</p> <p>c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm;</p> <p>d) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);</p> <p>đ) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>+ 03 ngày tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn.</p> <p>+ 15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ trong đó gồm: Thành lập đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra và xét kết quả, cấp giấy chứng nhận (trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.
Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện TTHC: Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố (đã nêu tại mục trình tự thực hiện).
Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; Thời hạn: 03 năm.
Phí, Lệ phí	<p>a. Phí: Theo quy định tại Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính (quy định tại biểu số 2).</p> <p>b. Lệ phí</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).</p> <p>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính).</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VI; Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

*KhB* 227

	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li><li>- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.</li><li>- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.</li></ul>
--	---

VAB

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục VI  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
4. Điện thoại..... Fax..... Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: .....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:  
Đề nghị ..... (tên cơ quan kiểm tra) ..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ  
điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.  
Lý do cấp lại:.....

**Đại diện cơ sở**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Vinh*

Hồ sơ gửi kèm:

-  
-  
-

Phụ lục VII  
**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM  
CỦA CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ  
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BẢN THUYẾT MINH  
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ: .....
4. Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

<i>DN nhà nước</i>	<input type="checkbox"/>	<i>DN 100% vốn nước ngoài</i>	<input type="checkbox"/>
<i>DN liên doanh với nước ngoài</i>	<input type="checkbox"/>	<i>DN cổ phần</i>	<input type="checkbox"/>
<i>DN tư nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>
		<i>(ghi rõ loại hình)</i>	

6. Năm bắt đầu hoạt động: .....
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....
8. Công suất thiết kế: .....
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....
10. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

*Vah* 230



--	--	--	--	--

### III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

#### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh ..... m<sup>2</sup>, trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : ..... m<sup>2</sup>

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

#### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

#### 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng	<input type="checkbox"/>	Nước giếng khoan	<input type="checkbox"/>
Hệ thống xử lý: Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất  Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã: .....

#### 4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

#### 5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ..... người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: ..... người.

+ Lao động gián tiếp: ..... người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

#### 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ..... người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

#### 7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

*Thb* 231


8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở  Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:.....

- Thuê ngoài  Tên những PKN gửi phân tích:.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Mh*

www.LuatVietnam.vn

**4. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản** (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận. Riêng trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh thì thực hiện theo trình tự thủ tục cấp mới)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. (Cơ quan có thẩm quyền được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố), cụ thể như sau:</p> <p>1.1. Cấp Sở: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp đóng trên địa bàn Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi cục Bảo vệ thực vật kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).</li> <li>- Chi Cục Thú y kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, cơ sở kinh doanh, lưu thông, tiêu thụ.</li> <li>- Chi cục Thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản - thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản phẩm trồng trọt: Sơ chế chế biến độc lập, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)</li> <li>+ Sản phẩm chăn nuôi: Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối).</li> <li>+ Sản phẩm thủy sản: Sơ chế, chế biến, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).</li> <li>+ Sản phẩm muối ăn: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước.</li> <li>+ Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản): Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.</li> </ul> </li> </ul> <p>1.2. Cấp quận, huyện, thị xã: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp. Phòng Kinh tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chuối thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, muối ăn, sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Cơ sở sản xuất, giết</p>
---------------------------	--

*VB* 233

	<p>mô, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản.</p> <p>1.3. Cấp xã, phường, thị trấn: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp.</p> <p>- UBND cấp xã, phường, thị trấn kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, muối ăn, thực phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Lưu thông, kinh doanh, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập, cơ sở kinh doanh).</p> <p>Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiến hành kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).</p>
Cách thức thực hiện	Gửi hồ sơ bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Fax; E-mail; Qua đường bưu điện; Đăng ký trực tuyến.
Thành phần Hồ sơ	- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các cơ sở sản xuất kinh doanh
Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện TTHC: Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố (đã nêu tại mục trình tự thực hiện)
Kết quả của TTHC	Giấy chứng nhận cơ sở cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thời hạn trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cũ.
Lệ phí	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính). - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất,

*Kh*

kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Quyết định 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

*VB*

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

Phụ lục VI  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI  
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
4. Điện thoại..... Fax..... Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: .....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:  
Đề nghị ..... (tên cơ quan kiểm tra) ..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ  
điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.  
Lý do cấp lại:.....

**Đại diện cơ sở**  
(Ký tên, đóng dấu)

*VNB*

Hồ sơ gửi kèm:

-  
-  
-

## 5. Tên thủ tục: Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>1. Bước 1: Gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến Bộ phận một cửa Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố, cụ thể như sau:</p> <p>1.1. Cấp Sở: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp đóng trên địa bàn Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chi cục Bảo vệ thực vật xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sản phẩm có nguồn gốc thực vật: Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).</li><li>- Chi Cục Thú y xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sản phẩm có nguồn gốc động vật: Chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, cơ sở kinh doanh, lưu thông, tiêu thụ.</li><li>- Chi cục Thủy sản xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sản phẩm có nguồn gốc thủy sản: Nuôi trồng thủy sản.</li><li>- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản - thủy sản xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Sản phẩm trồng trọt: Sơ chế chế biến độc lập, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)</li><li>+ Sản phẩm chăn nuôi: Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối).</li><li>+ Sản phẩm thủy sản: Sơ chế, chế biến, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).</li><li>+ Sản phẩm muối ăn: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước.</li><li>+ Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản): Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.</li></ul></li></ul> <p>1.2. Cấp quận, huyện, thị xã: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp. Phòng Kinh tế xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: Chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, muối ăn, sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Cơ sở sản xuất, giết mổ, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản.</p> <p>1.3. Cấp xã, phường, thị trấn: Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp. - UBND cấp xã, phường, thị trấn xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, muối ăn, thực phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản);</p>
---------------------------	--

*VKS* 237

	<p>bao gồm: Lưu thông, kinh doanh, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập, cơ sở kinh doanh).</p> <p>2. Bước 2: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Bước 3. Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.</p> <p>4. Bước 4. Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.</p>
Cách thức thực hiện	Qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
Thành phần Hồ sơ	<p>1. Đối với tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;</li> <li>- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);</li> </ul> <p>2. Đối với cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm;</li> <li>- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;</li> </ul> <p>3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>- Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.</li> </ul>
Đối tượng thực hiện TTHC	Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện TTHC: Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố (đã nêu tại điểm 1, trình tự thực hiện),
Kết quả của TTHC	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.
Lệ phí	Chưa quy định

*Vab*



Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a; Danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b, quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.</li> <li>- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> <li>- Quyết định 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</li> <li>- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.</li> </ul>

*Vub*

www.LuatVietnam.vn

**Mẫu số 01a - Quy định tại Phụ lục 4**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ DANH SÁCH**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT*  
*ngày 09/ 4/ 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*  
*Bộ Công Thương)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: ..... *(cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)*

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân .....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số ..... cấp  
ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....

Địa chỉ: ....., Số điện thoại .....

Số Fax ..... E-mail .....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do  
..... (\*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội  
dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho  
chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của ..... (\*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

*Địa danh, ngày ..... tháng ... năm .....*

**Đại diện Tổ chức/cá nhân**  
*(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

*Ghi chú: \* chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  
Bộ Công Thương.*



**Mẫu số 01b - Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức**

*(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của ..... (tên tổ chức)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày ..... tháng ... năm.....  
**Đại diện Tổ chức xác nhận**  
 (Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

*Val*

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ

#### 1. Tên thủ tục: Giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân và giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.

<p>- Trình tự thực hiện</p>	<p>a) Bước 1: Nộp hồ sơ và tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đề nghị giao rừng, cho thuê rừng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã.</li><li>- UBND cấp xã có trách nhiệm:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; viết giấy xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.</li><li>+ Xem xét đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; kiểm tra thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp) khu rừng theo đề nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đảm bảo các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật.</li><li>+ Xác nhận và chuyển đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đến UBND cấp huyện.</li></ul></li></ul> <p>Thời gian thực hiện Bước 1 không quá 10 ngày làm việc kể từ khi UBND cấp xã nhận được hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.</p> <p>b) Bước 2: Thẩm định và xác định hiện trạng rừng</p> <p>Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ở nơi không có Hạt Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn do UBND cấp xã chuyển đến, có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thẩm định về hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.</li><li>- Phối hợp với UBND cấp xã tổ chức xác định và đánh giá hiện trạng khu rừng tại thực địa. Kết quả kiểm tra và đánh giá hiện trạng phải lập thành biên bản xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng, có xác nhận và ký tên của đại diện UBND cấp xã, các chủ rừng liên kề.</li><li>- Trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.</li></ul> <p>Thời gian thực hiện Bước 2 không quá 20 ngày làm việc.</p> <p>c) Bước 3: Quyết định giao rừng, cho thuê rừng</p> <p>Sau khi nhận được hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng do Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện trình, UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn theo mẫu Quyết định tại Phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn (sau đây viết tắt là Thông tư 38/2007/TT-BNN); ký Hợp đồng cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng</p>
-----------------------------	---

Vas 242

	<p>(Phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN).          Thời gian thực hiện Bước 3 không quá 3 ngày làm việc.          đ) Bước 4: Bàn giao rừng          Sau khi nhận được Quyết định giao, cho thuê rừng của UBND cấp huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng được giao và lập thành biên bản, có ký tên của đại diện UBND cấp xã, đại diện các chủ rừng liên kế theo mẫu Biên bản tại Phụ lục 5 và 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN.          Thời gian thực hiện Bước 4 không quá 3 ngày làm việc.          Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, nếu hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn không đủ điều kiện được giao, được thuê rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và thông báo rõ lý do không được giao, được thuê rừng.</p>
- Cách thức thực hiện	Tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp xã.
- Thành phần Hồ sơ	<p>1. Hồ sơ gồm:</p> <p>1.1. Đối với hộ gia đình, cá nhân:          + Đề nghị giao rừng (Phụ lục 01); hoặc Đề nghị cho thuê rừng (Phụ lục 02)          + Kế hoạch sử dụng rừng (Phụ lục 03).</p> <p>1.2. Đối với cộng đồng dân cư thôn:          + Đề nghị giao rừng (Phụ lục 04);          + Kế hoạch quản lý khu rừng và biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thôn thống nhất đề nghị giao rừng.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
- Thời hạn giải quyết	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn
- Cơ quan thực hiện TTHC	<p>- Cơ quan có quyền quyết định: UBND cấp huyện          - Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND cấp xã, Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện ở nơi không có hạt kiểm lâm.</p>
- Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định
- Lệ phí	
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Đề nghị giao rừng (Phụ lục 1); Đề nghị cho thuê rừng (phụ lục 2); Kế hoạch sử dụng rừng (phụ lục 3)          - Đối với cộng đồng dân cư thôn: Đề nghị giao rừng (Phụ lục 4);          (Phụ lục kèm theo Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p>

*Vnh* 243

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.</p> <p>- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng.</p>

*VB*

www.LuatVietnam.vn

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục 01: Mẫu đề nghị giao rừng dùng cho hộ gia đình, cá nhân**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20 /2016/TT-BNNPTNT  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG**

Kính gửi: .....

Họ và tên người đề nghị giao rừng (1) .....  
năm sinh..... ; CMND (hoặc Căn cước công dân):....., Ngày  
cấp..... Nơi cấp.....

Họ và tên vợ hoặc chồng: .....  
năm sinh.....; Số CMND (hoặc Căn cước công dân):..... Ngày  
cấp..... Nơi cấp.....

2. Địa chỉ thường trú.....

3. Địa điểm khu rừng đề nghị giao (2).....

4. Diện tích đề nghị giao rừng (ha) .....

5. Đề sử dụng vào mục đích (3).....

6. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

..... ngày tháng năm.....

**Người đề nghị giao rừng**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Xác nhận của UBND xã**

1. Xác nhận về địa chỉ thường trú hộ gia đình, cá nhân.....
2. Về nhu cầu và khả năng sử dụng rừng của người đề nghị giao rừng .....
3. Về sự phù hợp với quy hoạch .....

..... ngày tháng năm.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên và đóng dấu)

1. Đối với hộ gia đình thì ghi cả hai vợ chồng cùng đề nghị giao rừng thì ghi họ, tên, số CMND (hoặc Căn cước công dân) và ngày, nơi cấp của vợ hoặc chồng
2. Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, xã, huyện, tỉnh, có thể ghi cả địa danh địa phương.
3. Quản lý, bảo vệ (phòng hộ) hoặc sản xuất (rừng sản xuất).



**Phụ lục 02: Mẫu đề nghị thuê rừng dùng cho hộ gia đình, cá nhân**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20 /2016/TT-BNNPTNT  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ THUÊ RỪNG**

Kính gửi: .....

1. Họ và tên người đề nghị thuê rừng (1) .....  
năm sinh..... ; CMND (hoặc Căn cước công dân):..... Ngày cấp.....  
Nơi cấp.....  
Họ và tên vợ hoặc chồng .....  
năm sinh.....; CMND (hoặc Căn cước công dân):..... Ngày  
cấp....., Nơi cấp.....
2. Địa chỉ liên hệ.....
3. Địa điểm khu rừng đề nghị thuê(2).....  
.....
4. Diện tích đề nghị thuê rừng (ha).....
5. Thời hạn thuê rừng (năm).....
6. Để sử dụng vào mục đích (3).....
7. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; trả tiền thuê rừng đầy đủ và đúng hạn.

.....ngày tháng năm.....

**Người đề nghị thuê rừng**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Xác nhận của UBND xã**

1. Về nhu cầu và khả năng sử dụng rừng của người đề nghị giao rừng.....  
.....
2. Về sự phù hợp với quy hoạch.....

..... ngày tháng năm.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên và đóng dấu)

1. Đối với hộ gia đình thì ghi "Hộ ông/bà" ghi họ, tên, năm sinh, số CMND (hoặc Căn cước công dân) và ngày, nơi cấp; trường hợp cả hai vợ chồng cùng đề nghị thuê rừng thì ghi họ, tên, số CMND và ngày, nơi cấp của cả vợ và chồng.
2. Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, xã, huyện, tỉnh.
3. Thuê để sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch ....

*Kb*



**Phụ lục 03: Mẫu Kế hoạch sử dụng rừng dùng cho hộ gia đình, cá nhân**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG RỪNG**

**I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

1. Vị trí khu rừng: Diện tích.....ha, Thuộc khoảnh, .....lô .....  
Các mặt tiếp giáp.....;
- Địa chỉ khu rừng: thuộc xã.....huyện.....tỉnh;
2. Địa hình: Loại đất.....độ dốc.....;
3. Khí hậu:.....;
4. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng .....

**II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG RỪNG**

1. Diện tích đất chưa có rừng:.....
2. Diện tích có rừng: Rừng tự nhiên.....ha; Rừng trồng.....ha
  - Rừng tự nhiên
    - + Trạng thái rừng.....loài cây chủ yếu.....
    - + Trữ lượng rừng.....m<sup>3</sup>, tre, nứa.....cây
  - Rừng trồng
    - + Tuổi rừng.....loài cây trồng .....mật độ.....
    - + Trữ lượng.....
    - Tình hình khai thác, tận thu các loại lâm sản qua các năm.....

**III. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG RỪNG**

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển giai đoạn 5 năm tới
  - Kế hoạch trồng rừng đối với diện tích đất chưa có rừng:
    - + Loài cây trồng.....
    - + Mật độ.....
    - + .....
  - Kế hoạch chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng:
    - + .....
    - + .....
  - Kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, Phòng trừ sâu, bệnh hại rừng:.....
    - + Xây dựng đường băng.....
    - + Các thiết bị phòng cháy.....
    - + .....
  - Kế hoạch khai thác, tận thu sản phẩm

  
247

+ .....

+ .....

**2. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển các giai đoạn tiếp theo**

- Kế hoạch trồng rừng đối với diện tích đất chưa có rừng:

+ Loài cây trồng.....

+ Mật độ.....

+ .....

- Kế hoạch chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng:

+ .....

+ .....

- Kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, Phòng trừ sâu, bệnh hại rừng:.....

+ Xây dựng đường băng.....

+ Các thiết bị phòng cháy.....

+ .....

- Kế hoạch khai thác, tận thu sản phẩm

+ .....

+ .....

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

.....

.....



**Phụ lục 04: Mẫu đề nghị giao rừng dùng cho cộng đồng dân cư thôn**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG**

Kính gửi: .....

1. Tên cộng đồng dân cư thôn đề nghị giao rừng (1).....
2. Địa chỉ.....
3. Họ và tên người đại diện cộng đồng dân cư thôn .....
- Tuổi.....chức vụ .....; Số CMND (hoặc Căn cước công dân)

Sau khi được nghiên cứu Luật Bảo vệ và phát triển rừng, được trao đổi thống nhất trong thôn, có quy chế quản lý rừng sơ bộ (kèm theo) và thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, xã giao rừng cho cộng đồng như sau:

4. Địa điểm khu rừng đề nghị giao (ghi địa danh, tên lô, khoảnh, tiểu khu).....
5. Diện tích đề nghị giao (ha).....
6. Đề sử dụng vào mục đích (2).....
7. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

.....ngày tháng năm .....

**Người đề nghị giao rừng**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Xác nhận của UBND xã**

1. Xác nhận về nhu cầu và khả năng quản lý, sử dụng rừng của cộng đồng dân cư thôn..
2. Về sự phù hợp với quy hoạch.....

..... ngày tháng năm.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên và đóng dấu)

.....  
1. Ghi "Cộng đồng dân cư thôn/bản", sau đó là tên của thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc hoặc tên của đơn vị tương đương.

2. Quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng.

Kèm theo đề nghị giao rừng này phải có biên bản họp thôn thống nhất việc đề nghị Nhà nước giao rừng và ghi rõ số hộ gia đình có trong thôn.

## 2. Tên thủ tục: Cải tạo rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

- Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu cải tạo rừng, gửi đơn đề nghị cải tạo rừng về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc UBND huyện, thị xã xem xét, quyết định, trong đơn nêu rõ phương án cải tạo rừng, thời hạn hoàn thành, có xác nhận của kiểm lâm địa bàn và UBND xã nơi có diện tích rừng đề nghị cải tạo. Nếu diện tích rừng cải tạo từ 5 hecta trở lên thì UBND huyện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trước khi quyết định phê duyệt.</li> <li>- Ngay trong ngày nhận được đơn đề nghị cải tạo rừng của hộ gia đình, cá nhân UBND huyện phải thông báo cho hộ gia đình, cá nhân nếu đơn chưa hợp lệ để hộ gia đình, cá nhân hoàn thiện. Nếu đơn đã hợp lệ UBND huyện cấp giấy biên nhận đã nộp đơn cho hộ gia đình, cá nhân và gửi đơn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định đối với diện tích rừng rừng cải tạo trên 5 ha.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của UBND huyện gửi đến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có văn bản thẩm định gửi về UBND huyện để ra quyết định.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của hộ gia đình hoặc 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện phải ra quyết định cho phép cải tạo rừng”.</li> </ul>
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc gửi Bưu điện về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính huyện, thị xã.
- Thành phần Hồ sơ	Đơn đề nghị cho phép cải tạo rừng Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngay trong ngày nhận, nếu chưa hợp lệ UBND huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. Nếu đơn hợp lệ UBND huyện phải cấp giấy biên nhận đã nộp đơn.</li> <li>- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ gia đình, cá nhân hoặc 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện phải ra quyết định phê duyệt.</li> </ul>
- Đối tượng thực hiện TTHC	Hộ gia đình, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện</li> <li>- Cơ quan thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân huyện</li> <li>- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</li> </ul>
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu đơn đề nghị cải tạo rừng theo Phụ lục 18, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện	- Không

*Vũ* 250

TTHC	
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Khoản 2.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng. - Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

Phụ lục 18, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT  
Mẫu đơn đề nghị cải tạo rừng của hộ gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 200

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẢI TẠO RỪNG**

Kính gửi : .....

Tên chủ hộ:

Địa chỉ:

Căn cứ Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng, tôi làm đơn này đề nghị UBND huyện..... cho phép tôi cải tạo rừng tự nhiên.

Thuộc lô..... khoảnh..... diện tích.....ha; diện tích cải tạo: .....ha

trữ lượng:...../ha; loài cây chính:.....

Phương án cải tạo:

- Khai thác: .....

- Vận chuyển:.....

- Sử dụng sản phẩm:.....

- Trồng lại rừng: .....

Thời gian thực hiện: từ ngày.....tháng.....năm 201 đến ngày .....tháng .....năm 201

Tôi cam đoan thực hiện đúng phương án cải tạo trên./.

Xác nhận của kiểm lâm địa bàn (chữ ký)	Xác nhận của UBND xã (chữ ký và con dấu)	Người làm đơn (chữ ký)
--	---	---------------------------

*Viết*

**3. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cá nhân, tổ chức: - Đơn vị tư vấn thiết kế lập hồ sơ thiết kế cơ sở, gửi hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả tại bộ phận nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND huyện.</li> <li>- Đối với cơ quan quản lý: Nhận hồ sơ thiết kế cơ sở của đơn vị cần thẩm định, tiến hành xem xét, thẩm định nếu đủ điều kiện thì phê duyệt.</li> <li>- Khi có kết quả gửi lại đơn vị cần thẩm định.</li> </ul>
Cách thức thực hiện	Tại UBND cấp huyện
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ thiết kế cơ sở công trình thủy lợi hoặc nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn;</li> <li>- Bản báo cáo thuyết minh</li> <li>- Dự toán công trình</li> </ul> </li> <li>* Số lượng hồ sơ: 04 bộ</li> </ul>
Thời hạn giải quyết	30 ngày
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Kinh tế cấp huyện
Kết quả thực hiện	Văn bản thẩm định
Lệ phí	
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	không
Yêu cầu	không
Cơ sở pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</li> </ul>

*Vib*

**4. Tên thủ tục: Thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cấp huyện.**

Trình tự thực hiện	- Đối với tổ chức: nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại bộ phận nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND huyện. - Đối với cơ quan quản lý: tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ, trả kết quả.
Cách thức thực hiện	Tại UBND cấp huyện
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Tờ trình; - Hồ sơ dự án đầu tư; - Báo cáo thuyết minh; - Tổng mức đầu tư. * Số lượng hồ sơ: 02 bộ
Thời hạn giải quyết	20 ngày
Đối tượng thực hiện	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện	Phòng Kinh tế cấp quận, huyện, thị xã
Kết quả thực hiện	Văn bản thẩm định
Lệ phí	
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	không
Yêu cầu	không
Cơ sở pháp lý	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

*VB*

**5. Tên thủ tục: Thẩm định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán các công trình xây dựng trong lĩnh vực nông nghiệp.**

Trình tự thực hiện	- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kinh tế huyện: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, trình ký duyệt.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận một cửa của UBND huyện
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình; - Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán; Thuyết minh; - Hồ sơ tư vấn. b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: + Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 12 ngày làm việc; + Xem xét phê duyệt: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	Phòng Kinh tế huyện.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Phê duyệt
Phí, lệ phí	
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Vh



**6. Tên thủ tục: Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình thủy lợi đầu tư vốn ngân sách nhà nước.**

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại UBND cấp huyện. + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kinh tế huyện: Thụ lý hồ sơ, thẩm định, báo cáo thẩm định, dự thảo văn bản trình ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại bộ phận một cửa của UBND huyện
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Tờ trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán; - Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán gồm: Thuyết minh và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; - Hồ sơ hợp pháp về cơ quan tư vấn thiết kế gồm: Hợp đồng với tư vấn thiết kế, Biên bản nghiệm thu bàn giao hồ sơ; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Chứng chỉ hành nghề của người thiết kế. b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: + Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 12 ngày làm việc; + Xem xét phê duyệt: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	Phòng Kinh tế cấp huyện.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Thông báo kết quả thẩm định
Phí, lệ phí	
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

*[Handwritten signature]*

**7. Tên thủ tục: Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới.**

Trình tự thực hiện	a) UBND xã nộp văn bản đăng xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) trước ngày 10/12 của năm liền kề trước năm đánh giá. b) UBND cấp huyện xem xét, xác nhận văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - Mẫu số 1.1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT). b) Số lượng: 03 bản.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã, UBND cấp huyện xác nhận văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện TTHC	Ủy ban nhân dân xã.
Cơ quan thực hiện TTHC	Ủy ban nhân dân cấp huyện
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Xác nhận của UBND cấp huyện văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới. - Nơi nhận: + Văn phòng Điều phối Chương trình Xây dựng NTM Thành phố Hà Nội: 01 bản + UBND cấp huyện: 01 bản + UBND xã: 01 bản
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (Mẫu số 1.1 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; - Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; - Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; - Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; - Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

*Vab* 256

- Quyết định số 5566/QĐ-BNN-VPĐP ngày 25/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mẫu số 1.1 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-.....  
V/v đăng ký "Xã đạt chuẩn  
nông thôn mới" năm .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....., tỉnh/thành phố .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng .... năm ....., xã ..... có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là ...../.....(tổng số) tiêu chí, đạt ..... % (so với quy định tại Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, ..... ) và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm .....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã ..... (huyện ..... tỉnh/thành phố ..... ) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận "Xã đạt chuẩn nông thôn mới" năm.....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố ..... xem xét, xác nhận./.

XÁC NHẬN CỦA UBND HUYỆN .....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



## D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THỊ TRẤN

1. Tên thủ tục: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên (của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân).

- Trình tự thực hiện	a) Chủ lâm sản chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. b) Chủ lâm sản nộp hồ sơ trực tiếp tại ủy ban nhân dân xã Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ lâm sản biết và hướng dẫn chủ lâm sản hoàn thiện hồ sơ c) Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay; Kiểm lâm địa bàn tham mưu cho ủy ban nhân dân xã xác nhận trên bảng kê lâm sản (có chữ ký của Kiểm lâm địa bàn trên bảng kê lâm sản) d) Xác minh nguồn gốc (nếu có): Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản. Thời hạn xác nhận lâm sản trong trường hợp phải xác minh tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. e) Trả kết quả: Chủ lâm sản nhận kết quả xác nhận tại ủy ban nhân dân xã nơi nộp hồ sơ
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp
- Thành phần Hồ sơ	a) Hồ sơ gồm: - Bảng kê lâm sản (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT) - Hoá đơn bán hàng (nếu có) - Tài liệu về nguồn gốc lâm sản b) Số lượng: 01 bộ (bản chính)
- Thời hạn giải quyết	- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh) - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản)
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân xã; b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân xã;
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Kết quả: Xác nhận trên bảng kê lâm sản - Thời hạn hiệu lực của kết quả: Không quy định
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Bảng kê lâm sản (theo mẫu số 01). Số theo dõi nhập xuất lâm sản (theo mẫu số 02) (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không

Vub 258

- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; - Thông tư 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.
---------------------------	---

Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BKLS

Tờ

số:.....

**BẢNG KÊ LÂM SẢN**

(Kèm theo .....ngày...../...../20... của.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**Tổ chức, cá nhân  
lập bảng kê lâm sản**

**Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu: Sở theo dõi nhập, xuất lâm sản, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 4/1/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN**

NHẬP XƯƠNG						XUẤT XƯƠNG					
Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ nhập lâm sản kèm theo	Ngày tháng năm	Tên lâm sản (Nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

**Ghi chú:** cuối mỗi tháng ghi tổng hợp số lượng, khối lượng từng loại lâm sản nhập, xuất, tồn kho trong tháng vào cuối trang của tháng đó

**2. Tên thủ tục: Xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân**

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Đối với cơ quan HCNN: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay. + Xác minh nguồn gốc: Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ trước khi xác nhận cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ cây cảnh biết và tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ, số lượng, khối lượng, loài cây; kết thúc xác minh phải lập biên bản xác minh. Thời hạn xác nhận nguồn gốc cây cảnh trong trường hợp này tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ; + Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (nếu có); + Tài liệu về nguồn gốc lâm sản. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân xã. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân xã. c) Cơ quan phối hợp: Kiểm lâm địa bàn.
- Kết quả thực hiện TTHC	Xác nhận trên bảng kê lâm sản
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ (Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)
- Yêu cầu, điều kiện	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ; - Quyết định số 36/QĐ-BNN-TCKL ngày 07/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*Vào*

Mẫu bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

(1).....  
.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CÂY CẢNH, CÂY BÓNG MÁT, CÂY CỔ THỤ**

(Kèm theo(2) .....ngày...../...../20... của.....)

TT	Loài cây		Quy cách cây		Số lượng (cây)	Ghi chú
	Tên thông dụng	Tên khoa học	Đường kính tại vị trí sát gốc (cm)	Chiều cao dưới cành (m)		

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ  
THẨM QUYỀN**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**KIỂM LÂM ĐỊA BÀN (4)**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (3), CỘNG  
ĐỒNG, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

1. Ghi rõ tên tổ chức/cộng đồng/hộ gia đình/cá nhân; địa chỉ.
2. Ghi rõ số hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn GTGT của tổ chức.
3. Đại diện cho tổ chức lập bảng kê ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu của tổ chức.
4. Đối với xã, phường, thị trấn có Kiểm lâm địa bàn thì Kiểm lâm địa bàn ký, ghi rõ họ tên.





**3. Tên thủ tục: Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.**

Trình tự thực hiện	<p>- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch;</p> <p>- Bước 2: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đồng ý cho tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật vào Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật; Trường hợp không xác nhận, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
Cách thức thực hiện	Hồ sơ được nộp trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch
Thành phần Hồ sơ	<p>a) 02 bản Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT- BNNPTNT);</p> <p>b) Bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học hoặc Giấy chứng nhận tập huấn về bảo vệ thực vật (đối với dịch vụ thực hiện các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật);</p> <p>c) Bản sao chụp một trong những giấy tờ xác định địa chỉ giao dịch: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà ở gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; Hợp đồng thuê nhà hợp pháp còn hiệu lực tối thiểu là 01 (một) năm; Số hộ khẩu (đối với cá nhân). Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.
Cơ quan thực hiện TTHC	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Kết quả của TTHC	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (Phụ lục I - kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội;</p> <p>- Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 /12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.</p>

*Vào* 263

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT  
(Phụ lục I. kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2015  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn .....

Tên Tổ chức/cá nhân đăng ký: .....

Người đại diện (đối với tổ chức): .....; Chức vụ: .....

Số CMND .....; Ngày cấp: .....; Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi tạm trú: .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số điện thoại di động: .....; Số điện thoại cố định: .....

Đề nghị xác nhận đăng ký hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật sau đây: (\*)

- Dịch vụ tư vấn biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật

- Dịch vụ phòng, chống sinh vật gây hại thực vật

Hồ sơ gửi kèm: .....

Tôi xin cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật./.

Vào số số..... ngày ...../...../.....

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn**  
Nêu rõ tên Tổ chức/cá nhân và loại hình dịch vụ  
đề nghị xác nhận  
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Đại diện Tổ chức/cá nhân đăng ký**  
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

